



Kinh nghiệm triển khai JETP tại Nam Phi và Indonesia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Tháng 3, 2023

Kinh nghiệm triển khai JETP tại Nam Phi và Indonesia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Miễn trừ trách nhiệm

Bản Tóm tắt chính sách này do VNEEC chuẩn bị và được Perspectives Climate Group (PCG) rà soát dưới sự hỗ trợ tài chính của ETP để đáp ứng yêu cầu của Cục Biến đổi Khí hậu Việt Nam (DCC) nhằm cung cấp thông tin cơ bản trong giai đoạn đầu chuẩn bị Đề cương của Kế hoạch Huy động Nguồn lực cho Hợp tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng (JETP RMP). Các ý kiến thể hiện trong ấn phẩm này là hoàn toàn thuộc về các tác giả, không nhằm mục đích phản ánh ý kiến hoặc quan điểm của ETP hoặc DCC.

Mục lục

Mục lục	3
Danh mục bảng	5
Danh mục hình	5
Danh mục từ viết tắt	6
Tóm tắt	8
1. Giới thiệu	14
1.1 JETP là gì	14
1.2 Sự phát triển của JETP hiện nay trên toàn thế giới	14
1.3 Phạm vi và mục tiêu của Báo cáo này	15
2 JETP tại Việt Nam	15
2.1 Bối cảnh quốc gia	15
2.1.1 Bối cảnh ngành điện	15
2.1.2 Bối cảnh xã hội	17
2.1.3 Bối cảnh kinh tế	19
2.2 Tổng quan về JETP Việt Nam	19
2.3 Chuẩn bị và thực hiện JETP	20
3 JETP Ở Nam Phi	21
3.1 Bối cảnh quốc gia	21
3.1.1 Bối cảnh ngành điện	21
3.1.2 Bối cảnh xã hội	23
3.1.3 Bối cảnh kinh tế	23
3.2 Tổng quan về JETP Nam Phi và các tiền lệ	24
3.3 Chuẩn bị cho JETP Nam Phi	25
3.4 Quản trị và xây dựng JETP Ở Nam Phi	26
3.4.1 Cơ cấu quản trị JETP	26
3.4.2 Cơ sở chính cho xây dựng JET IP	28
4 JETP Ở Indonesia	35
4.1 Bối cảnh quốc gia	35
4.1.1 Bối cảnh ngành điện	35
4.1.2 Bối cảnh xã hội	36
4.1.3 Bối cảnh kinh tế	37
4.2 Tổng quan về JETP Indonesia	37
4.3 Chuẩn bị cho JETP Indonesia	38
4.4 Quản trị và xây dựng JETP Indonesia	43
4.4.1 Ban Thư ký cho JETP	43
4.4.2 Cơ cấu quản trị của JETP Indonesia	44
5 Những điểm chính của JETP ở ba nước	47
6 Kết luận và khuyến nghị cho Việt Nam	54

6.1	Ý nghĩa của việc tăng tham vọng về khử các-bon	54
6.2	Bài học chính và khuyến nghị cho Việt Nam	55

Danh mục bảng

Bảng 1: Bài học từ JETPs ở Nam Phi và Indonesia và khuyến nghị cho Việt Nam	10
Bảng 2: Tổng quan về phiên làm việc các tổ công tác của Ban thư ký JETP	33

Danh mục hình

Hình 1: Sản lượng điện Việt Nam và các chính sách hỗ trợ giai đoạn 2010-2021	17
Hình 2: Sản lượng phát điện của Nam Phi và các chính sách hỗ trợ giai đoạn 2000-2020	22
Hình 3: Nợ chính phủ của Nam Phi: % GDP danh nghĩa	24
Hình 4: Các mốc quan trọng và các hoạt động của Nam Phi trong quá trình chuyển dịch trước JETP	26
Hình 5. Quản trị JET IP	28
Hình 6. Các mốc chính sách quan trọng hỗ trợ chuyển dịch năng lượng công bằng	29
Hình 7. Phạm vi của các bên liên quan tham gia vào việc phát triển JET IP của Nam Phi	34
Hình 8: Cơ cấu sản lượng phát điện của Indonesia và các chính sách hỗ trợ giai đoạn 2000-2020	36
Hình 9: Các kế hoạch chuyển dịch năng lượng khác nhau ở Indonesia	42
Hình 10: Cơ cấu tổ chức Ban thư ký JETP Indonesia	44
Hình 11: Quy trình quản trị và quy trình làm việc của JETP Indonesia	44
Hình 12: Quy trình quản trị và quy trình làm việc của JETP Indonesia	45
Hình 13: Các lựa chọn cho dòng tài chính JETP của Indonesia	45
Hình 14: Mục tiêu giảm phát thải GHG theo NDC 2022, NCCS và JETP	54
Hình 15: Dự thảo Mô hình quản trị V-JETP	66

Danh mục từ viết tắt

ADB	Ngân hàng phát triển châu Á
CEO	Giám đốc điều hành
CFPP	Nhà máy điện đốt than
CIF	Quỹ đầu tư khí hậu
CIF-ACT	Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch than
CO ₂	Khí các-boníc
CO ₂ -tđ	Các-bon dioxit tương đương
COP	Hội nghị các Bên về Biến đổi Khí hậu của Liên hợp quốc
CRF	Cơ sở giảm thiểu các-bon
BĐKH	Biến đổi khí hậu
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cục BĐKH	Cục biến đổi khí hậu
ESG	Môi trường, xã hội và quản trị
ETM	Cơ chế chuyển dịch năng lượng
ETM-CP	Nền tảng Quốc gia ETM của Indonesia
EVN	Điện Lực Việt Nam
FIT	Biểu giá mua điện
G20	Nhóm hai mươi nước
G7	Nhóm bảy nước
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GFANZ	Liên minh tài chính Glasgow cho mục tiêu phát thải ròng bằng không - Net Zero
GHG	Khí nhà kính
IEA	Cơ quan năng lượng quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IMC	Ủy ban liên bộ Nam Phi
INA	Cơ quan đầu tư Indonesia
IPG	Nhóm đối tác quốc tế
JET IP	Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng
JETP	Hợp tác chuyển dịch năng lượng công bằng
LNG	Khí tự nhiên hoá lỏng
MEMR	Bộ Năng lượng và Tài nguyên khoáng sản
NCCS	Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NLTT	Năng lượng tái tạo
O&M	Bảo trì và vận hành
PCC	Ủy ban Khí hậu của Tổng thống Nam Phi

PCFTT	Nhóm công tác tài chính khí hậu của Tổng thống Nam Phi
PDP	Quy hoạch phát triển điện lực
PGII	Cơ sở hạ tầng và đầu tư toàn cầu
PLN	Perusahaan Listrik Negara
PT SMI	PT. Cơ sở hạ tầng Sarana của Indonesia
RMP	Kế hoạch huy động nguồn lực
RUPTL	Quy hoạch phát điện quốc gia 2021-2030 (Indonesia)
TIPS	Chiến lược Chính sách Thương mại & Công nghiệp
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNOPS	Văn phòng Dịch vụ Dự án của Liên hợp quốc
WB	Ngân hàng Thế giới

Tóm tắt

Báo cáo này phân tích và rút ra bài học từ quá trình chuẩn bị, xây dựng và triển khai JETP ở Nam Phi và Indonesia để xây dựng và phát triển Ban thư ký JETP và Kế hoạch huy động nguồn lực JETP (JETP RMP) tại Việt Nam.

Tổng quan về JETP

Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) là một cơ chế hợp tác tài chính mới giữa các nước phát triển và đang phát triển với mục đích giúp một số nền kinh tế mới nổi phụ thuộc vào than đá thực hiện quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng. Mục tiêu của JETP là hỗ trợ các quốc gia này tự xác định lộ trình từ bỏ dần việc sản xuất và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch trong ngành điện đồng thời giải quyết các hậu quả xã hội liên quan, chẳng hạn như đảm bảo đào tạo và việc làm thay thế cho những người lao động bị ảnh hưởng và các cơ hội kinh tế mới cho các cộng đồng bị ảnh hưởng.

Về cơ bản, các JETP dựa vào những hỗ trợ tài chính công trong nước và quốc tế để đạt được ba mục tiêu chính:

- tạo điều kiện cho việc ngừng sử dụng nhiên liệu hóa thạch sớm, đặc biệt là các nhà máy điện than (CFPP);
- huy động vốn của khu vực tư nhân để tài trợ cho các hoạt động khử các-bon; và
- đem đến "sự chuyển dịch công bằng" cho người dân.

JETP Nam Phi – quốc gia tiên phong với sự tham gia của hệ thống chính trị cấp cao và sự tham vấn chặt chẽ với các bên liên quan

Nam Phi là quốc gia phát thải CO₂ lớn nhất ở Châu Phi với phần lớn phát thải từ ngành điện, đặc biệt là điện than. Nam Phi đã có hơn một thập kỷ ban hành và tham vấn các chính sách với các bên liên quan để phát triển chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), như việc áp dụng thuế các-bon. Nam Phi là quốc gia đầu tiên đạt được đồng thuận về JETP vào tháng 11 năm 2021 với Nhóm Đối tác Quốc tế (IPG), bao gồm Vương quốc Anh, Pháp, Đức và Hoa Kỳ. Khoản tài trợ cam kết ban đầu trị giá 8,5 tỷ USD sẽ được huy động trong vòng 3 đến 5 năm tới. JETP Nam Phi đặc biệt được xây dựng với mức độ tham gia cao nhất trong hệ thống chính trị khi Tổng thống Nam Phi, ông Ramaphosa đã thành lập Nhóm phụ trách tài chính khí hậu của Tổng thống (PCFTT) để tham gia với IPG và phân tích đề xuất tài chính của IPG vào tháng 2 năm 2022. Sau đó, Ban thư ký JETP Nam Phi được thành lập với 5 tổ công tác kỹ thuật để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và quản lý nhằm phát triển một khung đầu tư dưới sự hướng dẫn của PCFTT và IPG. Ban Thư ký được hỗ trợ bởi Quỹ Đầu tư Khí hậu (CIF) của Ngân hàng Thế giới (WB) và chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện Kế hoạch đầu tư Chuyển dịch năng lượng công bằng (JET IP), đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan, giám sát và báo cáo về tiến độ của JET IP.

Bên cạnh nhiều các nhiệm vụ khác, PCFTT tập trung vào quan hệ đối tác với IPG và báo cáo trực tiếp với Ủy ban liên bộ (IMC) để hoàn thiện khuôn khổ thực hiện và kế hoạch đầu tư tài chính. Vào tháng 5 năm 2022, PCFTT đã tiến hành tham vấn với Ban thư ký JETP, IPG, các cơ quan chính phủ có liên quan và các tổ chức tài chính để thu hút các bên hợp tác phát triển JET IP.

JET IP được phát triển trong suốt năm 2022, trong một bối cảnh năng động, cùng với một số chính sách và quy trình hỗ trợ khác, bao gồm Dự luật BĐKH (tháng 2 năm 2022) và Phân loại tài chính xanh Nam Phi (tháng 3 năm 2022) và tham vấn chuyên sâu cùng các bên liên quan. Khung chuyển dịch công bằng được Nội các thông qua vào tháng 8 năm 2022 đưa ra một kế

hoạch chiến lược để đạt được chuyển dịch công bằng và bình đẳng để đạt mức phát thải CO₂ ròng bằng “0” ở Nam Phi vào năm 2050. Khung này đưa ra một số chuỗi giá trị chính phải chịu rủi ro cao nhất từ quá trình chuyển dịch — than đá, nông nghiệp, du lịch và sản xuất ô tô — và đặt ra các lĩnh vực chính sách quan trọng để giúp giải quyết những rủi ro này, bao gồm phát triển nguồn nhân lực và kỹ năng; phát triển công nghiệp, đa dạng hóa nền kinh tế và đổi mới; và các biện pháp bảo trợ xã hội. JETP IP xây dựng các tiêu chí ưu tiên liên quan đến đầu tư vào ngành điện, lĩnh vực phương tiện giao thông sử dụng năng lượng mới, lĩnh vực hydro xanh và trang bị kỹ năng cho quá trình chuyển dịch năng lượng. Tuy nhiên cho đến nay JETP IP không tính đến doanh thu từ thị trường các-bon.

JETP Indonesia - cách tiếp cận không rõ ràng khi tham vấn các bên liên quan và hiện có 5 cơ chế tài chính cạnh tranh nhau

Indonesia phụ thuộc nhiều vào than để sản xuất điện và đồng thời xuất khẩu than ra thị trường quốc tế. Đất nước này đã và đang phát triển các chính sách định giá các-bon trong nước như Hệ thống giao dịch phát thải (ETS) cho ngành điện và thuế các-bon ở mức độ thấp. Những vấn đề lớn mà Indonesia đã phải đối mặt trong quá khứ liên quan đến việc giảm trợ cấp nhiên liệu cho thấy có khả năng xảy ra xung đột cao nếu công chúng nhận thấy họ phải chịu thiệt thòi trong quá trình chuyển dịch. Indonesia đã trở thành quốc gia thứ hai triển khai JETP với IPG vào tháng 11 năm 2022. JETP Indonesia sẽ huy động 10 tỷ USD mỗi bên từ khối công và tư, sau đó là từ các tổ chức tài chính là thành viên của Liên minh tài chính Glasgow cho mục tiêu phát thải ròng bằng “0” - Net Zero (GFANZ) trong 3 đến 5 năm tới. Ngày 16 tháng 2 năm 2023, Ban thư ký JETP của Indonesia được thành lập bởi chính phủ Indonesia và Đồng chủ tịch IPG tại Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản Indonesia (MEMR); và được hỗ trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Ban thư ký hiện đang hỗ trợ chính phủ xây dựng một kế hoạch chính sách và đầu tư toàn diện phản ánh mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính (KNK) và hỗ trợ cho các cộng đồng bị ảnh hưởng. Các chính sách chính cung cấp thông tin cho JETP bao gồm NDC của Indonesia (2021), Chiến lược dài hạn về các-bon thấp và khả năng chống chịu với BĐKH (2021) và Mục tiêu phát triển theo hướng các-bon thấp của Indonesia (2021).

Bốn Tổ công tác của JETP cũng được thành lập để hỗ trợ Ban thư ký trong các nhiệm vụ đặc biệt. Cho đến nay, việc tham vấn các bên liên quan vẫn còn thiếu. Hơn nữa, hiện tại có 4 cơ chế chuyển dịch năng lượng khác cạnh tranh với JETP, bao gồm Chương trình đẩy nhanh chuyển dịch than đá (CIF-ACT) của CIF để hỗ trợ việc đóng cửa sớm các CFPP, cơ chế chuyển dịch năng lượng của ADB (ETM), Nền tảng ETM quốc gia của Indonesia (ETM- CP); phiên bản ETM của PLN; và ETM của Ủy ban đầu tư Indonesia (INA). Cho đến nay, JETP IP của Indonesia vẫn chưa xem xét đến doanh thu từ thị trường các-bon.

Việt Nam – Các bước liên quan đến JETP cho đến nay

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022, Việt Nam đã trở thành quốc gia thứ ba ký JETP với IPG “nhằm hỗ trợ Việt Nam phát triển theo hướng phát thải thấp và thích ứng với BĐKH, cũng như hỗ trợ Việt Nam đẩy nhanh quá trình chuyển dịch công bằng và khử các-bon trong hệ thống điện và phát triển các cơ hội kinh tế mới để hỗ trợ quá trình chuyển dịch của Việt Nam hướng tới tương lai phát thải ròng bằng ‘0’”. JETP của Việt Nam sẽ huy động ít nhất 15,5 tỷ USD trong vòng 3 đến 5 năm tới, trong đó ít nhất 7,75 tỷ USD được huy động từ nguồn tài chính khu vực công và ít nhất 7,75 tỷ USD sẽ được các thành viên Nhóm công tác GFANZ huy động từ nguồn tài chính tư nhân. Theo Tuyên bố chính trị, JETP có mục đích hỗ trợ Việt Nam trong ba lĩnh vực chính:

- Chuyển dịch công bằng
- Gia tăng tham vọng giảm phát thải các-bon
- Đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia về năng lượng và năng lượng giá rẻ

Tuyên bố Chính trị về JETP của Việt Nam nhấn mạnh sự cần thiết của việc áp dụng hệ thống năng lượng các-bon thấp để đạt được mục tiêu này thông qua việc thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo (NLTT), nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuyển dịch khỏi nhiệt điện than, đồng thời đảm bảo chủ quyền, an ninh năng lượng quốc gia và năng lượng giá rẻ.

Tuyên bố chính trị về JETP của Việt Nam cũng đề cập rõ đến việc sử dụng các biện pháp định giá và điều tiết để thúc đẩy đầu tư vào NLTT, sử dụng năng lượng hiệu quả và tăng cường mạng lưới điện quốc gia. Định giá các-bon là một chính sách tài chính khí hậu tiềm năng và mạnh mẽ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang năng lượng sạch hơn và giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu về khí hậu một cách hiệu quả về kinh tế. Việc định giá các-bon hiệu quả có thể đẩy nhanh việc áp dụng các công nghệ các-bon thấp, khuyến khích sử dụng NLTT, thúc đẩy giao thông điện và giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Hơn nữa, các thị trường các-bon quốc tế, như thị trường theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris, ngày càng trở nên quan trọng hơn trong việc cung cấp nguồn tài chính cần thiết cho các công nghệ các-bon thấp.

Việt Nam hiện đang chuẩn bị thành lập Ban thư ký JETP trước tháng 4 năm 2023 để hỗ trợ việc quản lý JETP cũng như tạo điều kiện và điều phối các công việc kỹ thuật theo hướng dẫn của Việt Nam và IPG. Việc thành lập này sẽ nhận được hỗ trợ về mặt tài chính và hành chính từ bên ngoài với sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm các tổ chức tài chính phát triển đa phương và song phương, các tổ chức khu vực tư nhân và các tổ chức khác. Nhiệm vụ đầu tiên của Ban thư ký là cung cấp hỗ trợ về việc quản lý và kỹ thuật để xây dựng Kế hoạch huy động nguồn lực JETP (RMP) để đệ trình lên IPG trước tháng 11 năm 2023. Theo như Tuyên bố Chính trị, RMP sẽ xác định các yêu cầu đầu tư mới và cơ hội cho sự phát triển và triển khai năng lượng gió, mặt trời, truyền tải điện, hiệu quả năng lượng, lưu trữ, xe điện, đào tạo, tái đào tạo và hỗ trợ việc làm trong một số những lĩnh vực khác – và các biện pháp tạo thuận lợi cho việc triển khai hỗ trợ cũng như vượt qua các rào cản đối với việc đầu tư.

Bài học từ các JETP ở Nam Phi và Indonesia và ý nghĩa đối với Việt Nam

Từ kinh nghiệm của Nam Phi và Indonesia, các bài học chính cho việc triển khai JETP và cơ cấu quản trị của JETP được rút ra như sau :

Bảng 1: Bài học từ JETPs ở Nam Phi và Indonesia và khuyến nghị cho Việt Nam

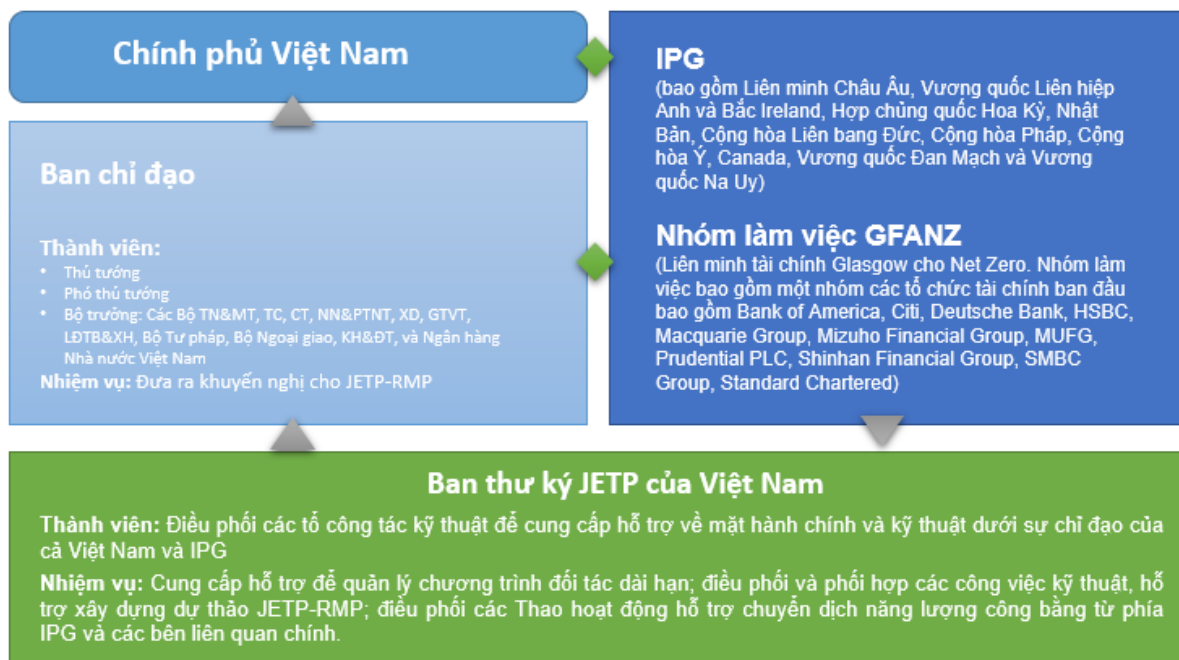
Khía cạnh	Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho Việt Nam
Đàm phán, đối thoại	Các cuộc đàm phán diễn ra chậm và tốn nhiều nguồn lực. • JETP là một cam kết rộng để đáp ứng trong một khung thời gian chính trị cụ thể, nhưng các đặc điểm cụ thể của các điều khoản tài chính, kế hoạch cải cách, cơ cấu điều phối, v.v. lại cần có thời gian để xác định. • Việc tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nguồn tài trợ khác nhau và thu hút họ tham gia vào giai đoạn đầu của đàm phán là việc rất quan trọng để cung cấp thêm nguồn lực hỗ trợ Việt Nam trong giai đoạn này.
Điều phối quốc gia	• Có một cơ quan tập trung cấp cao, điều phối và quản lý quá trình chuyển dịch chính là chìa khóa thành công của việc xây dựng RMP. Sự tham

Khía cạnh	Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho Việt Nam
	gia đầy đủ của cấp chính quyền cao nhất là rất quan trọng để giảm thiểu sự thiếu hợp tác tiềm ẩn của các bộ, ngành liên quan. Cụ thể là Ban chỉ đạo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 – cần được cập nhật, nâng cấp cho phù hợp. • Duy trì sự nhất trí và đồng thuận chính trị cao với các bộ ngành, chính quyền địa phương và các nhóm bị ảnh hưởng là điều cần thiết trong quá trình xây dựng và thực hiện RMP. • Cần có sự phối hợp và tham gia rộng rãi hơn để tránh các phương pháp tiếp cận theo từng ngành cản trở việc đạt được mục tiêu của JETP do các chính sách không nhất quán và phản tác dụng cũng như các phương pháp tiếp cận “tách rời”.
Khung pháp lý	• Cho đến nay, hai chính sách được đề cập trong Tuyên bố chính trị của JETP của Việt Nam, cụ thể là NDC và Chiến lược quốc gia về BĐKH, không đề cập đến bất kỳ vấn đề chuyển dịch năng lượng công bằng nào. Một JETP yêu cầu một môi trường pháp lý thuận lợi. • JETP-RMP của Việt Nam nên bao gồm các tiêu chí để ưu tiên phát triển các chính sách liên quan đến khí hậu, chính sách liên quan đến điện, chính sách liên quan đến chuyển dịch, chính sách liên quan đến tài chính và chính sách liên quan đến ngành công nghiệp. Các chính sách như vậy nên bao gồm: - o Chương trình chuyển dịch năng lượng quốc gia toàn diện để quản lý BĐKH trên toàn quốc, bao gồm khai thác các phương tiện khác nhau của tài chính khí hậu công quốc tế và doanh thu từ thị trường các-bon - o Khung mục tiêu phát thải ngành - o Sửa đổi Luật Điện lực tạo điều kiện khuyến khích phát điện tái tạo ổn định lâu dài (theo những mô hình đưa đến đột phá về đầu tư điện mặt trời) - o Phát triển thị trường điện cạnh tranh (ví dụ: Cơ chế đấu giá điện/Cơ chế đấu thầu dự án điện mới) - o Sửa đổi hệ thống hỗ trợ giá điện cho các hộ gia đình có tính đến tình trạng kinh tế xã hội của họ - o Quy định về thị trường tín chỉ các-bon trong nước - o Các quy định về thuế các-bon trong nước, bao gồm cả việc sử dụng các khoản tín chỉ các-bon đối với thuế - o Sửa đổi Quy hoạch Điện VIII - o Ban hành Luật NLTT quy định các yêu cầu cụ thể đối với NLTT, thủ tục đầu tư, cơ chế chuyển giao, hỗ trợ chuyển dịch việc làm, chương trình đào tạo, công nghệ mới, đặc biệt chú trọng điện gió ngoài khơi. - o Đấu giá sản xuất NLTT. - o Sửa đổi Luật Đất đai – với chính sách mới về sử dụng đất đa mục đích cho phát triển NLTT

Khía cạnh	Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho Việt Nam
Gói tài chính, cơ cấu và phân phối các quỹ	Các cuộc đàm phán về RMP và gói tài chính nên tập trung vào: • JETP là một cơ chế mới và hình thức hợp tác sáng kiến mới. Tài chính quốc tế đến từ sự kết hợp rộng rãi của các ngân hàng phát triển đa phương, song phương, tổ chức từ thiện, khu vực tư nhân... Thách thức là đảm bảo rằng tất cả các đối tác đều mang lại kết quả trong khoảng thời gian vài năm. Điều này cần phải được thể hiện trong các thỏa thuận chặt chẽ để không thể “trốn tránh bốn phần” một khi tính mới của JTP mất dần. Cần tránh dán nhãn mới cho các nguồn tài chính theo phương thức cũ và cần phải đàm phán các khoản tài trợ hay vốn ưu đãi trong RMP ở mức hợp lý. Thị trường các-bon cũng cần phải được đưa vào. • Các yếu tố công bằng, chẳng hạn như đào tạo lại người lao động và trợ cấp sinh kế trong một thời gian tạm thời, thường là những yếu tố khó đàm phán và tài trợ nhất. Mặt khác, các yếu tố công bằng này không thể huy động vốn trong các thị trường thông thường, vì vậy nên ưu tiên cho các khoản viện trợ không hoàn lại. • Đánh giá ngưỡng tài chính dựa trên kết quả và đánh giá rủi ro nếu việc thực hiện các dự án JETP sau này không đạt được mục tiêu đã thỏa thuận.
Các chiến lược và nghiên cứu dựa trên bằng chứng khoa học	JETP tại Việt Nam hiện được thiết kế như một cam kết chính trị cấp cao. Thuật ngữ “công bằng” chưa được nghiên cứu kỹ và phản ánh trong các chiến lược dựa trên bằng chứng khoa học. • Cần xây dựng hệ thống dữ liệu đáng tin cậy và các chiến lược dựa trên bằng chứng khoa học cho quá trình chuyển dịch công bằng, điều này rất quan trọng để xây dựng lộ trình và chiến lược hiệu quả cho quá trình chuyển dịch công bằng, đo lường tiến độ và đánh giá hiệu quả của các chính sách và chương trình chuyển dịch. • Thực hiện nhiều nghiên cứu sâu hơn, nghiên cứu cơ sở để cung cấp cơ sở khoa học và chiến lược với sự tham gia rộng rãi của các chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau (học thuật, kinh doanh, lao động và các hiệp hội) để hỗ trợ cho việc phát triển và thực hiện RMP.
Thiết kế mô hình quản trị hiệu quả	• Việc quản lý và điều phối các nỗ lực một cách hiệu quả, có trách nhiệm và minh bạch là chìa khóa để đảm bảo sự công bằng và sự tham gia toàn diện, giảm thiểu các tác động kinh tế và chính trị tiêu cực, đồng thời bảo vệ cuộc sống và sinh kế của những người dễ bị tổn thương nhất. • Việc quản lý ở cấp quốc gia và cấp tỉnh để đạt được quá trình chuyển dịch công bằng và bình đẳng cần được thể hiện rõ ràng trong RMP.
Thu hút đồng đảo công chúng và các bên liên quan tham gia đối thoại chính sách	JETP mang tính chính trị cao: Các cuộc đàm phán trực tiếp giữa chính phủ Việt Nam và IPG là không thể thiếu để đảm bảo quy mô tham vọng cần thiết để làm hài lòng cả hai bên. Bản chất tương đối khép kín của các cuộc đàm phán đó cũng rất quan trọng để hình thành mối quan hệ đối tác. Tuy nhiên, nó có thể dẫn đến sự thiếu minh bạch và làm giảm sự hỗ trợ từ khu vực công, tư nhân..., thậm chí cả các cơ quan chính phủ quan trọng khác trong giai đoạn thực hiện RMP.

Khía cạnh	Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho Việt Nam
	- Cần có một nền tảng chính thức để cho phép các bên liên quan khác nhau (và đặc biệt là các tổ chức xã hội) được tham gia, tham vấn, chia sẻ và nhận thông tin. Quy trình chính thức này là cần thiết để đảm bảo tính liên tục trong suốt quá trình triển khai RMP trên thực tế. - Các cuộc đối thoại công khai cần được tổ chức sớm ngay trong quá trình chuẩn bị RMP và sau đó được lặp lại trong suốt quá trình chuyển dịch công bằng. Điều này hỗ trợ một quy trình toàn diện hơn để đạt được sự thỏa hiệp giữa các bên liên quan khác nhau và cân bằng các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường hoặc các lợi ích cạnh tranh khác.
Hợp tác giữa các nước tiếp nhận	- Chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hợp tác với Nam Phi và Indonesia nên được thực hiện càng sớm càng tốt để học hỏi về việc thành lập Ban thư ký, các hệ thống quản trị và dự thảo RMP. Việc này có thể được thực hiện thông qua việc tổ chức các hội thảo và thực hiện các chuyến thăm thực địa của các chuyên gia kỹ thuật và các quan chức cấp cao...) - Về lâu dài, việc thiết lập một nền tảng hợp tác và trao đổi thông tin thường xuyên giữa các quốc gia tiếp nhận có thể dẫn đến một chuỗi các hoạt động kết hợp và tăng cường tiếng nói cũng như sức mạnh đàm phán.

Cơ cấu quản trị được đề xuất cho JETP của Việt Nam như sau:



1. Giới thiệu

1.1 JETP là gì

Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) là một cơ chế hợp tác tài chính mới giữa các nước phát triển và đang phát triển với mục đích giúp một số nền kinh tế mới nổi phụ thuộc vào than đá thực hiện quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng. Mục tiêu của JETP là hỗ trợ các quốc gia này tự xác định lộ trình từ bỏ dần việc sản xuất và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch trong ngành điện đồng thời giải quyết các hậu quả xã hội liên quan, chẳng hạn như đảm bảo đào tạo và việc làm thay thế cho những người lao động bị ảnh hưởng và các cơ hội kinh tế mới cho các cộng đồng bị ảnh hưởng¹.

Về cơ bản, các JETP dựa vào những hỗ trợ tài chính công trong nước và quốc tế để đạt được ba mục tiêu chính:

- tạo điều kiện cho việc ngừng sử dụng nhiên liệu hóa thạch sớm, đặc biệt là các CFPP;
- huy động vốn của khu vực tư nhân để tài trợ cho các hoạt động khử các-bon; và
- đem đến "sự chuyển dịch công bằng" cho người dân.

Cách tiếp cận “do quốc gia tự thực hiện” là yếu tố chính phân biệt JETP với các cơ chế tài chính khí hậu truyền thống. JETP dự kiến sẽ đúc kết lại các nhu cầu đầu tư cụ thể của quốc gia phù hợp với các mục tiêu phát triển và khí hậu dài hạn.

JETP là một cách tiếp cận đầy hứa hẹn, nếu được phát triển và thực hiện đúng cách, để tăng hiệu quả của tài chính khí hậu công quốc tế và tài chính từ thị trường các-bon bằng cách loại bỏ các rào cản phi tiền tệ đối với quá trình chuyển dịch năng lượng thông qua việc tập trung vào các khía cạnh xã hội của quá trình chuyển dịch năng lượng.

Do các nền kinh tế mới nổi có sự khác biệt lớn trong bối cảnh quốc gia, đặc biệt là trong quá trình chuyển dịch năng lượng trong nước và các chính sách như nguồn và cấu trúc hệ thống năng lượng, tình hình phát triển của thị trường cạnh tranh và tỷ lệ điện khí hóa, sự cam kết và mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính (GHG), nên các JETP được thiết kế theo các cấu trúc khác nhau là một điều rất tự nhiên.

1.2 Sự phát triển của JETP hiện nay trên toàn thế giới

Tại COP26 vào tháng 11 năm 2021, chính phủ Nam Phi, Pháp, Đức, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, cùng với Liên minh Châu Âu, đã đưa ra Tuyên bố chính trị công bố **một JETP mới, dài hạn và đầy tham vọng**. Theo Tuyên bố chính trị này, Nam Phi đã được Pháp, Đức, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu (gọi chung là Nhóm Đối tác Quốc tế, hay IPG²) hứa tài trợ 8,5 tỷ USD. Khoản tài trợ đã cam kết sẽ được huy động trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm để tạo ra “sự chuyển dịch công bằng sang một xã hội có hàm lượng các-bon thấp, thích ứng với BĐKH nhằm thúc đẩy việc làm và sinh kế”³. Các quỹ này sẽ được huy động thông qua các cơ chế khác nhau bao gồm viện trợ không hoàn lại, vốn vay ưu đãi và các công cụ đầu tư và chia sẻ rủi ro. Vào tháng 11 năm 2022, một năm sau khi công bố JETP tại COP26,

¹ Kramer, K. (2023) *Quan hệ liên kết chuyển dịch năng lượng công bằng: Cơ hội để đi tắt đón đầu từ than đá sang năng lượng sạch*. <https://www.iisd.org/articles/insight/just-energy-transition-partnerships>

²Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các JETP khác nhau sẽ có các thành viên IPG khác nhau. Xem chi tiết tại Bảng 1 để biết danh sách IPG của mỗi quốc gia.

³ Tuyên bố Chính trị về việc thiết lập Liên kết chuyển dịch Năng lượng Công bằng ở Nam Phi, Tuyên bố của Nguyên thủ Quốc gia Cộng hòa Nam Phi, Tổng thống Cyril Ramaphosa. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/it/ip_21_5768.

chính phủ Nam Phi đã khởi động Kế hoạch đầu tư JET (JET IP) như đã nêu trong Tuyên bố chính trị.

Vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại hội nghị thượng đỉnh G20, Indonesia đã trở thành quốc gia thứ hai triển khai JETP với IPG. JETP của Indonesia sẽ huy động 20 tỷ USD trong vòng 3 đến 5 năm tới, trong đó 10 tỷ USD từ tài chính công sẽ được huy động bởi các thành viên IPG và ít nhất 10 tỷ USD từ tài chính tư nhân dự kiến sẽ được huy động và hỗ trợ bởi Liên minh tài chính Glasgow cho mục tiêu phát thải ròng bằng không - Net Zero (GFANZ)⁴. GFANZ bao gồm hơn 550 tổ chức tài chính từ hơn 50 quốc gia. Các thành viên của Nhóm công tác bao gồm Bank of America, Citi, Deutsche Bank, HSBC, Macquarie Group, Mizuho, MUFG, Prudential PLC, Shinhan, SMBC và Standard Chartered.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022, Việt Nam đã trở thành quốc gia thứ ba ký JETP với IPG “nhằm hỗ trợ Việt Nam phát triển theo hướng phát thải thấp và thích ứng với BĐKH, cũng như hỗ trợ Việt Nam đẩy nhanh quá trình chuyển dịch công bằng và khử các-bon trong hệ thống điện và phát triển các cơ hội kinh tế mới để hỗ trợ quá trình chuyển dịch của Việt Nam hướng tới tương lai phát thải ròng bằng ‘0’”⁵. JETP của Việt Nam sẽ huy động ít nhất 15,5 tỷ USD trong vòng 3 đến 5 năm tới, trong đó ít nhất 7,75 tỷ USD được huy động từ nguồn tài chính khu vực công và ít nhất 7,75 tỷ USD sẽ được các thành viên Nhóm công tác GFANZ huy động từ nguồn tài chính tư nhân.

Tại thời điểm viết báo cáo này, Philippines, Ấn Độ và Senegal đang đàm phán JETP. Việc bao gồm Senegal, quốc gia không sử dụng than nhiều, đã mở rộng phạm vi của các JETP, do vậy chúng có tiềm năng áp dụng cho tất cả các quốc gia phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch⁶.

1.3 Phạm vi và mục tiêu của Báo cáo này

Phạm vi và mục tiêu của Báo cáo này là nhằm phân tích và rút ra các bài học kinh nghiệm từ quá trình chuẩn bị, xây dựng và triển khai JETP ở Nam Phi và Indonesia cho việc thành lập và xây dựng Ban thư ký JETP và Kế hoạch huy động nguồn lực JETP (RMP) tại Việt Nam.

Phần đầu tiên của báo cáo sẽ cung cấp thông tin chung về JETP, trong khi phần thứ hai cung cấp bối cảnh quốc gia và tác động của JETP đối với Việt Nam. Phần thứ ba và thứ tư sẽ cung cấp chi tiết về quá trình chuẩn bị và xây dựng JETP ở Nam Phi và Indonesia. Phần cuối cùng sẽ rút ra bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho Việt Nam trong việc chuẩn bị cho JETP của riêng mình.

2 JETP tại Việt Nam

2.1 Bối cảnh quốc gia

2.1.1 Bối cảnh ngành điện

Ngành điện ở Việt Nam được quản lý bởi chính phủ thông qua Bộ Công Thương. Thị trường điện ở Việt Nam vẫn do nhà nước chi phối, dù Chính phủ đã nỗ lực thiết lập một môi trường cạnh tranh theo định hướng thị trường hóa. Chính phủ hiện là nhà đầu tư lớn nhất trên thị trường điện. Đến cuối năm 2020, trong tổng số 109 đơn vị phát điện, 3 doanh nghiệp năng

⁴Tuyên bố Chính trị về việc thiết lập Liên kết chuyển dịch Năng lượng công bằng ở Indonesia. Thông cáo báo chí. <https://www.gov.uk/government/news/indonesia-just-energy-transition-partnership-launched-at-g20>

⁵Tuyên bố Chính trị về thiết lập Liên kết chuyển dịch Năng lượng công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724, đoạn 17.

⁶Viện quốc tế về phát triển bền vững. (2022) Tóm tắt chính sách: Sự cần thiết của Quan hệ liên kết chuyển dịch năng lượng công bằng để hỗ trợ việc chuyển từ khí hóa thạch sang một tương lai năng lượng tái tạo sạch. <https://www.iisd.org/publications/brief/just-energy-transition-partnerships>

lượng chủ lực của Nhà nước là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) và Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) nắm giữ gần 89% công suất điện. EVN vẫn là đơn vị mua bán và phân phối điện duy nhất tại Việt Nam. EVN sở hữu và vận hành khoảng 58% công suất phát điện trên toàn Việt Nam và kiểm soát truyền tải và phân phối; thu từ bán điện đạt gần 100%.

Năm 2022, sản lượng điện của Việt Nam đạt 268,44 TWh, trong đó 39,1% từ than, 35,4% từ thủy điện và 12,6% từ các nguồn tái tạo khác⁷.

Giai đoạn 2011-2020, nhiệt điện than tăng trưởng bình quân hàng năm là 18%/năm, trong khi nhiệt điện khí và dầu tăng không đáng kể trong giai đoạn này.

Trong thập kỷ qua, Chính phủ Việt Nam đã tích cực hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phát triển NLTT. Quyết định về biểu giá điện (FIT) đã huy động sự gia tăng công suất điện NLTT từ 13,7 GW năm 2012 lên 42,7 GW năm 2021⁸ với điện mặt trời đạt 4 GW chỉ sau hai năm⁹. Năm 2022, điện mặt trời (bao gồm cả điện mặt trời áp mái) đạt khoảng 16,7 GW và điện gió đạt 4,7 GW¹⁰.

Tuy nhiên, hệ thống điện vẫn phụ thuộc nhiều vào than đá. Hình dưới đây thể hiện cơ cấu sản lượng điện theo nguồn và các chính sách liên quan hỗ trợ phát triển NLTT ở Việt Nam trong những thập kỷ qua.

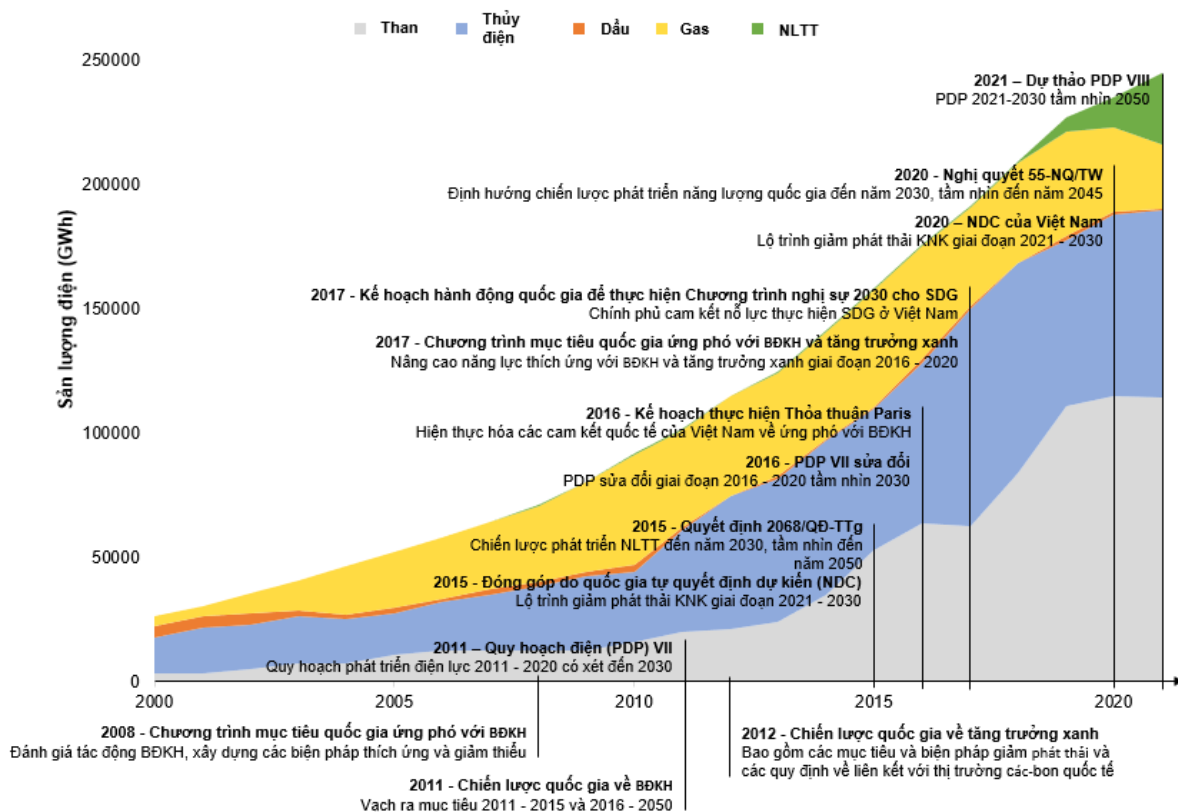
⁷Hiệp hội Năng lượng Việt Nam. (2023) *Báo cáo tổng kết thực hiện Kế hoạch năm 2022, mục tiêu, nhiệm vụ của EVN năm 2023* - tháng 12/2022 .

<https://nangluongvietnam.vn/tap-doan-dien-luc-viet-nam-nam-2022-thu-thach-huong-phat-trien-30102.html>

⁸Cơ quan năng lượng tái tạo quốc tế. (2022) *Thống kê năng lượng tái tạo 2022*. <https://www.irena.org/publications/2022/Apr/Renewable-Capacity-Statistics-2022>

⁹Thắng N. Đỗ. (2020) Các động lực cơ bản và rào cản đối với phổ biến quang điện mặt trời: Trường hợp của Việt Nam. <https://doi.org/10.1016/j.enpol.2020.111561>

¹⁰Điện lực Việt Nam. (2022) *Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, EVN* . <https://www.nldc.evn.vn/FullNewsg/200/Cong-suat-huy-dong/default.aspx>



Hình 1: Sản lượng điện Việt Nam và các chính sách hỗ trợ giai đoạn 2010-2021¹¹

NDC cập nhật năm 2022 của Việt Nam ước tính tổng lượng phát thải của Việt Nam vào năm 2020 là 528,4 triệu tấn CO₂-tđ. Ngành năng lượng chiếm 66% (347,5 triệu tấn CO₂-tđ) trong đó sản xuất điện chiếm 39% (207,5 triệu tấn CO₂-tđ)¹².

Theo dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (PDP) giai đoạn 2021-2030 có xét đến năm 2045 (PDP VIII) về cơ cấu năng lượng, công suất lắp đặt của nhiệt điện than vào năm 2030 lần lượt là 36,3 GW, 29,3 GW, và 7,0 GW chất đốt sinh khối/amoniac vào năm 2045. Phát điện bằng khí đốt sử dụng khí đốt trong nước là nguồn điện năng hoạt động đáng tin cậy, đóng vai trò quan trọng trong an ninh năng lượng. Nguồn điện này sẽ đạt công suất tối đa vào năm 2030, sau đó khoảng một nửa công suất này sẽ được duy trì, phần còn lại được chuyển đổi thành LNG và sau đó sẽ chuyển đổi thành năng lượng hydro hoàn toàn. Phát điện bằng khí đốt từ LNG nhập khẩu đạt công suất cao nhất vào năm 2035, sau đó chuyển dần sang năng lượng hydro và sẽ được thay thế hoàn toàn bằng hydro. Đến năm 2045, công suất lắp đặt của các nguồn NLTT và thủy điện sẽ chiếm tỷ trọng rất cao, ở mức 68,5% tổng công suất lắp đặt của toàn hệ thống điện. Ngoài ra, các nguồn điện gió ngoài khơi đóng vai trò sản xuất hydro xanh hoặc amoniac để tích trữ năng lượng làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện chủ động phát điện¹³.

2.1.2 Bối cảnh xã hội

¹¹Tư vấn viên tự biên soạn

¹²Chính phủ Việt Nam. (2022) NDC (Đóng góp do quốc gia tự quyết định) Việt Nam cập nhật 2022. <https://unfccc.int/documents/622541>

¹³Bộ Công Thương. (2022) Dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2021 - 2030 có xét đến năm 2045, tháng 11/2022

Trong giai đoạn 2002-2011, hơn 10 triệu người đã thoát nghèo với tỷ lệ nghèo đói ở các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp của WB (3,2 USD/ngày tính theo PPP 2011) giảm từ 16,8 xuống 5%¹⁴. Mặc dù Việt Nam đã có lịch sử xóa đói giảm nghèo thành công, nhưng bất bình đẳng thu nhập giữa các tầng lớp dân cư đang có xu hướng gia tăng, với hệ số GINI tăng từ 0,34 năm 2014 lên 0,37 năm 2020¹⁵. Bất bình đẳng thu nhập giữa 20% hộ gia đình giàu nhất và 20% hộ gia đình nghèo nhất (“khoảng cách giàu nghèo”) tăng từ 7 lần lên hơn 8,5 lần trong giai đoạn 2004-2010 và tăng từ 9,8 lần lên¹⁷ 10,2 lần trong giai đoạn 2012-2020¹⁸. Ngoài ra, thu nhập bình quân của nhóm nghèo nhất đến nhóm cận giàu nhất khá gần nhau, trong khi thu nhập bình quân của nhóm giàu nhất lại bỏ xa 4 nhóm còn lại, điều này cho thấy 4 nhóm đầu gặp nhiều khó khăn trong việc gia nhập vào nhóm giàu nhất¹⁹. Đáng chú ý, ở khu vực nông thôn, nơi cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi quá trình chuyển dịch năng lượng, khoảng cách thu nhập giữa nhóm thấp nhất và cao nhất tăng từ 8,4 lần năm 2016 lên 9,6 lần năm 2019²⁰.

Việt Nam hiện có 39 CFPP đang vận hành với tổng công suất lắp đặt là 25,8 GW với 28 nhà máy thuộc sở hữu nhà nước (EVN, Vinacomin và Petrovietnam) và 11 nhà máy thuộc sở hữu tư nhân. Tổng số việc làm trong lĩnh vực bảo trì và vận hành (O&M) tương ứng là khoảng 17.500 người. Trong khi việc làm trong ngành khai thác than vào năm 2021 chiếm 0,2% lực lượng lao động của Việt Nam²¹ khoảng 94.000 người.²²

Với JETP, Việt Nam đặt mục tiêu giảm 6,8 GW công suất nhiệt điện than vào năm 2030 so với công suất cao nhất theo kế hoạch là 37 GW. Ước tính ban đầu của chuyên gia Tư vấn về số người thất nghiệp do đóng cửa 6,8 GW điện than trong lĩnh vực O&M sẽ vào khoảng 4.600 người. Đối với tổng chuỗi cung ứng than cho các CFPP, ước tính sẽ có 15.642 đến 21.160 việc

¹⁴Ngân hàng Thế giới (The World Bank). (2022) *Đánh giá Nghèo đói và Bình đẳng ở Việt Nam – Từ Dặm cuối cùng đến* *Dặm* *tiếp* *theo*. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/2022-vietnam-poverty-and-equity-assessment-report>

¹⁵Ngân hàng Thế giới (The World Bank). (2023) *Chỉ số Gini - Việt Nam*. https://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.GINI?locations=VN-ID-ZA&most_recent_year_desc=false

¹⁶Tổng cục thống kê Việt Nam. (2021) *Xu hướng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020*. <https://www.gso.gov.vn/vi/data-and-statistics/2021/06/the-trend-of-inequality-in-income-distribution-in-vietnam-2016-2020-period/>

¹⁷Ngân hàng Thế giới (The World Bank). (2013) *2012 Đánh giá sự nghèo đói ở Việt Nam*. <https://documents.worldbank.org/en/publication/documentreports/documentdetail/563561468329654096>

¹⁸Tổng cục thống kê Việt Nam. (2021) *Xu hướng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020*. <https://www.gso.gov.vn/vi/data-and-statistics/2021/06/the-trend-of-inequality-in-income-distribution-in-vietnam-2016-2020-period/>

¹⁹Oxfam Việt Nam. (2018) *Dịch chuyển xã hội và bình đẳng về cơ hội ở Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố tác động*. <https://vietnam.oxfam.org/latest/publications/report-social-mobility-and-equality-opportunity-vietnam-trends-and-impact?q=latest/policy-paper/report-social-mobility-and-binh-dang-co-hoi-viet-nam-xu-huong-va-tac-dong>

²⁰Tổng cục thống kê Việt Nam. (2021) *Xu hướng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020*. <https://www.gso.gov.vn/vi/data-and-statistics/2021/06/the-trend-of-inequality-in-income-distribution-in-vietnam-2016-2020-period/>

²¹Tổng cục thống kê Việt Nam. (2022). *Hợp báo về Tình hình lao động, việc làm quý IV và năm 2021 và Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam giai đoạn 2016-2020*. <https://www.gso.gov.vn/vi/data-and-statistics/2022/02/press-conference-on-labor-and-job-situation-in-the-fourth-quy-and-2021-va-phat-trien-con-do-nam-duoc-hdi-cho-giai-ky-2016-2020/>

²²Cổng thông tin điện tử Chính phủ tỉnh Quảng Ninh. (2023). *TKV: Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu*. <https://www.quangninh.gov.vn/chuyen-de/baucu/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=113863>

làm bị suy giảm tùy thuộc vào các kịch bản mà tổng sản lượng điện sẽ nằm trong khoảng 551,2 đến 595,5 TWh theo dự thảo PDP VIII²³.

Cùng với việc đóng cửa các CFPP, JETP cũng sẽ giúp Việt Nam tăng tỷ lệ NLTT (chủ yếu là năng lượng gió và mặt trời) từ 36% lên 47% tổng sản lượng điện vào năm 2030. Sự gia tăng này ước tính sẽ tạo thêm 294.098 việc làm mới cho Việt Nam mà trong đó năng lượng gió (trên bờ, gần bờ và ngoài khơi) chiếm 110.842 việc làm mới trong khi năng lượng mặt trời chiếm 183.256 việc làm mới. Việc ước tính các công việc cho NLTT bao gồm các công việc trong O&M, xây dựng và sản xuất với giả định tỷ lệ nội địa hóa ngành sản xuất là 50% vào năm 2030.

2.1.3 Bối cảnh kinh tế

Trong những thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế, chuyển mình từ một trong những nền kinh tế nghèo nhất thế giới sang nền kinh tế có thu nhập trung bình thấp²⁴.

Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm 5-6% trong giai đoạn 2002-2021 với GDP bình quân đầu người tăng 3,6 lần, đạt gần 3.700 USD vào năm 2021²⁵. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh đó, nhu cầu về điện đang tăng với tốc độ chưa từng thấy. Theo EVN, nhu cầu điện của Việt Nam tăng trưởng 10,3-11,3%/năm trong giai đoạn 2016-2020. Do đó, Việt Nam đã phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch để đáp ứng nhu cầu năng lượng đang tăng nhanh, khiến lượng khí thải CO₂ tăng với tốc độ 7,9% hàng năm, nhanh hơn tốc độ tăng trưởng GDP thực (6,5-7% hàng năm)²⁶. Với mức tăng trưởng GDP hàng năm dự kiến là 7% trong giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia giai đoạn 2021-2030 trình Quốc hội vào ngày 5 tháng 1 năm 2023 đặt mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 với GDP bình quân đầu người đạt 7.500 USD²⁷. Do đó, nhu cầu điện được dự đoán sẽ tăng 6,8–8,4% hàng năm trong giai đoạn 2021-2030²⁸. Ước tính, nhu cầu tài chính hàng năm trên 11 tỷ USD để nâng cấp hệ thống điện của Việt Nam như đề xuất trong PDP VIII, trong đó phần lớn sẽ được phân bổ cho NLTT, để đáp ứng các mục tiêu đã đề ra²⁹.

Theo WB, ở quy mô lớn hơn, Việt Nam cần 114 tỷ USD đến năm 2040, bao gồm 81 tỷ USD đầu tư và 33 tỷ USD cho các chương trình xã hội, để đạt được trung hòa các-bon cho nền kinh tế và một mình Việt Nam không thể huy động được số tiền này nếu không có các nguồn

²³Số lượng việc làm bị mất và được tạo ra được tính toán bằng cách sử dụng công cụ do Tư vấn viên tự phát triển dựa trên các nghiên cứu của Ram et al. (2022) về “Tạo việc làm trong quá trình chuyển dịch năng lượng toàn cầu tuân thủ khí hậu trong các ngành điện, nhiệt, vận tải và khử muối vào năm 2050”.

²⁴Ngân hàng Thế giới. (2023) *Việt Nam: Đạt được thành công với tư cách là một quốc gia có thu nhập trung bình*. <https://www.worldbank.org/en/results/2013/04/12/vietnam-achieving-success-as-a-middle-income-country>

²⁵Ngân hàng Thế giới. (2022) *Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam: Tổng quan*. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview#1>

²⁶Báo Nhân Dân. (2023) *Lời kêu gọi quốc gia về hỗ trợ chuyển dịch năng lượng nhận được nhiều phản hồi*. <https://vi.nhandan.vn/national-appeal-for-energy-transition-assistance-receives-big-response-post123044.html>

²⁷Báo Vietnamnet. (2023) *Việt Nam đặt mục tiêu GDP bình quân đầu người đạt 7.500 USD vào năm 2030*. <https://vietnamnet.vn/vi/vietnam-targets-usd7-500-gdp-per-capita-by-2030-2098122.html>

²⁸VHM Nguyễn. (2018) *Dự báo mức tiêu thụ điện ở Việt Nam năm 2030*. DOI:10.48084/etasr.2037

²⁹IUCN. (2022) *Mở khóa nguồn tài chính quốc tế cho quá trình chuyển dịch năng lượng tái tạo của Việt Nam*. <https://www.iucn.org/news/viet-nam/202205/unlocking-international-finance-vietnams-renewable-energy-transition>

tài trợ bên ngoài. Hơn nữa, báo cáo nhấn mạnh mức độ thiệt hại cao liên quan đến BĐKH, về cơ bản là do phát thải KNK bởi các quốc gia khác³⁰.

2.2 Tổng quan về JETP Việt Nam

Theo Tuyên bố chính trị, JETP nhằm mục đích hỗ trợ Việt Nam trong ba lĩnh vực lớn:

● Chuyển dịch công bằng

Hỗ trợ của JETP tập trung vào việc dẫn dắt quá trình chuyển dịch công bằng để đảm bảo tất cả xã hội có thể hưởng lợi từ quá trình chuyển dịch xanh để tăng khả năng tiếp cận năng lượng với giá cả phải chăng. Các tổ chức và các bên liên quan có liên quan sẽ được hỗ trợ để giúp đáp ứng nhu cầu của những người bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi quá trình chuyển dịch xanh, chẳng hạn như người lao động và cộng đồng trong các ngành và khu vực bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển dịch. Việt Nam sẽ giải quyết các vấn đề về khí hậu và phát triển một cách tích hợp, đồng thời, và riêng trong lĩnh vực năng lượng, tập trung vào vấn đề tiếp cận và an ninh năng lượng đồng thời với quá trình khử các-bon.

● Gia tăng tham vọng khử các-bon

Tuyên bố chính trị về JETP vạch ra ba mục tiêu chính trong quá trình khử các-bon :

- **Giảm tổng lượng phát thải KNK do ngành điện tạo ra:** Trước JETP, Việt Nam đã lên kế hoạch đạt mức phát thải cao nhất từ hệ thống điện vào năm 2035 ở mức 240 triệu tấn CO₂tđ. Tuy nhiên, theo thỏa thuận JETP, mục tiêu đó đã được điều chỉnh xuống còn 170 triệu tấn CO₂tđ vào năm 2030. Mục tiêu này có thể đạt được bằng cách thực hiện hai mục tiêu dưới đây.
- **Giảm công suất của CFPP tại Việt Nam:** Công suất các CFPP sẽ giảm từ mức cao nhất là 37 GW xuống còn 30,2 GW.
- **Phát triển NLTT nhiều hơn và cơ sở hạ tầng năng lượng hiệu quả hơn:** Việt Nam đã lên kế hoạch cho việc sử dụng các nguồn NLTT chiếm 36% tổng sản lượng điện vào năm 2030. Tuy nhiên, JETP đã tăng mục tiêu đó lên 47%.

● Đảm bảo chủ quyền, an ninh năng lượng quốc gia và năng lượng giá rẻ

Tuyên bố Chính trị về JETP của Việt Nam nhấn mạnh sự cần thiết của việc áp dụng các hệ thống năng lượng các-bon thấp để đạt được mục tiêu này thông qua việc thúc đẩy phát triển NLTT, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tầm quan trọng của việc chuyển dịch khỏi nhiệt điện than, đồng thời đảm bảo chủ quyền, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia và năng lượng giá rẻ³¹.

2.3 Chuẩn bị và thực hiện JETP

JETP của Việt Nam được xây dựng dựa trên Đối tác G7 về Cơ sở hạ tầng và Đầu tư Toàn cầu (PGII) do Vương quốc Anh khởi xướng, nhằm thu hẹp khoảng cách đầu tư cơ sở hạ tầng ở các nước đang phát triển. Các nhà lãnh đạo G7 đã đồng ý vào tháng 6 năm 2022 xúc tiến các cuộc đàm phán với một số quốc gia về JETP, đây là cơ chế thực hiện cốt lõi của PGII³².

³⁰Ngân hàng Thế giới. (2022) Báo cáo Khí hậu và Phát triển Quốc gia cho Việt Nam . <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/brief/key-highlights-country-climate-and-development-report-for-vietnam>

³¹Tuyên bố Chính trị về thiết lập Đối tác chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724

³²Tin Tức Việt Nam. (2022). Liên kết chuyển dịch Năng lượng Công bằng nhằm huy động 15,5 tỷ USD để hỗ trợ quá trình chuyển dịch xanh của Việt Nam.

Trước khi có thông báo của JETP, công tác chuẩn bị chủ yếu phục vụ cho việc đàm phán và chuẩn bị cho Tuyên bố chính trị được thực hiện giữa đại diện của Chính phủ (các bộ ngành chủ chốt) và đại diện của IPG (Anh và EU). Không có tham vấn cộng đồng nào được thực hiện trong giai đoạn này. Về phía Chính phủ, đoàn đàm phán đã được thành lập vào tháng 7 năm 2022 bao gồm đại diện của một số bộ chủ quản và do Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) làm trưởng đoàn.

Sau khi công bố Tuyên bố Chính trị vào tháng 12 năm 2022, Việt Nam hiện đang chuẩn bị thành lập Ban thư ký JETP vào tháng 4 năm 2023 để hỗ trợ việc quản lý JETP cũng như tạo điều kiện và điều phối công việc kỹ thuật theo hướng dẫn của chính phủ Việt Nam và IPG. Việc thành lập này sẽ nhận được hỗ trợ về mặt tài chính và quản lý hành chính từ các tổ chức bên ngoài và sự tham gia của các bên liên quan quan trọng khác, bao gồm các tổ chức tài chính phát triển đa phương và song phương, các tổ chức khu vực tư nhân và các tổ chức khác. Nhiệm vụ đầu tiên của Ban thư ký là cung cấp hỗ trợ hành chính và kỹ thuật để xây dựng JETP RMP để đệ trình lên IPG vào tháng 11 năm 2023. RMP, như đã nêu trong Tuyên bố chính trị, sẽ xác định các yêu cầu và cơ hội đầu tư mới – cho sự phát triển và triển khai các hỗ trợ phát triển điện gió, điện mặt trời, truyền tải điện, sử dụng năng lượng hiệu quả, lưu trữ, xe điện, đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ việc làm, dạy nghề và các biện pháp tạo điều kiện triển khai hỗ trợ, khắc phục rào cản đầu tư khác³³. Kế hoạch này sẽ được Chính phủ Việt Nam chỉ đạo hoàn toàn và được đệ trình để IPG thông qua.

Ngày 20 tháng 2 năm 2023, Chính phủ đã thành lập Tổ công tác soạn thảo RMP bao gồm đại diện của Bộ TN&MT và các bộ ngành liên quan khác.

Các cuộc đàm phán và thảo luận với đại diện của IPG (Anh và EU) trong giai đoạn này vẫn chưa được công khai. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều nhà tài trợ (Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc - UNDP, Văn phòng Dịch vụ Dự án của Liên Hợp Quốc - UNOPS, GFANZ) bày tỏ sẵn sàng hỗ trợ Chính phủ thành lập và vận hành Ban thư ký cũng như hoàn thiện RMP.

Cho đến nay, Bộ Tn&MT là cơ quan đi đầu trong việc đàm phán và chuẩn bị cho JETP tại Việt Nam.

Xây dựng JETP-RMP

Mục tiêu của JETP-RMP là hỗ trợ xây dựng khung pháp lý dài hạn đầy tham vọng và đáng tin cậy cho quá trình chuyển dịch xanh của quốc gia, bao gồm việc sử dụng các công cụ định giá và điều tiết. Những cải tiến đối với khung pháp lý sẽ được xem xét và dự kiến sẽ hỗ trợ cho việc:

- (i) Tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư vào NLTT và sử dụng năng lượng hiệu quả và củng cố lưới điện tại Việt Nam .
- (ii) Đàm phán về việc đóng cửa các nhà máy nhiệt điện than cũ, kém hiệu quả để tạo điều kiện tiếp cận năng lượng sạch.

<https://vietnamnews.vn/society/1415207/just-energy-transition-partnership-to-mobilise-15-5-billion-to-support-viet-nam-s-green-transition.html>

³³Tuyên bố Chính trị về thiết lập Liên kết chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724

- (iii) Xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục, đào tạo nghề, đào tạo lại kỹ năng để phát triển các kỹ năng, năng lực cần thiết và hỗ trợ tạo việc làm cho lao động trong các ngành và vùng bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển dịch.
- (iv) Xác định vai trò của khu vực kinh tế tư nhân và tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp chủ động tham gia vào quá trình chuyển dịch.
- (v) Thực hiện sử dụng đất đa mục đích để sản xuất NLTT.

3 JETP ở Nam Phi

3.1 Bối cảnh quốc gia

3.1.1 Bối cảnh ngành điện

Với nguồn than đá dồi dào, đất nước này là quốc gia phát thải KNK nhiều thứ 13 trên thế giới vào năm 2020 với tổng lượng phát thải khoảng 435 triệu tấn CO₂tđ và là quốc gia phát thải KNK lớn nhất châu Phi³⁴. Với 85% sản lượng điện từ than đá, Nam Phi có 15 CFPP có tuổi đời trung bình rất cao là 41 năm, cung cấp 38,7 GW trên tổng công suất lắp đặt 52,5 GW của cả nước³⁵. Ngành điện chiếm 41% lượng khí thải CO₂ của Nam Phi. Eskom, công ty độc quyền điện thuộc sở hữu nhà nước, lại đang vật lộn để trả khoản nợ 32 tỷ đô la Mỹ và có chi phí rất cao³⁶. Các CFPP hoạt động kém hiệu quả, xuống cấp nhanh và liên tục hỏng hóc không thể duy trì sản lượng điện ở mức đáp ứng đủ nhu cầu, dẫn đến tình trạng mất điện luân phiên và gây bức xúc cho khu vực tư nhân cũng như người dân nói chung³⁷.

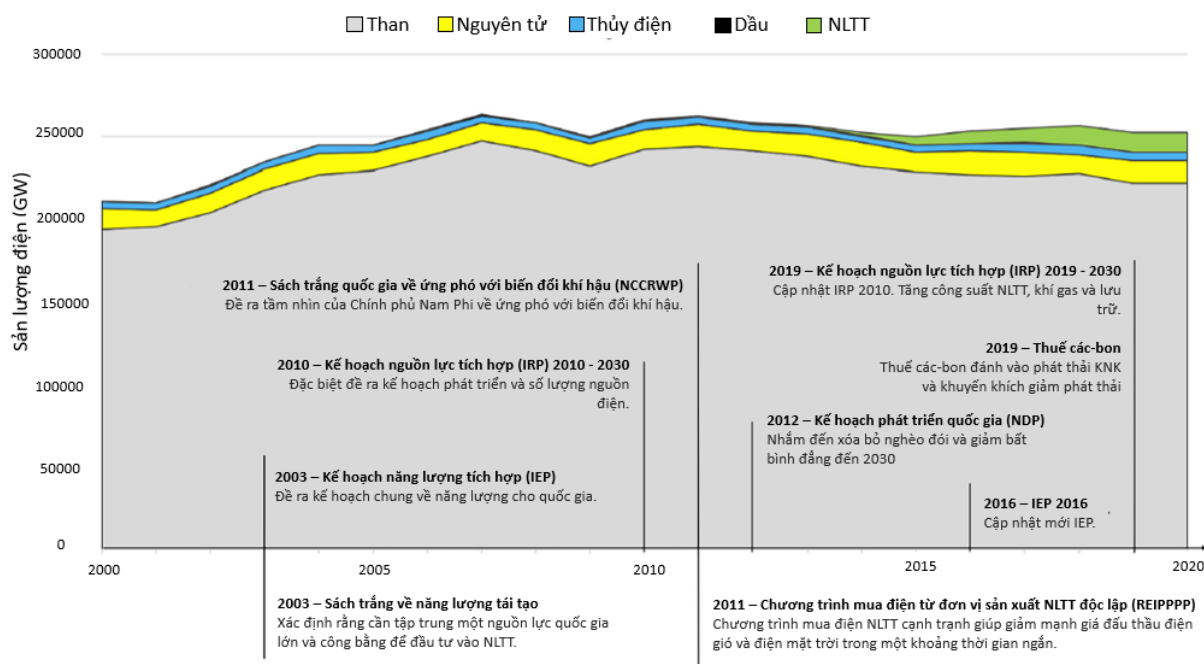
Eskom là một trở ngại lớn đối với quá trình chuyển dịch năng lượng của Nam Phi và cần được giải quyết trước tiên, mặc dù các sáng kiến trong lĩnh vực giao thông và công nghiệp như chuyển sang xe điện và năng lượng hydro xanh sẽ trở nên quan trọng khi quá trình chuyển dịch ngày càng sâu rộng. Hình dưới đây cho thấy cơ cấu sản lượng điện theo nguồn và các chính sách liên quan hỗ trợ phát triển NLTT ở Nam Phi trong những thập kỷ qua.

³⁴IDDRI. (2022). *Chuyển dịch năng lượng công bằng và quan hệ đối tác ở Châu Phi: Một nghiên cứu tình huống ở Nam Phi*. <https://www.iddri.org/en/publications-and-events/report/just-energy-transitions-and-partnerships-africa-south-african-case>.

³⁵Ngân hàng Thế giới. (2022). *Ngân hàng Thế giới phê duyệt khoản tài trợ 497 triệu đô la để giảm phát thải khí nhà kính ở Nam Phi và hỗ trợ quá trình chuyển dịch công bằng*. <https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2022/11/04/world-bank-approves-497-million-in-financing-to-lower-south-africa-s-greenhousegas-khi-thai-va-ho-tro-mot-chi-quá-cảnh>.

³⁶Viện Tài nguyên Thế giới. (2021). *Nam Phi- Cơ sở để chuyển dịch công bằng*. <https://www.wri.org/update/nam-phi-strong-foundations-just-transition>

³⁷Chính sách Đối ngoại. (2023). *Tại sao Nam Phi lại chìm trong bóng tối* <https://foreignpolicy.com/2022/07/08/south-africa-energy-crisis-eskom-power-cut/>



Hình 2: Sản lượng phát điện của Nam Phi và các chính sách hỗ trợ giai đoạn 2000-2020³⁸

3.1.2 Bối cảnh xã hội

Nam Phi nổi tiếng với mức độ bất bình đẳng cao, là hậu quả của quá khứ phân biệt chủng tộc, cũng như các yếu tố kinh tế và xã hội khác. Dựa trên cơ sở dữ liệu nghèo đói toàn cầu của 164 quốc gia của WB, Nam Phi là quốc gia bất bình đẳng nhất, với hệ số GINI duy trì ở mức 0,63 trong thập kỷ qua³⁹. Điều này có nghĩa là sự phân phối thu nhập trong nước có sự chênh lệch rất lớn, với một tỷ lệ dân số nắm giữ phần của cải và khối thu nhập không cân xứng: 80,6% tài chính quốc gia lại chỉ thuộc sở hữu của 10% dân số cả nước⁴⁰.

Tác động của sự bất bình đẳng ở Nam Phi có ảnh hưởng sâu rộng và ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh khác nhau của xã hội, bao gồm khả năng tiếp cận đến giáo dục, chăm sóc sức khỏe và nhà ở. Đất nước này cũng có tỷ lệ hộ nghèo cao chiếm hơn 50% dân số⁴¹. Ngoài ra, có một khoảng cách lớn về thu nhập giữa các chủng tộc: người Nam Phi da đen kiếm được ít hơn đáng kể so với người da trắng⁴³.

Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách và chương trình khác nhau để giải quyết vấn đề bất bình đẳng và nghèo đói, chẳng hạn như các khoản trợ cấp xã hội và chính sách hành động tích cực. Tuy nhiên, tiến độ còn chậm và không đồng đều, và bất bình đẳng vẫn là một thách thức lớn đối với đất nước. Ước tính có tới 200.000 công nhân được tuyển dụng tại các mỏ than, CFPP và vận chuyển than của Nam Phi vào năm 2019. Con số này tương đương với

³⁸Jonathan Hanto , (2022). *Quá trình chuyển dịch năng lượng của Nam Phi – Làm sáng tỏ nền kinh tế chính trị của nó*. <https://doi.org/10.1016/j.esd.2022.06.006>

³⁹Ngân hàng Thế giới. (2023). *Chỉ số Gini - Nam Phi*. <https://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.GINI?locations=ZA>

⁴⁰Ngân hàng Thế giới. (2023). *Bất bình đẳng ở Nam Phi: Đánh giá của Liên minh Hải quan Nam Phi*. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099125303072236903/pdf/P1649270c02a1f06b0a3ae02e57eadd7a82.pdf>

⁴¹Ủy ban Khí hậu của Tổng thống. (2022). *Hỗ trợ quá trình chuyển dịch công bằng và thích ứng với khí hậu ở Nam Phi*. <https://www.climatecommission.org.za/just-transition-framework>

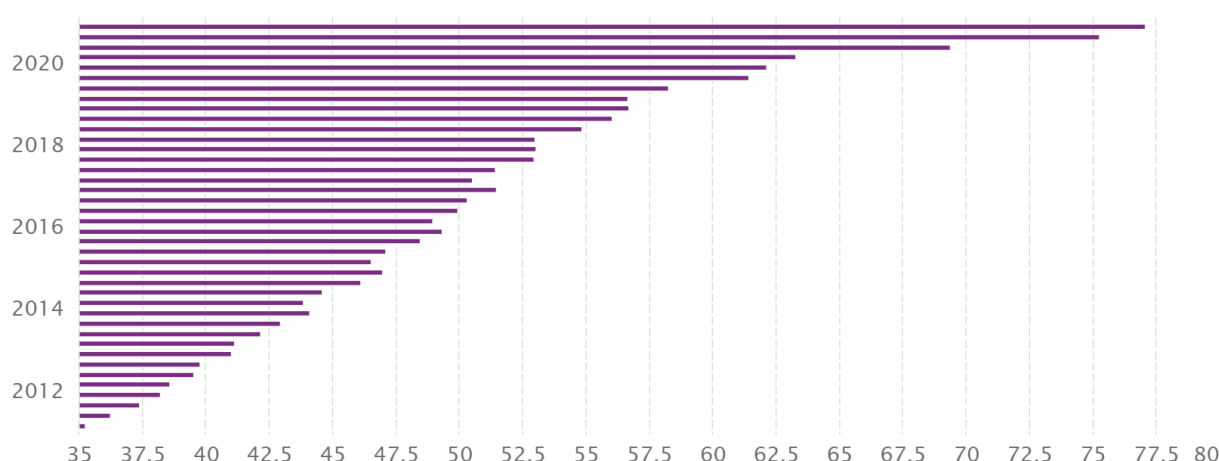
khoảng 1% việc làm chính thức vào năm 2020, bao gồm khoảng 82.000 công nhân trong lĩnh vực khai thác mỏ (2018) và gần 50.000 công nhân làm việc trong các CFPP của ESKOM ⁴².

3.1.3 BỐI cảnh kinh tế

Nam Phi là một quốc gia có thu nhập trung bình với 55% dân số sống dưới mức nghèo khổ ⁴³, nhưng về nhiều mặt, đây được coi là một quốc gia phát triển. Đất nước này có một nền kinh tế đa dạng bao gồm khai thác mỏ, sản xuất, nông nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, đất nước này đã phải đối mặt với một số thách thức kinh tế trong những năm gần đây, bao gồm tăng trưởng kinh tế chậm, tỷ lệ thất nghiệp cao, bất bình đẳng thu nhập và gần đây nhất là đại dịch COVID-19.

Theo thống kê của WB, Nam Phi đã trải qua giai đoạn tăng trưởng kinh tế tương đối mạnh vào đầu thập kỷ, với tốc độ tăng trưởng hầu hết các năm đều trên 2%. Tuy nhiên, tăng trưởng chậm lại đáng kể từ năm 2014 trở đi và đất nước bước vào suy thoái trong năm 2018-2019⁴⁴. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nam Phi chỉ là 0,3% trong năm 2019 với tỷ lệ thất nghiệp là 29,1% , bao gồm tỷ lệ thất nghiệp cao và bất bình đẳng. Năm 2021, GDP tăng trưởng 4,9%, tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp vẫn lên tới 35,3% và đặc biệt cao ở nhóm thanh niên với tỷ lệ 66,5%⁴⁵.

Theo JET IP, Nam Phi cần 98,7 tỷ USD trong vòng 5 năm tới để bắt đầu quá trình chuyển dịch năng lượng kéo dài 20 năm⁴⁶. Số tiền này là rất lớn khi xem xét nhiều thách thức kinh tế xã hội của đất nước, bao gồm cả khoản nợ công tăng cao được thể hiện trong hình dưới.



Hình 3: Nợ chính phủ của Nam Phi: % GDP danh nghĩa⁴⁷

⁴²Viện Tài nguyên Thế giới . (2021). *Nam Phi Foundation for a Just Transition*. <https://www.wri.org/update/south-africa-strong-foundations-just-transition>.

⁴³Ngân hàng Thế giới. (2020). Nam Phi: Nghèo đói và công bằng tóm tắt. https://databankfiles.worldbank.org/public/ddpext_download/poverty/33EF03BB-9722-4AE2-ABC7-AA2972D68AFE/Global_POVEQ_ZAF.pdf

⁴⁴Ngân hàng Thế giới. *Các chỉ số phát triển thế giới (WDI)*. <https://datatopics.worldbank.org/world-development-indicators/>

⁴⁵Ngân hàng Thế giới. (2021). *Tổng quan Nam Phi*. <https://www.worldbank.org/en/country/southafrica/overview>

⁴⁶Ủy ban châu Âu. (2022). *Tuyên bố chung: Kế hoạch đầu tư chuyển dịch năng lượng chính đáng của Nam Phi*. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/statement_22_6664

⁴⁷CEIC. (2023). *Nợ Chính phủ Nam Phi: % GDP*. <https://www.ceicdata.com/en/indicator/south-africa/government-debt--of-nominal-gdp>, trang 6.

3.2 Tổng quan về JETP Nam Phi và các tiền lệ

Năm 2015, Nam Phi là quốc gia duy nhất đề cập đến quá trình chuyển dịch công bằng trong NDC đầu tiên của mình⁴⁸. Kể từ đó, quốc gia này đã tổ chức nhiều cuộc đối thoại quốc gia, thực hiện các đánh giá và đưa ra các chính sách đề cập đến các biện pháp thích ứng nhằm cải thiện khả năng phục hồi trước các sự kiện thời tiết hiện tại, cũng như sự thay đổi khí hậu dài hạn và giảm mạnh phát thải KNK. Giải quyết vấn đề BĐKH đòi hỏi phải có những thay đổi khẩn cấp, quan trọng và mang tính chuyển dịch trên tất cả các lĩnh vực, bao gồm cả quá trình chuyển dịch công bằng trong lĩnh vực năng lượng, cả trong nền kinh tế và khuôn khổ pháp lý của Nam Phi.

Mục tiêu của JETP được xác định như sau: “Thiết lập quan hệ đối tác dài hạn đầy tham vọng để hỗ trợ lộ trình của Nam Phi hướng tới phát triển ít khí thải và thích ứng với BĐKH, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch công bằng và khử các-bon trong hệ thống điện, đồng thời phát triển các cơ hội kinh tế mới như xe điện và năng lượng hydro xanh trong số các biện pháp can thiệp khác để hỗ trợ Nam Phi chuyển hướng sang một tương lai các-bon thấp.”⁴⁹

Khoản tài chính 8,5 tỷ USD sẽ được huy động trong vòng 3 đến 5 năm để hỗ trợ đạt được tương lai các-bon thấp của Nam Phi phù hợp với kịch bản NDC tham vọng nhất có thể. Tuyên bố chính trị thể hiện quyết tâm thiết lập quan hệ đối tác giữa Nam Phi và các đối tác quốc tế nhằm:

- “Đẩy nhanh quá trình khử các-bon trong hệ thống điện của Nam Phi để đạt được mục tiêu tham vọng nhất có thể trong phạm vi NDC của Nam Phi với nguồn lực sẵn có;
- Những nỗ lực của Nam Phi nhằm dẫn đầu một quá trình chuyển dịch công bằng nhằm bảo vệ những người lao động và cộng đồng dễ bị tổn thương, đặc biệt là những người khai thác than, phụ nữ và thanh niên, những người bị ảnh hưởng bởi việc từ bỏ than đá;
- Những nỗ lực quyết tâm trên toàn quốc của Nam Phi nhằm quản lý một cách thành công và bền vững các khoản nợ của Eskom, xác định vai trò của khu vực tư nhân và tạo môi trường thuận lợi thông qua cải cách chính sách trong ngành điện, chẳng hạn như phải minh bạch và cải thiện việc thu ngân sách;
- Chuỗi giá trị địa phương (bao gồm các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa) được hưởng lợi từ các lĩnh vực và cơ hội kinh tế mới; và
- Cơ hội đổi mới công nghệ và đầu tư tư nhân để thúc đẩy tạo ra các việc làm xanh và chất lượng như một phần của nền kinh tế phát thải thấp thịnh vượng.”⁵⁰

⁴⁸ Viện tài nguyên thế giới. (2021). *Nam Phi: Những nền tảng vững chắc cho một quá trình chuyển dịch công bằng*. <https://www.wri.org/update/south-africa-strong-foundations-just-transition>

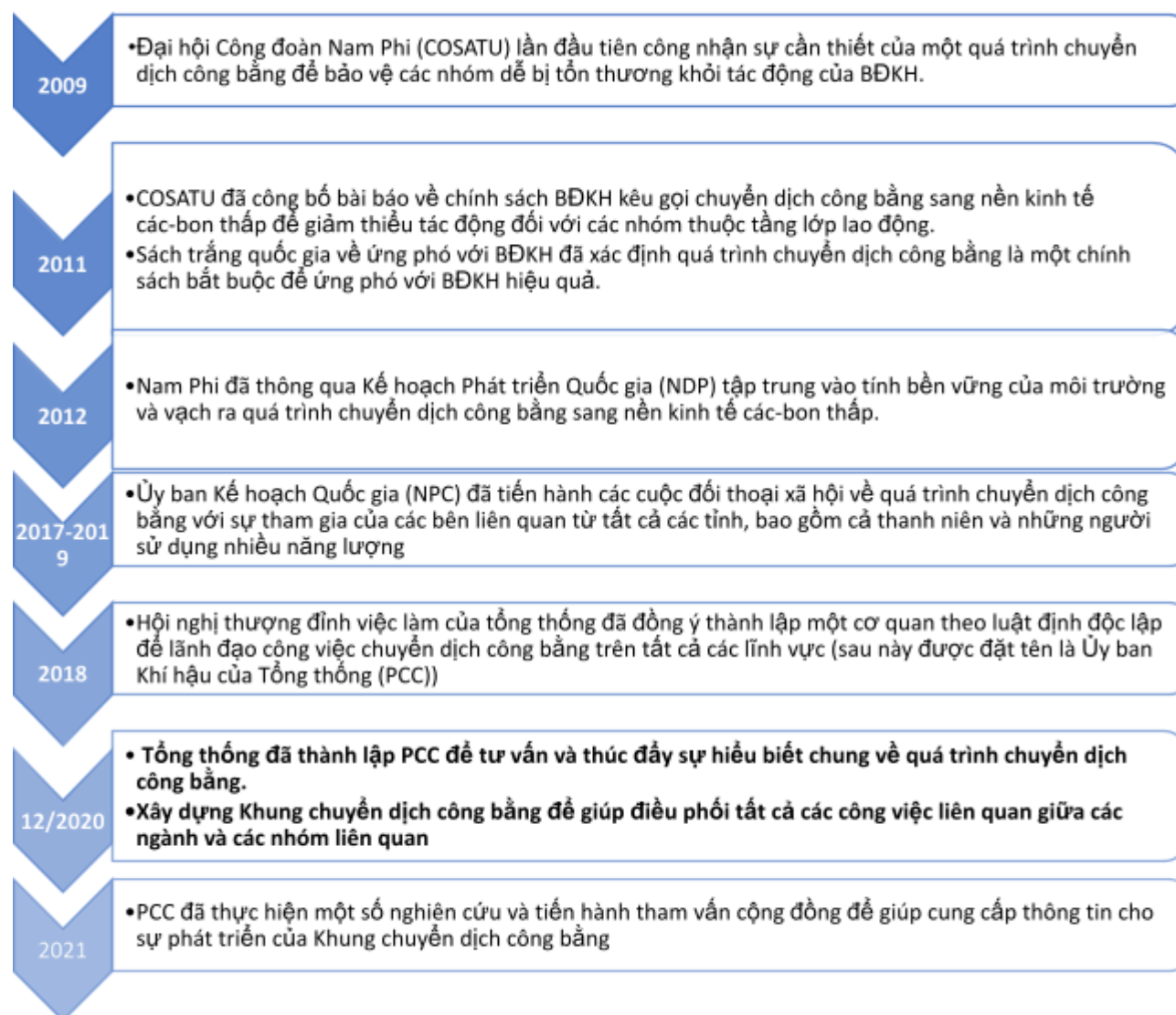
⁴⁹ Tuyên bố Chính trị về việc thiết lập Liên kết chuyển dịch Năng lượng công bằng ở Nam Phi. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/it/ip_21_5768, đoạn 16.

⁵⁰ Chủ tịch Nam Phi. (2022). *Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027*. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/south-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

3.3 Chuẩn bị cho JETP Nam Phi

Trước khi có JETP, Nam Phi đã có một nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển dịch với hơn mười năm chuẩn bị và nghiên cứu. “Khung chuyển dịch công bằng dựa trên kết quả của nhiều năm nghiên cứu ở Nam Phi về quá trình chuyển dịch công bằng, do chính phủ, doanh nghiệp, xã hội dân sự, viên nghiên cứu và liên đoàn lao động thực hiện”.⁵¹

Tóm tắt các dấu mốc và các hoạt động quan trọng được trình bày trong hình dưới đây:



Hình 4: Các mốc quan trọng và các hoạt động của Nam Phi trong quá trình chuyển dịch trước JETP⁵²

Những hoạt động này cung cấp nền tảng pháp lý vững chắc cho việc thành lập JETP và có ảnh hưởng lớn đến cách tiếp cận của Nam Phi đối với việc chuẩn bị thành lập Ban thư ký JETP và phát triển JET IP.

⁵¹Ủy ban Khí hậu của Tổng thống. (2022). *Hỗ trợ quá trình chuyển dịch công bằng và thích ứng với khí hậu ở Nam Phi*. <https://www.climatecommission.org.za/just-transition-framework>

⁵²Tổng hợp bởi Tư vấn

3.4 Quản trị và xây dựng JETP ở Nam Phi

3.4.1 Cơ cấu quản trị JETP

- **Hoạt động liên quan đến chuyển dịch công bằng trước khi có Tuyên bố chính trị**

Tổng thống Nam Phi đã thành lập PCC vào năm 2020. Ủy ban này bao gồm 20 ủy viên từ chính phủ và 11 ủy viên từ các khu vực bầu cử khác, bao gồm các đầu mối từ các viện nghiên cứu, xã hội dân sự, thanh niên và công đoàn.

Nhiệm vụ chính của PCC trong năm đầu tiên là phát triển Khung chuyển dịch công bằng để giúp điều phối tất cả các công việc liên quan giữa các ngành và các nhóm liên quan. Vào năm 2021, PCC đã thực hiện một số nghiên cứu và tiến hành tham vấn cộng đồng để giúp cung cấp thông tin cho sự phát triển của Khung chuyển dịch công bằng.

- **Sau Tuyên bố chính trị**

Không giống như ở Indonesia và Việt Nam, Tuyên bố Chính trị của Nam Phi về JETP không đề cập đến nhiệm vụ thành lập Ban thư ký JETP. Để JETP có hiệu lực, Tổng thống Ramaphosa đã thành lập Nhóm phụ trách tài chính khí hậu của tổng thống (PCFTT) để làm việc với IPG và phân tích đề xuất tài chính. Ban thư ký JETP Nam Phi được thành lập sau đó để cung cấp và tập hợp khả năng kỹ thuật để phát triển khung đầu tư dưới sự hướng dẫn của PCFTT và IPG. Ban Thư ký được thành lập tại Bộ Tài nguyên Khoáng sản và Năng lượng, được hỗ trợ bởi Quỹ Đầu tư Khí hậu (CIF) và chịu trách nhiệm cho việc điều phối thực hiện JET IP, đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan và giám sát cũng như báo cáo về tiến độ của JET IP.

Bên cạnh nhiều các nhiệm vụ khác, PCFTT tập trung vào quan hệ đối tác với IPG và báo cáo trực tiếp với Ủy ban liên bộ (IMC) để hoàn thiện khuôn khổ thực hiện và kế hoạch đầu tư tài chính. Vào tháng 5 năm 2022, PCFTT đã tiến hành tham vấn với Ban thư ký JETP, IPG, các cơ quan chính phủ có liên quan và các tổ chức tài chính để thu hút các bên hợp tác phát triển JET IP.

JET IP được phát triển trong suốt năm 2022, trong một bối cảnh năng động, cùng với một số chính sách và quy trình hỗ trợ đang được triển khai, bao gồm Dự luật BĐKH (tháng 2 năm 2022) và Phân loại tài chính xanh Nam Phi (tháng 3 năm 2022). Khung chuyển dịch công bằng được Nội các thông qua vào tháng 8 năm 2022 cung cấp một kế hoạch chiến lược để đạt được quá trình chuyển dịch công bằng và bình đẳng hướng tới mức phát thải CO₂ ròng bằng không ở Nam Phi vào năm 2050. Khung này đưa ra một số chuỗi giá trị chính chịu rủi ro cao nhất từ quá trình chuyển dịch – than đá, nông nghiệp, du lịch và sản xuất ô tô – và đặt ra các lĩnh vực chính sách quan trọng để giúp giải quyết những rủi ro này, bao gồm phát triển nguồn nhân lực và kỹ năng; phát triển công nghiệp, đa dạng hóa nền kinh tế, đổi mới; và các biện pháp bảo trợ xã hội.

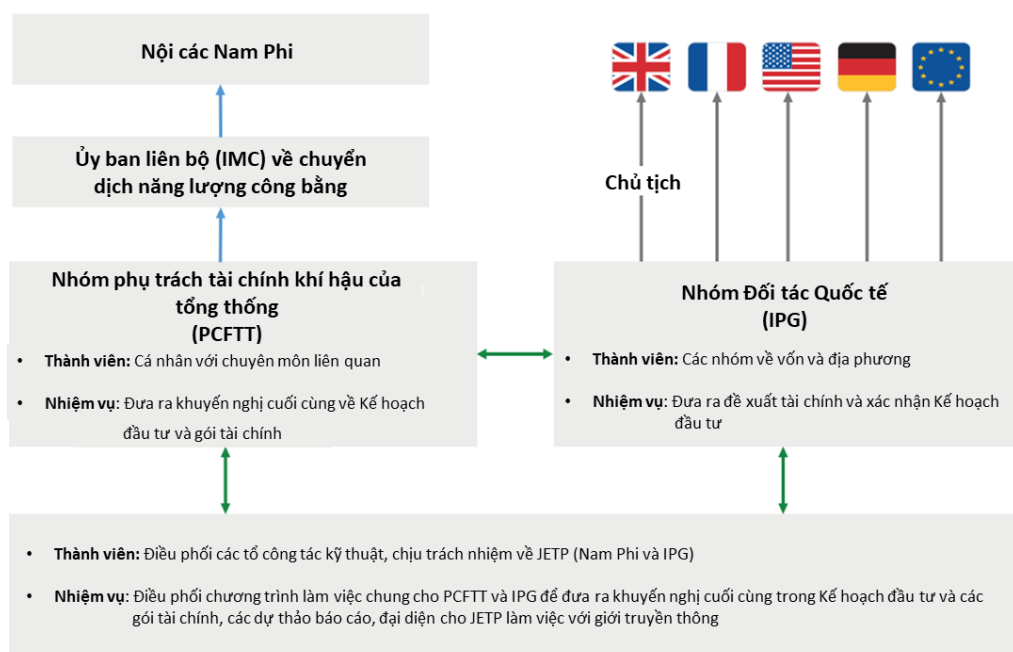
- **Triển khai JET IP**

Kế hoạch đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) được đặt ra cho giai đoạn đầu 5 năm (2023-2027). Trong Hội nghị thượng đỉnh các nhà lãnh đạo thế giới tại COP27 vào tháng 11 năm 2022, Tổng thống Cyril Ramaphosa của Nam Phi đã chính thức công bố JET IP do nhiều bên tham gia chuẩn bị trong khuôn khổ không gian JET ở Nam Phi. JET IP bao gồm ba lĩnh vực ưu tiên, đó là: ngành điện, lĩnh vực phương tiện sử dụng năng lượng mới và hydro xanh.

JET IP là tài liệu đầu tiên, trình bày một cách chi tiết cách Nam Phi đề xuất để sử dụng 8,5 tỷ USD mà IPG đã cam kết cho quá trình chuyển dịch của đất nước sang nền kinh tế các-bon thấp.

- *JET IP bao gồm thông tin chi tiết về cấu trúc tài chính, thời gian của dòng tài chính và các phương thức thực hiện khác, bản kế hoạch còn đề cập đến cách giải quyết vấn đề quản trị, trách nhiệm giải trình, giám sát kết quả và các cơ chế đánh giá để đảm bảo đạt được các kết quả như đã mong muốn và thực sự có hiệu quả. JET IP được thiết kế để có thể được áp dụng, cải tiến để đáp ứng với các điều kiện chưa chắc chắn. Các báo cáo tiến độ thường xuyên về JET IP cũng được trù tính cụ thể.*⁵³

Hình dưới đây minh họa về việc quản trị JET IP.



Hình 5. Quản trị JET IP⁵⁴

3.4.2 Cơ sở chính cho xây dựng JET IP

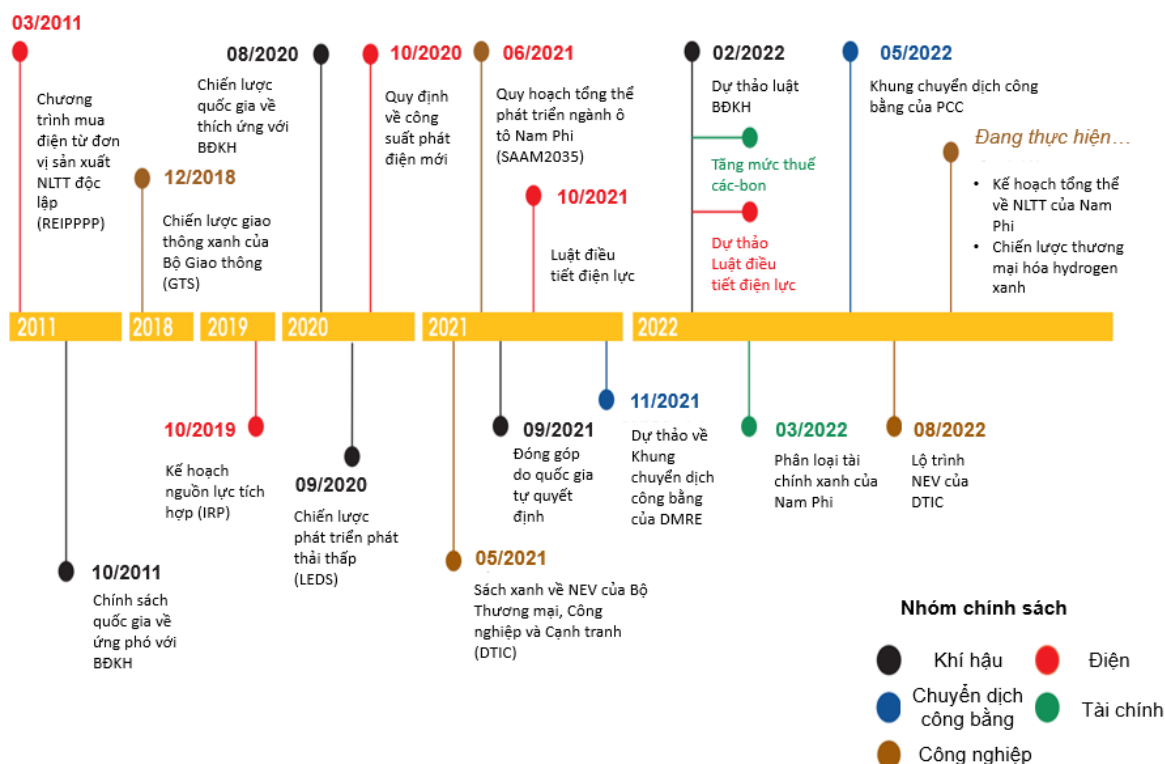
- **Các tiền đề và sự phát triển của Khung chuyển dịch công bằng**

Trong thập kỷ qua, Chính phủ Nam Phi đã xây dựng các khung chính sách, quy định, thể chế và quản trị toàn diện nhằm giải quyết các rủi ro khí hậu. Khi kết hợp với nhau, chúng tạo thành một khung hỗ trợ cho các khoản đầu tư liên quan đến khí hậu trong việc thích ứng, giảm nhẹ và quá trình chuyển dịch công bằng.

Hình dưới đây cho thấy các mốc chính sách quan trọng đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng.

⁵³Chủ tịch Nam Phi (2022). *Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027*. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/South-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

⁵⁴Chủ tịch Nam Phi. (2022). *Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027*. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/south-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>



Hình 6. Các mốc chính sách quan trọng hỗ trợ chuyển dịch năng lượng công bằng⁵⁵

Các văn bản pháp luật chính bao gồm:

Chính sách quốc gia về ứng phó với BĐKH: Năm 2011, Nam Phi đã ban hành Chính sách quốc gia về ứng phó với BĐKH. Đây là một kế hoạch giải quyết vấn đề giảm thiểu và thích ứng trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn kể từ ngày công bố chính sách cho đến năm 2050⁵⁶. Theo đó, các mục tiêu chính của chính sách là (i) giảm thiểu tác động của BĐKH thông qua các biện pháp can thiệp nhằm xây dựng và duy trì khả năng phục hồi và ứng phó khẩn cấp về xã hội, kinh tế và môi trường của Nam Phi và (ii) phát triển đóng góp công bằng tới nỗ lực của toàn cầu nhằm ổn định nồng độ KNK trong bầu khí quyển. Các ưu tiên chiến lược ứng phó với BĐKH của chính sách được phân loại cho nhiều lĩnh vực bao gồm định giá các-bon, nước, nông nghiệp và lâm nghiệp thương mại, y tế, đa dạng sinh học và hệ sinh thái, định cư của con người, quản lý và giảm thiểu rủi ro thiên tai⁵⁷.

Chiến lược phát triển phát thải thấp: vào tháng 9 năm 2020, Chiến lược phát triển phát thải thấp của Nam Phi đã được thông qua để làm cho quá trình phát triển kinh tế tương thích với ứng phó với BĐKH. Chiến lược này là một công cụ chính sách theo hướng quốc gia tự thực hiện để ra quyết định quốc gia thông qua phân tích toàn diện về tiềm năng giảm nhẹ, chi phí và đồng lợi ích để hỗ trợ chuyển dịch các ngành kinh tế ở Nam Phi⁵⁸.

⁵⁵ Chủ tịch Nam Phi. (2022). *Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027*. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/south-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

⁵⁶ Lukey, P. (2020). *Chính sách về ứng phó với biến đổi khí hậu quốc gia Nam Phi – một nghiên cứu điển hình về hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng*. Cục Môi trường, Lâm nghiệp và Thủy sản, Pretoria.

⁵⁷ Chính phủ Nam Phi. (2011). *Sách trắng quốc gia về ứng phó với BĐKH*. https://www.gov.za/sites/default/files/gcis_document/201409/nationalclimatechangeresponsewhitepaper0.pdf

⁵⁸ Chính phủ Nam Phi. (2020). *Chiến lược phát triển phát thải thấp*. <https://unfccc.int/documents/253724>

Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC): Nam Phi đã cập nhật NDC của mình vào năm 2021 nhằm hướng đến các tham vọng trong ứng phó BĐKH của quốc gia về giảm thiểu, thích ứng và chuyển dịch công bằng một cách toàn diện. Trong bối cảnh của Thỏa thuận Paris, NDC được cập nhật phản ánh các mục tiêu của Nam Phi là đạt được lượng khí thải trong khoảng từ 420 đến 350 triệu tấn CO₂tđ vào năm 2030⁵⁹.

Dự thảo luật BĐKH của Nam Phi hiện đang được xem xét bởi Ủy ban danh mục đầu tư của Nghị viện về Môi trường, Lâm nghiệp và Thủy sản. Dự luật giúp tạo ra một môi trường pháp lý và chính sách thuận lợi và có lợi cho Nam Phi. Nó nhằm mục đích tạo điều kiện phối hợp hiệu quả giữa ba lĩnh vực chính phủ, khu vực tư nhân, giới học thuật và xã hội dân sự, đồng thời thiết lập các hệ thống để quản lý các chính sách và hành động giảm thiểu và thích ứng với BĐKH. Ngoài ra, dự luật yêu cầu áp dụng bắt buộc hệ thống ngân sách các-bon và thiết lập các mục tiêu phát thải ngành trên toàn nền kinh tế. Chính phủ đã xây dựng Khung mục tiêu phát thải theo ngành để hướng dẫn việc phân bổ và thực hiện các mục tiêu này⁶⁰.

Chương trình mua điện từ đơn vị sản xuất NLTT độc lập: Chương trình được coi là một ví dụ điển hình cho các quốc gia châu Phi khác, đã giúp phân bổ 6,422 MW công suất phát điện từ NLTT cho các nhà thầu trong nhiều lĩnh vực công nghệ khác nhau, chủ yếu là năng lượng gió và mặt trời. Nó nhằm mục đích mang thêm megawatt vào hệ thống điện của đất nước thông qua đầu tư của khu vực tư nhân vào năng lượng gió, sinh khối và thủy điện nhỏ, trong số những mảng khác⁶¹.

Kế hoạch nguồn lực tích hợp 2019: Kế hoạch đưa ra tầm nhìn dài hạn về ngành điện và cơ cấu phát điện của ngành, đồng thời hướng dẫn đầu tư cho công suất phát điện mới. Theo đó, Nam Phi tiếp tục theo đuổi cơ cấu năng lượng đa dạng bao gồm than đá, hạt nhân, khí đốt tự nhiên, NLTT, thủy điện nhằm giảm sự phụ thuộc vào một hoặc một số nguồn năng lượng sơ cấp⁶².

Vào năm 2020, lần đầu tiên các đô thị ở Nam Phi được phép mua điện độc lập, với ít nhất 5 đô thị lớn trong các giai đoạn mua bán NLTT khác nhau theo Quy định về Công suất phát điện mới.

Bản sửa đổi năm 2021 đối với phụ lục 2 của Đạo luật Điều tiết Điện lực năm 2006: bản sửa đổi này mở rộng quy trình triển khai các dự án từ các lĩnh vực khai thác mỏ và phát thải mức độ cao. Nó cũng cho phép các nhà cung cấp tư nhân bán điện cho nhiều khách hàng, bên cạnh việc tự phát điện⁶³.

Dự thảo luật sửa đổi quy định về điện lực: sau khi tham gia JETP, Chính phủ Nam Phi cũng đã công bố Dự luật sửa đổi quy định về điện lực để trưng cầu ý kiến vào đầu năm 2022. Dự luật cung cấp cơ sở pháp lý cho sự xuất hiện của thị trường điện cạnh tranh với sự tham gia của

⁵⁹ Chính phủ Nam Phi. (2021). *Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Cộng hòa Nam Phi 2021*. <https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-06/South%20Africa%20updated%20first%20NDC%20September%202021.pdf>

⁶⁰ Nghị viện Cộng hòa Nam Phi. (2022). *Dự thảo luật BĐKH* <https://www.parliament.gov.za/bill/2300773>

⁶¹ Chính phủ Nam Phi. (2011). *Chương trình mua điện từ đơn vị sản xuất NLTT độc lập*. <https://www.ipp-renewables.co.za/>

⁶² Chính phủ Nam Phi. (2019). *Kế hoạch nguồn lực tích hợp 2019*. <https://www.energy.gov.za/irp/2019/IRP-2019.pdf>

⁶³ Chính phủ Nam Phi. (2011). *Bản sửa đổi năm 2021 đối với phụ lục 2 của Đạo luật Điều tiết Điện lực năm 2006*. <https://www.gov.za/speeches/mineral-resources-and-energy-amended-schedule-2-electricity-regulation-act-4-2006-13-aug>

các nhà cung cấp tư nhân. Nó cũng hỗ trợ quá trình tái cấu trúc Eskom đang diễn ra và thành lập Đơn vị điều tiết hệ thống truyền tải độc lập⁶⁴.

Bộ Tài chính Nam Phi đã xác định thuế các-bon là cơ chế chính để giảm phát thải KNK ở nước này, phù hợp với các cam kết COP26. Thuế các-bon được đưa ra vào năm 2019 và được miễn trừ nhiều lần, điều đó có nghĩa là hầu hết những cơ sở phát thải lớn đều được miễn thuế. Kể từ tháng 2 năm 2022, đã có thông báo rằng thuế các-bon sẽ tăng hàng năm, theo đúng quy định.

Vào năm 2022, Kho bạc Quốc gia Nam Phi đã xuất bản Phân loại tài chính xanh của Nam Phi, trong đó phác thảo tập hợp tối thiểu tài sản, dự án, hoạt động và lĩnh vực đủ điều kiện để được phân loại là 'xanh' theo các thông lệ quốc tế tốt nhất và phù hợp với các ưu tiên của quốc gia. Hệ thống phân loại này nhằm giúp các nhà đầu tư, tổ chức phát hành và những người tham gia khác trong lĩnh vực tài chính có thể theo dõi, giám sát và xác minh các thông tin về môi trường chính sách nhất của các hoạt động xanh của họ⁶⁵.

Đối với lĩnh vực phương tiện giao thông sử dụng năng lượng mới (NEV), Nam Phi cũng đã công bố định hướng chính sách để hỗ trợ ngành này như Quy hoạch tổng thể phát triển ngành ô tô Nam Phi 2035, Chiến lược Giao thông xanh 2018-2050 của Bộ Giao thông Vận tải, Sách xanh về NEV của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Cạnh tranh; và thông báo gần đây về Lộ trình phát triển NEV.

Chính phủ Nam Phi đã xác định sự phát triển của nền kinh tế hydro xanh là một thành phần quan trọng của quá trình chuyển dịch công bằng sang năng lượng bền vững, phù hợp với JETP của quốc gia. Để tận dụng lợi thế cạnh tranh của mình trong lĩnh vực này, Nam Phi đã phát triển Lộ trình hướng đến xã hội hydro nhằm khử các-bon cho các cơ sở công nghiệp nặng của đất nước và tạo cơ hội cho các thị trường xuất khẩu, chuỗi giá trị, việc làm và kỹ năng mới. Ngoài ra, Nam Phi đã xây dựng Quy hoạch tổng thể về NLTT để đánh giá các chuỗi giá trị cạnh tranh và đề xuất phát triển ngành năng lượng bền vững ở quốc gia này.

Các chính sách hỗ trợ này đã cung cấp khuôn khổ pháp lý để hình thành Khung chuyển dịch công bằng và sau đó là JET IP vào năm 2022.

Trong suốt năm 2018 và 2019, Bộ Môi trường và Lâm nghiệp đã ủy quyền cho Chiến lược Chính sách Thương mại & Công nghiệp (TIPS) tiến hành nghiên cứu về chuyển dịch công bằng. Nghiên cứu này đã dẫn đến sự phát triển của Đánh giá tính dễ bị tổn thương của thị trường lao động quốc gia và Kế hoạch khả năng thích ứng của lao động trong ngành, trong đó vạch ra các rủi ro chính liên quan đến khí hậu và quá trình chuyển dịch trong năm chuỗi giá trị: than đá, kim loại, vận tải sử dụng xăng dầu, nông nghiệp và du lịch. Các báo cáo này nêu rõ những rủi ro chính mà các ngành này phải đối mặt, đặc biệt là tình trạng mất việc làm, cả do BĐKH và do quá trình chuyển dịch các-bon thấp. Việc có thể truy cập công khai các báo cáo này sẽ cung cấp cho các bên liên quan bị ảnh hưởng những thông tin quan trọng. Các báo cáo này cũng đã cung cấp một cơ sở cho rất nhiều nghiên cứu quan trọng tiếp theo đã dựa vào.

⁶⁴ Chính phủ Nam Phi. (2022). *Dự thảo luật sửa đổi quy định về điện lực*. <https://www.gov.za/documents/electricity-regulation-amendment-bill>

⁶⁵ Chính phủ Nam Phi. (2022). *Phân loại tài chính xanh Nam Phi*. <https://www.gov.za/speeches/south-africa%E2%80%99s-first-national-green-finance-taxonomy-launched-assist-financial-sector>

Trong khoảng cuối năm 2021, PCC đã tổ chức các cuộc đối thoại theo chủ đề với các bên liên quan để thu thập thông tin đầu vào cho Khung chuyển dịch công bằng, xuất bản một bản tóm tắt các chính sách về từng chủ đề. Các chủ đề bao gồm: động lực chính sách; chuỗi giá trị ngành than; việc làm và sinh kế; tài chính cho quá trình chuyển dịch công bằng và an ninh nguồn nước. PCC cũng đã ủy quyền thực hiện một loạt bài tiểu luận về thích ứng và chuyển dịch công bằng do các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực viết, bao gồm các chủ đề từ tâm lý học đến thu gom rác và nông nghiệp.

Quá trình biên soạn Khung chuyển dịch công bằng bao gồm:

- Công bố các tóm tắt chính sách;
- Tổ chức các hội thảo và sự kiện được phát sóng công khai trên nhiều kênh truyền thông khác nhau;
- Học hỏi từ các nghiên cứu, dữ liệu và đầu vào của các chuyên gia;
- Tham vấn với nhiều bên liên quan khác nhau có khả năng bị ảnh hưởng bao gồm cả các cộng đồng.

Khung chuyển dịch công bằng phác thảo các nguyên tắc chính tạo thành nền tảng của quá trình chuyển dịch công bằng ở Nam Phi, cụ thể là: phân phối công bằng, phục hồi công bằng và thủ tục công bằng (PCC, 2022).

- Nguyên tắc phân phối công bằng, có nghĩa là các rủi ro và cơ hội từ quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng phải được phân phối một cách công bằng, bất kể sự bất bình đẳng về giới tính, chủng tộc và giai cấp. Những người lao động và cộng đồng bị ảnh hưởng được công nhận là không phải chịu gánh nặng tổng thể của quá trình chuyển dịch và chi phí điều chỉnh do những người chịu trách nhiệm trước đây về vấn đề này phải gánh chịu.
- Nguyên tắc phục hồi công bằng, có nghĩa là các thiệt hại lịch sử đối với các cá nhân, cộng đồng và môi trường phải được giải quyết trong quá trình thực hiện quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng, đặc biệt tập trung vào việc khắc phục hoặc cải thiện tình hình của các cộng đồng bị tổn hại hoặc bị tước quyền.
- Nguyên tắc thủ tục công bằng, nhằm mục đích trao quyền và hỗ trợ người lao động, cộng đồng và doanh nghiệp nhỏ trong quá trình chuyển dịch, xác định sự phát triển và sinh kế của chính họ.

● **Từ Khung chuyển dịch công bằng đến JET IP**

Khung chuyển dịch công bằng đưa ra một cái nhìn tổng quan về quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng và việc dự kiến thực hiện của quá trình chuyển dịch công bằng, tập trung vào các ngành và chuỗi giá trị có rủi ro, các cộng đồng bị ảnh hưởng ở trung tâm, sau đó tạo ra cơ sở mạnh mẽ và cách tiếp cận thực tế hơn trong công tác chuẩn bị của JET IP.

Trong quá trình phát triển JET IP, Ban thư ký đã nghiên cứu tài liệu, kêu gọi sự tham gia của các chuyên gia và các bên liên quan, bao gồm các quan chức chính phủ, chuyên gia trong ngành, các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức học thuật (xem Hình bên dưới) và tiến hành một loạt các hội nghị bàn tròn của các tổ công tác kỹ thuật trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2022. Các chủ đề bao gồm quá trình khử các-bon trong hệ thống điện, quá trình chuyển dịch công bằng, hydro xanh, các thỏa thuận tài chính cho IPG và các loại phương tiện năng lượng mới. Các cuộc tham vấn cá nhân với các cơ quan quản lý cũng đã được tổ chức. Các tổ công tác cung cấp thông tin đầu vào và phân tích chi tiết về các khía cạnh kỹ thuật của JETP để đưa ra các khuyến nghị cho việc thực hiện kế hoạch. Bảng dưới đây cung cấp thông tin tổng quan về các tổ công tác này.

Bảng 2: Tổng quan về phiên làm việc các tổ công tác của Ban thư ký JETP⁶⁶

Phiên làm việc của các tổ công tác của Ban thư ký			
Ngày	Chuyên môn chính	Số lượng chuyên gia	Nơi công tác của các chuyên gia
23/08	Khử các-bon hệ thống điện	49	Các trường đại học, viện nghiên cứu, NGO, SOC, DFI trong nước và quốc tế, MDB, bộ ban ngành trung ương, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp, công ty niêm yết, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hội ngành nghề
24/08	Chuyển dịch công bằng	54	
29/08	GH ₂	36	
30/08	Hoàn thiện các thỏa thuận tài chính của IPG	40	
05/09	NEV	29	

PCFTT tiến hành tham vấn khu vực bầu cử do PCC hỗ trợ cho JETP IP trong 5 nhóm bao gồm thanh niên, doanh nghiệp, xã hội dân sự, công đoàn và các chính quyền địa phương. Mỗi nhóm đưa ra các vấn đề cụ thể mà chính phủ nên xem xét khi thực hiện JETP IP. Ví dụ, nhóm thanh niên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giải quyết bất bình đẳng giới, chủng tộc và giai cấp, trang bị kỹ năng và giáo dục cho học sinh, đồng thời thiết lập các chính sách để bảo vệ tính toàn vẹn của các quỹ. Nhóm doanh nghiệp tập trung vào đầu tư khởi nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, hiện đại hóa mạng lưới điện và chính sách hỗ trợ cho quá trình chuyển dịch. Nhóm công đoàn nêu bật vấn đề di cư lao động và các dự án NLTT do cộng đồng làm chủ. Trong khi đó, nhóm xã hội dân sự nhấn mạnh về vấn đề tiếp cận năng lượng một cách công bằng, việc làm mới trong lĩnh vực sản xuất, cũng như chuyển việc và việc làm cho những cựu công nhân làm trong ngành than. Nhóm chính quyền địa phương nhấn mạnh việc liên kết cả các khu vực nông thôn và điều phối các nỗ lực liên quan đến quá trình chuyển dịch công bằng trên toàn quốc.

⁶⁶ Tổng thống Cộng hòa Nam Phi. (2022). *Kế hoạch đầu tư chuyển dịch năng lượng công bằng của Nam Phi (JET IP)*



Hình 7. Phạm vi của các bên liên quan tham gia vào việc phát triển JET IP của Nam Phi⁶⁷

Các biện pháp can thiệp trong JETP IP gồm ba lĩnh vực hành động⁶⁸:

- Hỗ trợ vào các khu vực sản xuất than và phụ thuộc vào than để đa dạng hóa các mũi nhọn kinh tế và chuyển dịch kinh tế xã hội cho những nơi bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi việc cắt giảm than, phù hợp với chính sách năng lượng.
- Hỗ trợ các cộng đồng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi việc chuyển dịch khỏi sản xuất và bảo dưỡng xe động cơ đốt trong,
- Hỗ trợ các lĩnh vực sản xuất có tiềm năng cao trong tương lai ở nhiều địa phương để hỗ trợ quá trình khử các-bon và thúc đẩy đa dạng hóa nền kinh tế và phát triển công nghiệp ở cấp quốc gia. Theo sau đó là tăng tốc đầu tư vào tăng công suất NLTT, lưu trữ điện, sử dụng hydro xanh (cùng với dẫn xuất của nó, amoniac xanh) để thay thế cho khí đốt tự nhiên và than đá trong các quy trình công nghiệp

● **Kêu gọi sự tham gia của các nhà tài trợ**

Nam Phi đã sử dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau để thu hút các nhà tài trợ quốc tế cho JETP. JETP của Nam Phi đã được giới thiệu rất tích cực trong các hội nghị và cuộc họp quốc tế, bao gồm cả COP27 gần đây nhất để thúc đẩy và tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ quốc tế. Chính phủ Nam Phi đã huy động các nguồn hỗ trợ khác nhau từ các nhà tài trợ để chuẩn bị JETP IP nhưng không có thông tin chi tiết nào được công bố.

⁶⁷Chính phủ Nam Phi. (2022). *Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027*. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/South-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

⁶⁸ Chính phủ Nam Phi. (2022). *Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027*. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/South-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

4 JETP ở Indonesia

4.1 Bối cảnh quốc gia

4.1.1 Bối cảnh ngành điện

Indonesia là quốc gia đông dân thứ 4 và là nước tiêu thụ năng lượng nhiều thứ 12 trên thế giới. Vào năm 2021, lượng khí thải của ngành năng lượng Indonesia ước tính là 600 triệu tấn CO₂tđ (trong đó ngành điện đóng góp đến gần 250 triệu tấn CO₂tđ). Việc này khiến Indonesia trở thành quốc gia phát thải từ nhiên liệu hóa thạch lớn thứ 9 trên thế giới. Tuy nhiên, lượng khí thải CO₂ từ năng lượng bình quân đầu người chỉ đạt 2 tCO₂tđ, bằng một nửa mức trung bình toàn cầu. Ngành điện dự kiến sẽ đạt mức phát thải cao nhất vào năm 2037⁶⁹.

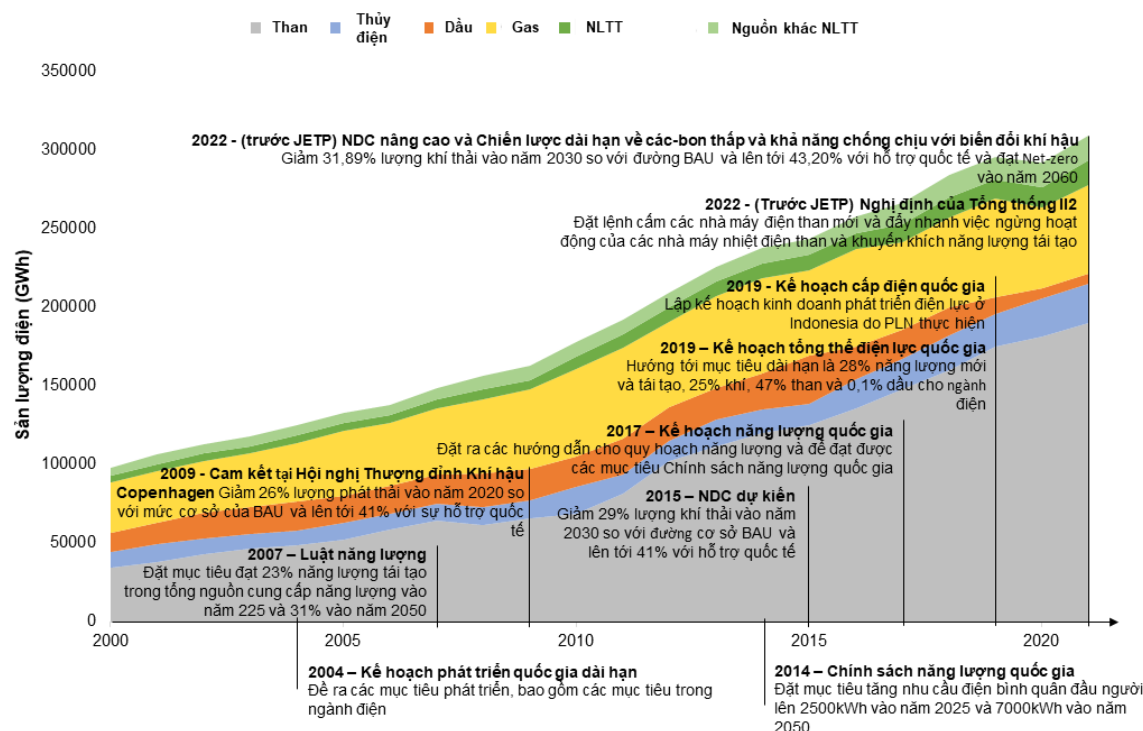
Tương tự như Việt Nam, Công ty Điện lực Quốc gia thuộc sở hữu nhà nước, Perusahaan Listrik Negara (PLN) chịu trách nhiệm sản xuất phần lớn sản lượng điện của Indonesia và là trung tâm chuyển dịch năng lượng của đất nước. PLN có quyền hạn gần như độc quyền đối với việc truyền tải, phân phối và cung cấp điện. Tuy nhiên, sự tham gia của khu vực tư nhân vào thị trường điện có tăng chậm nhưng khá đều đặn trong những năm gần đây.

Than đá đã trở thành nhiên liệu chiếm ưu thế trong sản xuất điện ở Indonesia trong hai thập kỷ qua. Sản lượng điện than đã tăng hơn 5 lần từ khoảng 35 TWh năm 2000 lên gần 190 TWh vào năm 2021, chiếm gần 2/3 sản lượng điện của Indonesia. Trong cùng thời kỳ, việc sử dụng dầu để phát điện đã giảm một nửa giá trị tuyệt đối và tỷ trọng của nó giảm từ gần 1/3 vào giữa những năm 2000 xuống còn khoảng 3% vào năm 2021. Việc sử dụng khí đốt tự nhiên trong sản xuất điện đã tăng gấp đôi kể từ năm 2000, mặc dù trong những năm gần đây đã chững lại và thậm chí giảm nhẹ. Sản xuất thủy điện, năng lượng sinh học và địa nhiệt đã tăng gần bốn lần trong hai thập kỷ. Kết hợp lại, các nguồn này đã cung cấp gần 60 TWh sản lượng điện vào năm 2021, gần 1/5 tổng sản lượng điện. Mặt khác, năng lượng gió và mặt trời hiện chiếm tỉ trọng không đáng kể trong hệ thống phát điện, đóng góp chỉ 1TWh vào năm 2021.

Trong thập kỷ qua, chính phủ Indonesia đã nỗ lực giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Luật Năng lượng quốc gia năm 2007 và Chính sách năng lượng quốc gia năm 2014 đã đặt mục tiêu đạt được tỷ lệ NLTT chiếm 23% trong tổng nguồn cung cấp năng lượng vào năm 2025 và 31% vào năm 2050, đồng thời tăng mức cung cấp điện hàng năm lên 2500 kWh trên đầu người vào năm 2025 và 7000 kWh vào năm 2025⁷⁰. Cơ chế khuyến khích mới nhất cho NLTT là Nghị định của Tổng thống 112 cho dự thảo đẩy nhanh phát triển NLTT để cung cấp điện vào năm 2022. Bối cảnh chính sách năng lượng và cơ cấu nguồn điện của Indonesia được thể hiện trong hình bên dưới.

⁶⁹ Cơ quan Năng lượng Quốc tế. (2022). *Lộ trình của ngành năng lượng hướng đến phát thải ròng bằng không ở Indonesia*. <https://www.iea.org/reports/an-energy-sector-roadmap-to-net-zero-emissions-in-indonesia>

⁷⁰ Cơ quan Năng lượng Quốc tế. (2022). *Lộ trình của ngành năng lượng để không phát thải ròng ở Indonesia*. <https://www.iea.org/reports/an-energy-sector-roadmap-to-net-zero-emissions-in-indonesia>



Hình 8: Cơ cấu sản lượng phát điện của Indonesia và các chính sách hỗ trợ giai đoạn 2000-2020⁷¹

4.1.2 Bối cảnh xã hội

Là quốc gia đông dân thứ 4 thế giới và là nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á, Indonesia đã thành công trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, giảm hơn một nửa tỷ lệ hộ nghèo kể từ năm 1999, xuống dưới 10% vào năm 2019 trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát⁷². Tuy nhiên, bất bình đẳng thu nhập là một thách thức khác đối với Indonesia. Hệ số GINI ở Indonesia đã tăng từ 0,31 năm 1999 lên 0,37 năm 2021⁷³. Theo Oxfam, Indonesia hiện là quốc gia có sự bất bình đẳng giàu nghèo lớn thứ sáu trên thế giới, bốn người giàu nhất Indonesia có nhiều tài sản hơn tổng tài sản của 100 triệu người nghèo nhất gộp lại⁷⁴. Một báo cáo của WB về bất bình đẳng cho thấy hầu hết người dân Indonesia coi phân phối thu nhập ở Indonesia là "rất bất bình đẳng" hoặc "không bình đẳng chút nào" và top 20% người giàu nhất kiếm được bằng với 60% người nghèo nhất⁷⁵. Sự bất bình đẳng ngày càng tăng ở Indonesia làm suy yếu cuộc chiến chống đói nghèo đồng thời làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế của quốc gia.

⁷¹Tư vấn viên tự biên soạn

⁷²Ngân hàng Thế giới. (2023). *Ngân hàng Thế giới tại Indonesia: Tổng quan*. <https://www.worldbank.org/en/country/indonesia/overview>

⁷³Ngân hàng Thế giới. (2023). *Chỉ số Gini - Indonesia*. <https://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.GINI?locations=ID>

⁷⁴Tổ chức Oxfam Quốc tế. (thứ). *Bất bình đẳng ở Indonesia: hàng triệu người vẫn sống trong cảnh nghèo đói*. <https://www.oxfam.org/en/inequality-indonesia-millions-kept-poverty>

⁷⁵Ngân hàng Thế giới. (2015). *Sự phân chia nhận thức: cách người Indonesia nhận thức về sự bất bình đẳng và những gì họ muốn làm về điều đó*. <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/310491467987873894/>

Indonesia có công suất lắp đặt của các CFPP vào khoảng 40,7 GW ⁷⁶ tính đến năm 2023, chiếm hơn một nửa tổng công suất 74GW của cả nước⁷⁷. Theo báo cáo của Tổ chức lao động quốc tế, Indonesia là quốc gia sản xuất than đá lớn thứ tư trên thế giới, sản xuất 616 triệu tấn than vào năm 2019. Ngành này sử dụng khoảng 121,000 công nhân, chiếm khoảng 0,1% tổng số lao động của Indonesia ⁷⁸.

4.1.3 Bối cảnh kinh tế

Indonesia ngày nay là nền kinh tế lớn nhất ở Đông Nam Á và là nền kinh tế lớn thứ 10 thế giới về sức mua cạnh tranh. Nước này đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế ấn tượng kể từ khi vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính châu Á vào cuối những năm 1990⁷⁹. Dưới tác động của Covid-19, Indonesia đã mất vị thế nước có thu nhập trung bình cao vào ngày 1 tháng 7 năm 2021, với GDP bình quân đầu người là 3.870 USD ⁸⁰. Với mức tăng trưởng GDP hàng năm là 5,1% vào năm 2022, WB dự báo Indonesia sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ tương tự trong những năm tới. Kế hoạch phát điện quốc gia mới cho giai đoạn 2021-2030 – Rencana Usaha Penyediaan Tenaga Listrik 2021-2030 (RUPTL) dự báo nhu cầu điện ở Indonesia sẽ tăng 4,9% mỗi năm⁸¹. Theo ước tính của RUPTL, đến năm 2030, nhu cầu điện của 94,1 triệu khách hàng sẽ đạt 445 TWh, tương đương với việc bổ sung thêm 35 GW công suất phát điện cho hệ thống⁸². Theo báo cáo Triển vọng chuyển dịch năng lượng Indonesia của Cơ quan NLTT quốc tế (IRENA) ước tính nhu cầu tài chính của Indonesia để chuyển dịch năng lượng từ nay đến năm 2030 bao gồm 44 tỷ USD cho năng lượng mặt trời, 22 tỷ USD cho thủy điện, 17 tỷ USD cho các công nghệ NLTT khác, 75 tỷ USD cho việc mở rộng mạng lưới điện và 5,5 tỷ USD cho việc lưu trữ năng lượng ⁸³. Lượng nhu cầu đầu tư khổng lồ này không thể nào huy động chỉ trong các nguồn vốn nội tại.

4.2 Tổng quan về JETP Indonesia

JETP Indonesia đặt mục tiêu xây dựng một kế hoạch đầu tư toàn diện (**Kế hoạch Chính sách và Đầu tư JETP**) để đạt được các mục tiêu khử các-bon của Indonesia, những mục tiêu quan trọng nhất gồm:

a. Đưa thời hạn đạt được mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng không của Indonesia sớm hơn 10 năm vào năm 2050, với lượng khí thải CO₂ từ ngành điện đạt mức cao nhất vào năm 2030 (sớm hơn bảy năm so với ước tính trước đó) ở mức 290 triệu tấn CO₂tđ so với con số ban đầu là 357 triệu tấn CO₂tđ;

⁷⁶Giám sát năng lượng toàn cầu. (2023). *Nhà máy điện than theo quốc gia (MW)*. <https://globalenergymonitor.org/projects/global-coal-plant-tracker/>

⁷⁷Quản lý thương mại quốc tế. (2022). *Indonesia - Hướng dẫn thương mại quốc gia*. <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/indonesia-energy>

⁷⁸Một tương lai không có than đá. (2021). *Than đá: Một viễn cảnh toàn cầu*. <https://storymaps.arcgis.com/stories/3b7359e3f06049d9b5904736a5c97877>

⁷⁹ Octifanny, Y., & Halimanjaya, A., (2022). *Kinh tế chính trị của Phát thải ròng bằng không: Indonesia*. <https://climatestrategies.org/wp-content/uploads/2022/12/Political-Economy-of-Net-Zero-Indonesia.pdf>

⁸⁰Chủ tịch Indonesia. (2022). *Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027*. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/south-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

⁸¹Cơ quan năng lượng tái tạo quốc tế. (2022). *Triển vọng Chuyển dịch Năng lượng của Indonesia*. <https://www.irena.org/publications/2022/Oct/Indonesia-Energy-Transition-Outlook>

⁸²Tổ chức Oxfam Quốc tế. (thứ). *Bất bình đẳng ở Indonesia: hàng triệu người vẫn sống trong cảnh nghèo đói*. <https://www.oxfam.org/en/inequality-indonesia-millions-kept-poverty>

⁸³Viện Kinh tế Năng lượng và Phân tích Tài chính. (2023). *Điều hướng nhiều khía cạnh của kế hoạch chuyển dịch năng lượng của Indonesia*. <https://ieefa.org/media/3454/download?attachment>

- b. Đẩy nhanh việc triển khai NLTT để NLTT chiếm ít nhất 34% tổng sản lượng điện vào năm 2030;
- c. Thúc đẩy, với sự hỗ trợ của IPG, việc đóng cửa các CFPP sớm hơn, điều này được chính phủ Indonesia ưu tiên và xác định trong Kế hoạch Chính sách và Đầu tư JETP như một yếu tố cần thiết để đạt được các mục tiêu trên;
- d. Hạn chế phát triển các CFPP theo Perpres 112/2022, đồng thời hợp tác để tìm và triển khai các giải pháp không phát thải và NLTT tiềm năng cho các cơ sở phát điện bên ngoài khu vực Java-Bali, bao gồm cả các cơ sở năng lượng khép kín tập trung, với điều kiện:
- o Các giải pháp có giá cả phải chăng (có giá tương đương hoặc tốt hơn so với các giải pháp năng lượng không tái tạo),
 - o Đáng tin cậy (có thể làm nguồn tải cơ bản),
 - o Dễ tiếp cận,
 - o Và kịp thời (có thể được triển khai trong các mốc thời gian tương tự hoặc tốt hơn so với các giải pháp năng lượng không tái tạo) để cân bằng nhu cầu phát triển công nghiệp và tăng trưởng kinh tế của Indonesia với cam kết phát thải ròng bằng không;
- e. Đóng băng hệ thống các CFPP hiện có theo kế hoạch trong RUPTL cho giai đoạn 2021-2030 và tái khẳng định lệnh cấm hoàn toàn đối với việc thêm bất kỳ công suất phát điện than mới nào trong mạng lưới điện theo Nghị định của Tổng thống về NLTT (Perpres 112/2022); và
- f. Huy động 20 tỷ USD trong vòng 3 đến 5 năm tới để đạt được các mục tiêu khử các-bon của Indonesia, trong đó 10 tỷ USD sẽ được cung cấp bởi các thành viên IPG và phần còn lại sẽ là từ khu vực tư nhân.

Khoản tài chính này sẽ được cung cấp bằng cách sử dụng kết hợp các khoản tài trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi, khoản vay theo lãi suất thị trường, bảo lãnh và đầu tư tư nhân⁸⁴.

4.3 Chuẩn bị cho JETP Indonesia

Trước khi bắt đầu đàm phán JETP với các thành viên IPG vào năm 2022, chủ đề chuyển dịch công bằng và bình đẳng đã được thảo luận ở Indonesia và đã đưa ra một số chính sách đề cập đến các nguyên tắc chuyển dịch công bằng. Trong NDC của Indonesia vào năm 2021, chính phủ liệt kê bốn thành phần quan trọng của quá trình chuyển dịch công bằng trong lực lượng lao động và tạo việc làm bền vững và việc làm có chất lượng để chuyển dịch hiệu quả và toàn diện sang phát thải KNK thấp và phát triển thích ứng với BĐKH. Bốn thành phần này bao gồm i) giải quyết những thách thức mà các ngành, thành phố và khu vực phải đối mặt trong quá trình chuyển dịch sang phát thải các-bon thấp và đảm bảo một tương lai tốt đẹp cho những người lao động bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển dịch; ii) thúc đẩy phát thải KNK thấp và các hoạt động kinh tế bền vững sẽ tạo ra việc làm có chất lượng ở các thành phố và khu vực khác; iii) nâng cao năng lực của lực lượng lao động để tạo điều kiện tiếp cận việc làm bền vững và chất lượng, phải cân nhắc đến bình đẳng giới và bình đẳng liên thế hệ, cũng như nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương; và iv) tăng cường đối thoại công khai có sự tham gia của cộng đồng để thúc đẩy tăng tỷ lệ việc làm, đảm bảo bảo trợ xã hội đầy đủ, tiêu chuẩn lao động và phúc lợi của người lao động và cộng đồng của họ⁸⁵.

⁸⁴Thompson, B. và Chow, M. (2022). Indonesia JETP - Đẩy nhanh tiến trình *khử cacbon của Indonesia* . <https://www.mayerbrown.com/en/perspectives-events/publications/2022/11/indonesia-jetp-accelerating-indonesias-decarbonisation-timeline>

⁸⁵Chính phủ Indonesia. (2021). *Cập nhật khoản đóng góp do quốc gia tự quyết định*. https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-09/23.09.2022_Enhanced%20NDC%20Indonesia.pdf

Trong NDC cập nhật năm 2022, Indonesia đã cam kết các mục tiêu giảm phát thải KNK là 31,89% (vô điều kiện) và 43,2% (có điều kiện), tăng hơn so với các mục tiêu trước đó lần lượt là 29% và 41%. NDC được sửa đổi đặt ra các mục tiêu rõ ràng cho việc phục hồi 2 triệu ha đất than bùn và phục hồi 12 triệu ha đất bị suy thoái vào năm 2030. Ngoài ra, NDC đề xuất tăng tham vọng cho các biện pháp thích ứng, phù hợp với Kế hoạch hành động quốc gia được xây dựng gần đây về việc thích ứng với BĐKH. NDC 2022 nhấn mạnh vào một số lĩnh vực chính để nỗ lực thích ứng và ứng phó, bao gồm nông nghiệp, vùng ven biển, hệ sinh thái, nguồn nước, lâm nghiệp, sử dụng đất, năng lượng, định cư và quản lý rủi ro thiên tai⁸⁶.

Chiến lược dài hạn về các-bon thấp và khả năng chống chịu với BĐKH⁸⁷ (LTS-LCCR) tới năm 2050 với viễn cảnh ít các-bon nhằm tới việc đạt mức phát thải khí nhà kính cao nhất vào năm 2030 và giảm xuống ở mức 540 triệu tấn CO₂tđ vào năm 2050. LTS-LCCR dựa trên bốn trụ cột: phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh tế bền vững, phát triển công bằng, tăng cường khả năng chống chịu quốc gia và quản trị khu vực công. Indonesia có kế hoạch chuyển sang các nguồn năng lượng xanh, tăng tỷ lệ NLTT trong điện năng và vận tải, tăng hiệu quả và giảm phát thải từ đất than bùn.

Các nguyên tắc chuyển dịch công bằng được xác định là một cách tiếp cận xuyên suốt trong hai tài liệu này và được áp dụng cho tất cả các ngành ưu tiên để giảm thiểu và thích ứng với BĐKH. Các tài liệu chính sách này đã đặt nền móng và định hình cách tiếp cận cho sự phát triển của Ban thư ký JETP và Kế hoạch đầu tư của Indonesia.

Trong LTS-LCCR, chính phủ Indonesia cam kết phát triển bền vững thông qua chương trình Phát triển các-bon thấp Indonesia (LCDI), nhằm mục đích cân bằng các trụ cột bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội đồng thời duy trì mức phát thải KNK thấp và giảm thiểu khai thác tài nguyên thiên nhiên. LCDI là một nền tảng phát triển mới nhằm hỗ trợ môi trường đầu tư xanh, tăng cường hội nhập liên ngành trong quá trình ra quyết định và đưa Indonesia trở thành quốc gia đi đầu trong lĩnh vực phát triển các-bon thấp.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2022, Tổng thống Cộng hòa Indonesia đã ban hành Nghị định của Tổng thống số 112 năm 2022 liên quan đến việc Đẩy nhanh phát triển NLTT để cung cấp điện. Với việc ban hành nghị định này, Indonesia đưa ra một loạt các chính sách nhằm thúc đẩy việc sử dụng các nguồn NLTT như địa nhiệt, gió, năng lượng sinh học, ánh sáng mặt trời, dòng nước, thác nước, chuyển động của lớp đại dương và chênh lệch nhiệt độ. Các chính sách này bao gồm (i) đơn giản hóa quy trình mua bán điện, (ii) cấm các CFPP, (iii) áp dụng giá điện mới và (iv) cung cấp sự hỗ trợ của chính phủ.

(i) Đơn giản hóa quy trình Mua bán điện. PLN được yêu cầu ưu tiên mua điện từ các nhà máy điện sử dụng nguồn NLTT. Chính sách này cho phép PLN thực hiện quy trình mua điện được đơn giản hóa, chẳng hạn như việc chỉ định trực tiếp hoặc lựa chọn trực tiếp, khi mua điện từ các nhà máy điện NLTT này. Loại quy trình mua bán được sử dụng sẽ phụ thuộc vào loại nhà máy điện NLTT được mua.

(ii) Cấm bổ sung công suất từ các CFPP mới. Nghị định số 112 năm 2022 của Tổng thống giao Bộ trưởng Bộ Năng lượng và Tài nguyên khoáng sản xây dựng lộ trình đẩy nhanh việc dừng vận hành CFPP. Điều này cũng cấm việc phát triển các CFPP mới, ngoại trừ những nhà

⁸⁶ Chính phủ Indonesia. (2021). *Cập nhật khoản đóng góp do quốc gia tự quyết định*. https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-09/23.09.2022_Enhanced%20NDC%20Indonesia.pdf

⁸⁷ Chính phủ Indonesia. (2021). *Chiến lược dài hạn về các-bon thấp và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu*. https://unfccc.int/sites/default/files/resource/Indonesia_LTS-LCCR_2021.pdf

máy tích hợp với các ngành công nghiệp để tăng giá trị tài nguyên thiên nhiên hoặc nằm trong các dự án chiến lược quốc gia góp phần đáng kể vào việc tạo việc làm hoặc tăng trưởng kinh tế. Các nhà máy như vậy phải giảm 35% lượng KNK trong vòng 10 năm kể từ khi vận hành và được vận hành cho đến năm 2050. PLN cũng được hướng dẫn đẩy nhanh việc loại bỏ các CFPP và các hợp đồng mua bán điện.

(iii) Định giá điện mới: Nghị định đưa ra hai mô hình định giá mua điện: giá chuẩn tối đa (có thể đánh giá lại hàng năm) và giá thỏa thuận. Giá áp dụng để xác định giá mua điện phụ thuộc vào chủng loại, quy mô, vị trí của nhà máy điện NLTT và thời hạn của hợp đồng mua bán điện có liên quan. Giá chuẩn tối đa không bao gồm giá cho các cơ sở mạng lưới điện. Giá thỏa thuận được xác định thông qua đàm phán trực tiếp với PLN và phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản.

(iv) Cung cấp hỗ trợ từ chính phủ. Nghị định cho phép chính phủ Indonesia cung cấp các chính sách ưu đãi cho các đơn vị kinh doanh phát triển các nhà máy điện NLTT. Những ưu đãi này có thể xuất hiện dưới hình thức các cơ chế tài chính, chẳng hạn như giảm thuế, miễn thuế nhập khẩu và tài trợ thông qua các doanh nghiệp nhà nước. Các ưu đãi phi tài chính cũng có thể được cung cấp, chẳng hạn như cấp giấy phép kinh doanh thuận tiện và giảm phí.

Dự thảo Luật năng lượng mới và NLTT (“Dự luật NRE”) đã được thảo luận trong ba năm qua⁸⁸. Chính phủ đã nghiên cứu Dự luật NRE từ năm 2018, nhằm mục đích đóng vai trò là khung pháp lý cho các dự án NLTT và chuyển dịch năng lượng xanh. Dự thảo gần đây nhất của Dự luật NRE, ngày 30 tháng 5 năm 2022, bao gồm các điều khoản về *lộ trình chuyển dịch năng lượng, các nguồn năng lượng mới và năng NLTT, các yêu cầu về cấp phép, sức khỏe, an toàn và yêu cầu môi trường đối với NRE, giá NRE, chính sách ưu đãi và các nguồn tài trợ*. Một điều khoản gây tranh cãi trong Điều 9 của Dự luật NRE là than hóa lỏng và than khí hóa được coi là “nguồn năng lượng mới” và được ưu tiên và khuyến khích ngang nhau như các nguồn NLTT. Điều này đã khiến dự luật chỉ trích, với một số lời kêu gọi loại bỏ các nguồn năng lượng mới này khỏi Dự luật hoặc định chỉ các cuộc thảo luận xung quanh Dự luật, vì chúng thải ra nhiều các-bon và không được coi là năng lượng xanh. Chính phủ đặt mục tiêu hoàn thiện và ban hành Dự luật NRE vào cuối năm 2022. Tuy nhiên tính đến nay, dự luật NRE vẫn chưa được thông qua.

Chính phủ đã ban hành Nghị định của Tổng thống số 98 năm 2021 về việc thực hiện định giá các-bon để đạt được mục tiêu NDC và kiểm soát phát thải KNK liên quan đến phát triển quốc gia (PR 98/2021). Quy định này giới thiệu Tín chỉ giảm phát thải KNK, có thể nhận được bằng cách đăng ký trên Hệ thống đăng ký quốc gia về kiểm soát BĐKH và trải qua quá trình thẩm tra. Tín chỉ giảm phát thải KNK có thể được sử dụng cho những giao dịch các-bon, thanh toán dựa trên kết quả hoặc nhận tài trợ xanh. Ngoài ra, PLN cũng cấp Chứng chỉ NLLTT Perusahaan Listrik Negara cho ba trong số các nhà máy điện tái tạo của mình với tổng công suất là 350 MW và hạn ngạch 916.334 Chứng chỉ NLTT. Các Chứng chỉ NLTT này chỉ có sẵn để mua thông qua trang web của PLN. Năm 2022, chính phủ Indonesia cũng ban hành thêm hai nghị định để hỗ trợ định giá các-bon: (i) Nghị định số 21 năm 2022 của Bộ Môi trường và Lâm nghiệp (MOEF) về Quy trình thực hiện định giá các-bon (Nghị định MOEF 21/2022); và (ii) Nghị định số 16 năm 2022 của Bộ Năng lượng và Tài nguyên khoáng sản về Quy trình thực hiện định giá

⁸⁸ Mahiddin, Aziz, Hexagraha. (2023). *Lĩnh vực Năng lượng tái tạo. Hướng dẫn pháp lý so sánh quốc tế*. <https://iclg.com/practice-areas/renewable-energy-laws-and-regulations/indonesia>

các-bon cho Phân ngành nhà máy điện (Nghị định MEMR 16/2022)⁸⁹. Việc triển khai định giá các-bon của Indonesia cho phân ngành nhà máy điện sẽ được thực hiện trên 99 nhà máy điện với tổng công suất 33,6 GW, được nối lưới với lưới điện của PLN và 500.000 tấn khí thải CO₂ sẵn sàng cho việc giao dịch. Việc định giá carbon này sẽ áp dụng cho các nhà máy điện có công suất ít nhất là 100 MW và dự kiến sẽ được triển khai cho các nhà máy điện than nhỏ hơn và các nhà máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch khác, cũng như những nhà máy không được nối lưới với PLN trong các giai đoạn tiếp theo⁹⁰.

PR 98/2021 đề ra hai kế hoạch về giao dịch các-bon: giao dịch phát thải và bù trừ phát thải KNK. Nghị định MEMR 16/2022 yêu cầu tất cả các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch, kể cả CFPP, phải được cấp hạn mức phát thải KNK và tham gia vào hệ thống giao dịch phát thải. Mặt khác, các nhà máy điện tái tạo được tham gia bù trừ phát thải KNK. Cơ chế thanh toán dựa trên kết quả là một khoản thanh toán hoặc hỗ trợ được dùng cho việc giảm phát thải KNK đã được thẩm định/hoặc thẩm tra và các lợi ích khác, theo PR 98/2021. Cơ chế này không chuyển giao quyền sở hữu các-bon và kết quả sẽ được tính vào việc đạt được mục tiêu NDC. Thuế các-bon là một cơ chế được đưa ra theo PR 98/2021 là bao gồm thuế, hải quan và thuế tiêu thụ cũng như các loại thuế khác của địa phương dựa trên hàm lượng các-bon và/hoặc tiềm năng phát thải, cũng như hiệu suất giảm thiểu BĐKH. Thuế các-bon cho CFPP dự kiến sẽ được áp dụng trong năm nay (2023) theo Điều luật số 7 năm 2021 về Hòa giải các Quy định về Thuế.

Cũng cần lưu ý rằng Chính phủ Indonesia coi JETP là cơ chế tài chính lớn nhất trong số các cơ chế tài chính hỗ trợ quá trình chuyển dịch năng lượng của nước này. Vào thời điểm viết báo cáo này, có ít nhất bốn cơ chế chuyển dịch năng lượng ở Indonesia đang cạnh tranh với JETP. Đó là chương trình Tăng tốc Chuyển dịch khởi Than(CIF-ACT) của CIF để hỗ trợ việc đóng cửa các CFPP nhanh hơn, hoạt động song song với cơ chế chuyển dịch năng lượng (ETM) của ADB và WB; Nền tảng ETM quốc gia của Indonesia (ETM-CP); PLN với phiên bản ETM riêng; và ETM của Ủy ban đầu tư Indonesia (INA). Tóm tắt các chương trình tại Indonesia trong hình dưới đây⁹¹.

⁸⁹ Mahiddin, Aziz, Hexagraha. (2023). *Lĩnh vực Năng lượng tái tạo. Hướng dẫn pháp lý so sánh quốc tế*. <https://iclg.com/practice-areas/renewable-energy-laws-and-regulations/indonesia>

⁹⁰ Bernadette Christina Munthe. (2023). Indonesia triển khai cơ chế mua bán các-bon cho các nhà máy điện than, Reuters. <https://www.reuters.com/business/energy/indonesia-launches-carbon-trading-mechanism-coal-power-plants-2023-02-22/>

⁹¹ Tổng thống Cộng hòa Nam Phi. (2022). Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/south-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

Các cơ chế chuyển dịch năng lượng ở Indonesia

Cơ chế chuyển dịch năng lượng	CIF-ACT, ADB ETM, WBG	G7 IPG JETP-IDN	IDN ETMCP	PLN ETM	INA ETM
Khoản tài chính cam kết/hướng đến	CIF-ACT 500 triệu USD; ADB, WBG 2.2 tỷ USD; Chính phủ Indonesia & tư nhân 2 tỷ đô	20 tỷ USD = 10 tỷ USD vốn đầu tư công và 10 tỷ USD vốn tư nhân	Đóng góp bởi Chính phủ Indonesia (chưa được xác nhận)	PLN dự định cần 726 tỷ USD đến năm 2060	Chưa tiết lộ đối với đóng cửa điện than; 2 tỷ USD cho quỹ Green Fund
Bên tham gia	Quỹ Khí hậu: CIF-ACT Ngân hàng phát triển đa phương: ADB, WBG Tư nhân: Khu vực tư nhân của IFC, ADB	Các nước G7 + Đan Mạch, EU, Na Uy Tư nhân: BoA, Citi, Deutsche Bank, HSBC, Macquarie, MUFG, Standard Chartered	Quản lý nền tảng: PT SMI Ban chỉ đạo: MOF, MEMR, MSOE, MOEF	PLN và đối tác	Ủy ban đầu tư Indonesia (INA)
Hình thức cấp vốn	viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi cao, khoản vay thương mại, RBL, FIL thông qua PT SMI, khoản vay dự án	viện trợ không hoàn lại, vốn vay ưu đãi cao, khoản vay thương mại, bảo lãnh, hỗ trợ kỹ thuật (TA)	Đóng góp bởi Chính phủ Indonesia (ngân sách), vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, Doanh thu từ tín chỉ các-bon	kết hợp giữa vốn chủ sở hữu, nợ và trợ cấp	Kết hợp giữa vốn chủ sở hữu và nợ
Mục tiêu đóng cửa điện than	Lên tới 2 GW trong 5 – 10 năm tới	Không có mục tiêu về số GW giảm, phát thải đỉnh của ngành điện ở mức 290 MTCO2e vào 2030	15 GW đã được xác định	6,7 GW trong số các CFPP của PLN vào 2030	1,5 GW
Mục tiêu về NLTT	400 MW NLTT lắp đặt và 90 MW lưu trữ	34% NLTT trong hệ thống vào năm 2030		16 GW NLTT cho đến năm 2030	

Hình 9: Các kế hoạch chuyển dịch năng lượng khác nhau ở Indonesia⁹²

Trước khi công bố JETP, với việc Indonesia giữ vai trò chủ tịch G20 vào năm 2022, các diễn đàn chính sách lớn đã tích cực thảo luận và tập trung vào việc hướng đến chuyển dịch một cách toàn diện và công bằng, đặc biệt chú trọng đến lĩnh vực năng lượng. Với vai trò là Chủ tịch G20, Indonesia đã thúc đẩy nhiều tổ chức chính phủ và phi chính phủ, cũng như khu vực tư nhân đưa ra các sáng kiến mới và điều chỉnh các hành động và chương trình chiến lược của họ với chương trình nghị sự chuyển dịch.

Như đã đề cập trong phần trước, tại COP26, Chính phủ Indonesia đã hợp tác với ADB và WB để thành lập ETM. Vào tháng 10 năm 2022, Indonesia đã đạt được khoản vay 500 triệu USD từ CIF thông qua một kế hoạch đầu tư gửi đến tổ chức tài chính này. Kế hoạch đầu tư cho thấy quỹ này sẽ được kết hợp với 2,2 tỷ USD đồng tài trợ từ ADB và WB, 1,3 tỷ USD đồng tài chính thương mại và 1 tỷ USD khác từ ngân sách nhà nước. Tổng cộng, Indonesia đặt mục tiêu đạt được khoản tài trợ 4 tỷ USD thông qua chương trình này. Việc chuẩn bị và phát triển kế hoạch đầu tư ETM, mặc dù không được tiết lộ công khai chi tiết, góp phần vào việc đàm phán và triển khai JETP tại Indonesia⁹³.

Để hỗ trợ thêm cho quá trình chuyển dịch năng lượng của đất nước, Indonesia đã ra mắt ETM-CP của riêng mình vào năm ngoái cùng với vai trò Chủ tịch G20. ETM-CP được thiết kế để phục vụ như một khuôn khổ cho việc huy động các loại tài trợ khác nhau để cho phép quốc gia nâng cấp cơ sở hạ tầng năng lượng và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch năng lượng sạch nhằm đến mức phát thải ròng bằng không một cách công bằng với chi phí hợp lý. ETM-CP do PT Sarana Multi Infrastructure (PT SMI) thuộc Bộ Tài chính quản lý, bao gồm hai nhánh, đó là (i) Cơ quan năng lượng sạch tập trung vào phát triển các dự án NLTT và (ii) Cơ

⁹²Chủ tịch Nam Phi. (2022). Kế hoạch Đầu tư Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Nam Phi (JET IP) cho giai đoạn đầu 2023-2027. Nhà xuất bản Chính phủ. <https://www.thepresidency.gov.za/content/south-africa%27s-just-energy-transition-investment-plan-jet-ip-2023-2027>

⁹³Mạng báo chí. (2022). Các chuyên gia kêu gọi nhận thức về bẫy nợ khi Indonesia chú ý tài trợ cho quá trình chuyển dịch năng lượng. <https://earthjournalism.net/stories/experts-urge-Nhận-thức-of-debt-trap-as-indonesia-eyes-funding-for-energy-transition>

quan giảm phát thải Các-bon tập trung vào việc loại bỏ dần CFPP. Bên cạnh đó, Đánh giá môi trường và xã hội chiến lược, bao gồm các vấn đề về chuyển dịch việc làm bền vững, được lên kế hoạch trở thành một phần trong công đoạn thiết kế ETM-CP⁹⁴.

Bên cạnh đó, Ủy ban đầu tư Indonesia (INA) cũng đã công bố phiên bản ETM của riêng họ để thực hiện quá trình chuyển dịch ở quy mô địa phương và dự án. Tuy nhiên, việc thành lập ETM-CP là nền tảng và kinh nghiệm quan trọng để Indonesia tiến thêm một bước là thành lập Ban thư ký JETP của mình. Ban thư ký được đề xuất nên kết hợp với ETM-CP và các dự án khác để giảm chồng chéo hoặc trùng lặp nỗ lực và để tối ưu hóa sức mạnh tổng hợp giữa các cơ chế khác nhau.

4.4 Quản trị và xây dựng JETP Indonesia

Công ty quốc doanh PT Sarana Multi Infrastruktur (PT SMI) được bổ nhiệm làm “Đơn vị lý nền tảng” JETP quốc gia theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính SỐ 275 năm 2022.

4.4.1 Ban Thư ký cho JETP

Ngày 16 tháng 2 năm 2023, Ban thư ký JETP Indonesia được thành lập do Chính phủ Indonesia và các đồng chủ tịch IPG. Ban thư ký được đặt tại MEMR và được hỗ trợ bởi ADB. Ban thư ký sẽ điều phối sự tham gia của các bên liên quan trong nội bộ MEMR và bên ngoài vào JETP và sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch và triển khai JETP. Trong sáu tháng tới, Ban thư ký sẽ hỗ trợ chính phủ xây dựng một kế hoạch chính sách và đầu tư toàn diện phản ánh mục tiêu giảm phát thải KNK và hỗ trợ cho các cộng đồng bị ảnh hưởng⁹⁵.

Ban thư ký do một Chủ tịch là người Indonesia đứng đầu. Một nhóm các chuyên gia hỗ trợ trực tiếp cho Chủ tịch/Giám đốc điều hành, bao gồm một chuyên viên phân tích chính, các chuyên viên phân tích hỗ trợ, một quản trị viên và các chuyên viên truyền thông. Hoạt động của Ban thư ký sẽ được ADB hỗ trợ về mặt kỹ thuật và tài chính với một vị trí cố vấn kỹ thuật của ADB. Ngoài ra, các thành viên khác không công tác trực tiếp tại Ban thư ký gồm các bộ ngành liên quan của Chính phủ Indonesia, PLN và các doanh nghiệp nhà nước khác, ADB và các đối tác tài trợ khác.

Bên cạnh đó, 4 Tổ công tác kỹ thuật JETP được thành lập để hỗ trợ Ban thư ký trong các nhiệm vụ đặc biệt, bao gồm:

- Tổ công tác về kỹ thuật: Xây dựng lộ trình khử các-bon
- Tổ công tác về chính sách: Xây dựng đề xuất cho quá trình khử các-bon
- Tổ công tác về tài chính: Hỗ trợ và tạo thuận lợi cho các cơ chế tài chính
- Tổ công tác về chuyển dịch công bằng: Xác định các nguyên tắc ESG để giảm thiểu tác động tiêu cực đến phúc lợi

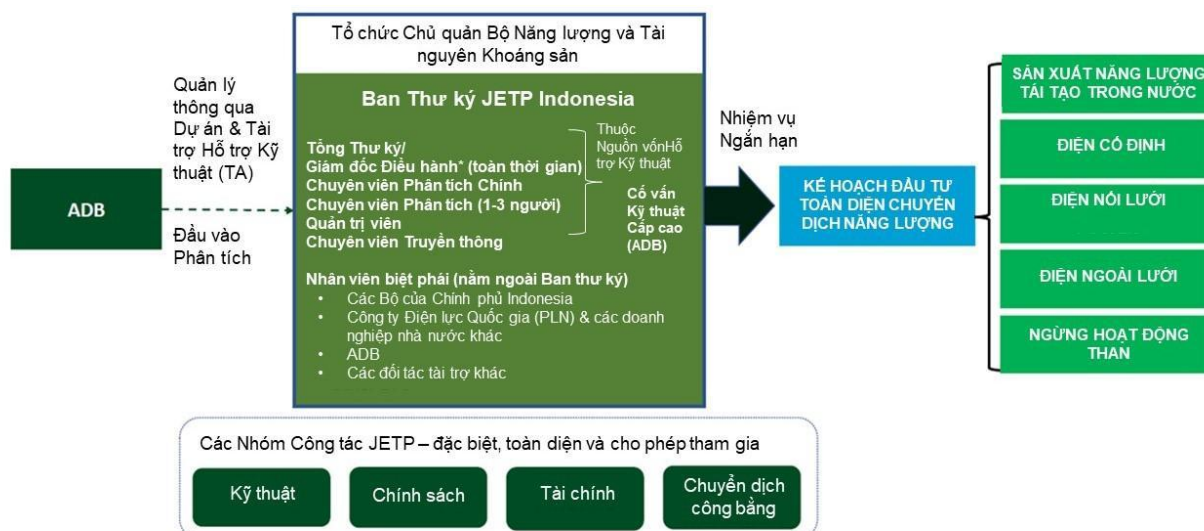
Nhiệm vụ ngắn hạn của Ban thư ký là xây dựng một kế hoạch đầu tư toàn diện bao gồm sản xuất NLTT trong nước, nguồn điện ổn định, điện nối lưới, điện ngoài lưới và đóng cửa các CFPP.

⁹⁴Viện Cải cách Dịch vụ Thiết yếu. (2023). *Triển vọng Chuyển dịch Năng lượng Indonesia 2023* . https://iesr.or.id/wp-content/uploads/2022/12/Indonesia-Energy-Transition-Outlook_2023.pdf

⁹⁵ Đại sứ quán và lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Indonesia. (2023). Chính phủ Indonesia và các đối tác quốc tế ra mắt Ban thư ký đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng để thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng của Indonesia.

<https://id.usembassy.gov/government-of-indonesia-and-international-partners-launch-just-energy-transition-partnership-secretariat-to-drive-indonesias-energy-transformation/>

Cơ cấu tổ chức/hoạt động của Ban thư ký JETP Indonesia được minh họa trong hình dưới đây.



* Indonesian National

Hình 10: Cơ cấu tổ chức Ban thư ký JETP Indonesia⁹⁶

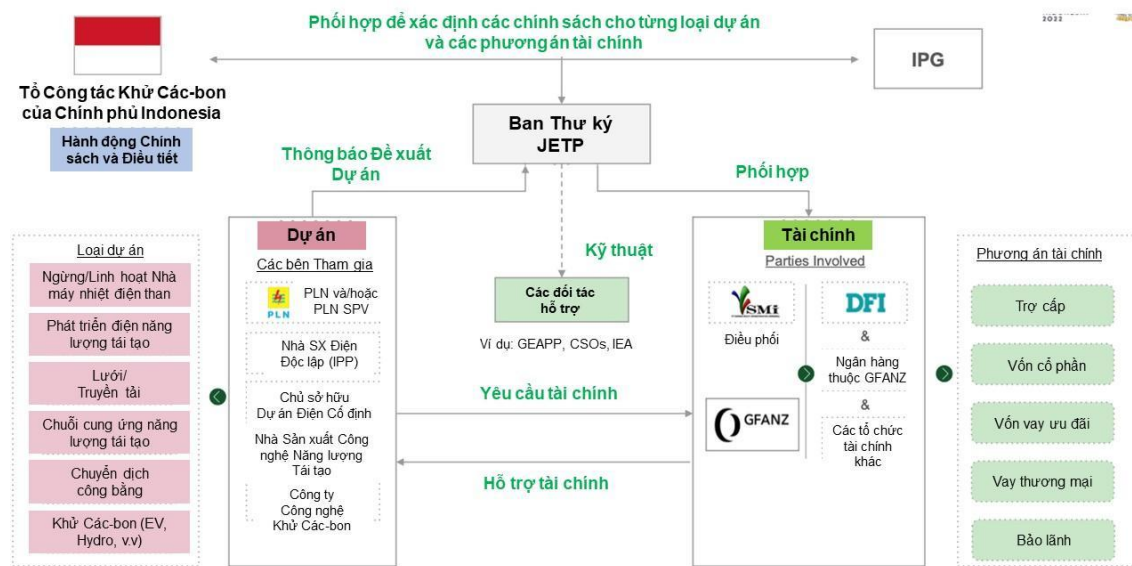
4.4.2 Cơ cấu quản trị của JETP Indonesia

Quy trình quản trị và quy trình làm việc mới nhất của JETP Indonesia được tóm tắt trong các hình dưới đây:



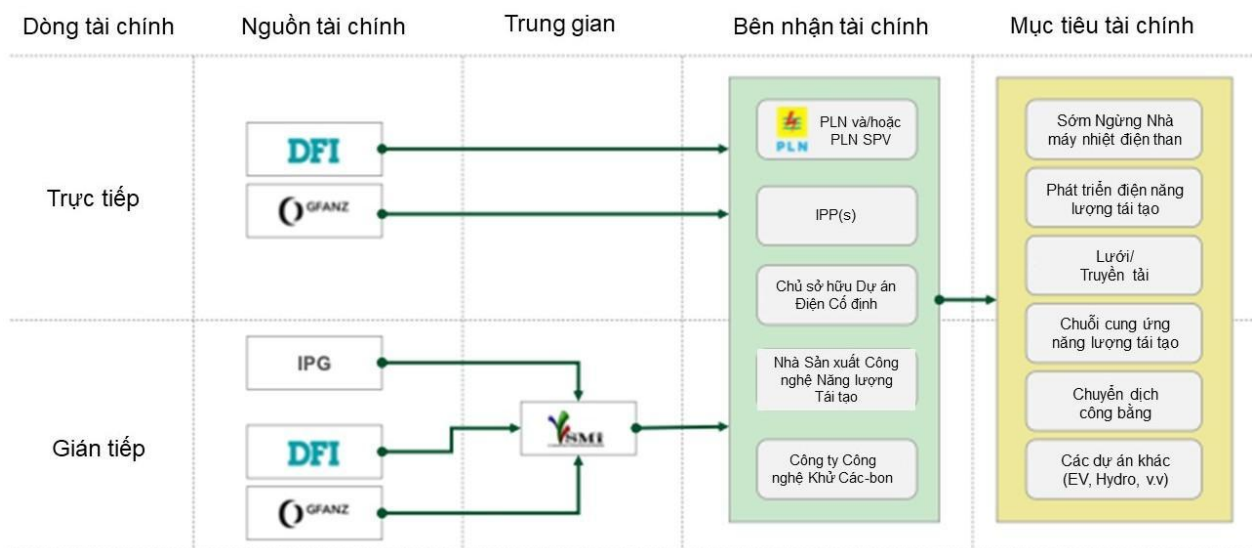
Hình 11: Quy trình quản trị và quy trình làm việc của JETP Indonesia

⁹⁶ Thông tin được chia sẻ bởi ETP



Hình 12: Quy trình quản trị và quy trình làm việc của JETP Indonesia⁹⁷

Các phương án cho dòng tài chính của JETP nhằm tài trợ cho các dự án khử các-bon được xác định như trên được đề xuất bao gồm dòng tài chính trực tiếp và gián tiếp. Tóm tắt các dòng tài chính trong hình dưới đây.



Hình 13: Các lựa chọn cho dòng tài chính JETP của Indonesia⁹⁸

⁹⁷ Journalism Network. (2022). Các chuyên gia kêu gọi nhận thức về bẫy nợ khi Indonesia chú ý tài trợ cho quá trình chuyển dịch năng lượng (Experts Urge Awareness of Debt Trap as Indonesia Eyes Funding for Energy Transition). <https://earthjournalism.net/stories/experts-urge-awareness-of-debt-trap-as-indonesia-eyes-funding-for-energy-transition>

⁹⁸ Journalism Network. (2022). Các chuyên gia kêu gọi nhận thức về bẫy nợ khi Indonesia chú ý tài trợ cho quá trình chuyển dịch năng lượng (Experts Urge Awareness of Debt Trap as Indonesia Eyes Funding for Energy Transition). <https://earthjournalism.net/stories/experts-urge-awareness-of-debt-trap-as-indonesia-eyes-funding-for-energy-transition>

Theo báo cáo, các ngân hàng phát triển đa phương và CIF sẽ chiếm khoảng một phần ba trong số 10 tỷ USD tài trợ công cho JETP Indonesia. Đối với 10 tỷ USD huy động từ khu vực tư nhân, các quan chức của Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố khoản tiền này sẽ được tài trợ bởi bảy ngân hàng toàn cầu.

Một số cột mốc quan trọng về JETP Indonesia cho đến nay⁹⁹:

- **Ngày 24 tháng 2 năm 2023**, Pertamina Geothermal Energy Tbk, một công ty con của Pertamina do chính phủ Indonesia sở hữu toàn bộ, đã hoàn thành đợt chào bán ra công chúng lần đầu tiên (IPO). Đây là vụ IPO lớn thứ hai trong số các doanh nghiệp nhà nước ở Indonesia và là vụ IPO về Tiềm ích và Năng lượng lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á trong năm năm qua. Đây cũng là đợt chào bán cổ phiếu công khai đầu tiên của Indonesia trong lĩnh vực NLTT. Giao dịch này sẽ thúc đẩy tăng trưởng theo cấp số nhân trong lĩnh vực NLTT và phù hợp với các mục tiêu đặt ra trong JETP Indonesia. HSBC đã hỗ trợ Pertamina Geothermal Energy Tbk trong giao dịch IPO trị giá 608 triệu USD này với tư cách là liên doanh Bookrunner và Đại lý bán hàng quốc tế.
- **Từ ngày 27 tháng 2 năm 2023 đến ngày 1 tháng 3 năm 2023**, GFANZ Indonesia đã tổ chức các cuộc họp với các bên liên quan chủ chốt ở Jakarta để đặt nền móng cho các yếu tố chính của JETP Indonesia và hiểu rõ hơn về bối cảnh hiện tại ở Indonesia. Trọng tâm là chuyển dịch nhanh chóng từ các cuộc thảo luận lý thuyết sang thực hiện dự án để phân biệt JETP Indonesia với cách tiếp cận kinh doanh thông thường. Xây dựng năng lực, giáo dục và chiến lược truyền thông là những việc cần thiết để đảm bảo toàn bộ hệ sinh thái chuỗi cung ứng hiểu những gì đang bị đe dọa và cách họ có thể đóng góp. HSBC đã tham gia hai phiên họp do GFANZ do Viện Tài nguyên Thế giới và Phòng Thương mại Indonesia đồng tổ chức.

Phiên họp đầu tiên tập trung vào thu mua NLTT của các tập đoàn lớn hoạt động tại Indonesia. Cần nhấn mạnh rằng lĩnh vực công nghiệp chiếm khoảng 74,5% lượng phát thải KNK của cả nước và vào năm 2030, các hoạt động liên quan đến năng lượng dự kiến sẽ chiếm khoảng 58% lượng phát thải KNK của Indonesia. Phiên họp đã thảo luận về cam kết của các tập đoàn này đối với việc đạt được mức phát thải ròng bằng không và giải quyết các thách thức như lượng phát thải thuộc Phạm vi 2 cao đáng kể trong một số ngành, đào tạo về phát thải thuộc Phạm vi 3 và nhu cầu có thêm các quy định hỗ trợ và hướng dẫn triển khai năng lượng mặt trời.

Phiên họp thứ hai thảo luận về vai trò của ngành giao thông vận tải trong việc đạt được mức phát thải ròng bằng không và quá trình Indonesia trở thành trung tâm chuỗi cung ứng xe điện lớn nhất thế giới. Cuộc thảo luận nhấn mạnh chi phí liên quan đến việc áp dụng hoặc chuyển đổi sang xe điện và sự cần thiết phải có các ưu đãi của chính phủ để kích thích tăng trưởng trong lĩnh vực này. Sự phát triển phù hợp của cơ sở hạ tầng trong chuỗi cung ứng từ đầu đến cuối cũng rất cần thiết. Theo HSBC Global Research, tỷ lệ sử dụng xe điện trên toàn cầu sẽ đạt 27% vào năm 2025, 53% vào năm 2030 và 73% vào năm 2035. Ngoài ra, thị trường tái chế pin xe điện dự kiến sẽ mở rộng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 41% từ năm 2021 đến năm 2030.

⁹⁹ Kho Charles (2023). *Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng - Chương về Indonesia. Chúng ta đang ở đâu? (Just Energy Transition Partnership - Indonesia Chapter. Where are we now?)* <https://www.linkedin.com/pulse/just-energy-transition-partnership-indonesia-chapter-charles-kho/>

5 Những điểm chính của JETP ở ba nước

Những điểm chính trong JETP của mỗi quốc gia được tổng hợp và trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 3: So sánh những điểm chính trong JETP của Việt Nam, Nam Phi và Indonesia

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Việt Nam
Năm/tháng được thông qua	Tháng 11/2021 (COP26)	Tháng 11/2022 (Hội nghị Thượng đỉnh G20)	Tháng 12/2022
Thời gian	2023-2027 (Bắt đầu kỳ giám sát: Tháng 2/2023)	2024-2027/29 (Ban thư ký được thành lập vào tháng 2/2023)	2024-2027/29 (Ban thư ký sẽ được thành lập vào tháng 4/2023)
Số tiền dự kiến/ tài chính tư nhân (USD)	8.5 tỷ USD {tỷ lệ chưa xác định} ¹⁰⁰	20 tỷ USD (một nửa từ khu vực tư nhân)	15.5 tỷ USD (một nửa từ khu vực tư nhân)
Điều phối các đối tác của IPG	Vương quốc Anh	Mỹ và Nhật Bản	Vương quốc Anh và Liên minh châu Âu (EU)
Thành viên IPG	EU, Pháp, CHLB Đức , Vương quốc Anh, Mỹ	Canada, Đan Mạch, EU, Pháp, CHLB Đức, Ý, Nhật Bản, Na Uy, Vương quốc Anh, Mỹ	Canada, Đan Mạch, EU, Pháp, CHLB Đức, Ý, Nhật Bản, Na Uy, Vương quốc Anh, Mỹ
Tổng kinh phí cần thiết cho quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng vào năm 2035	98 tỷ USD	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Tỷ lệ của JET-P trong tổng số kinh phí cần có cho việc chuyển dịch năng lượng	<10%	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Tỷ lệ khoản tài trợ không hoàn lại đã cam kết	<4% (330 triệu USD, trong số đó có hơn nửa số tiền tài trợ là của CHLB Đức)	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

¹⁰⁰ Nội dung trong ngoặc nhọn {...} thể hiện phân tích và bình luận của nhóm Tư vấn

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Việt Nam
Các cơ quan quốc gia/ tổ chức liên quan	IMC - PCFTT (Xem hình 5)	MEMR và Bộ Điều phối Hàng hải và Đầu tư (CMMIA) (Xem hình 10)	Bộ TN&MT chủ trì việc đàm phán và thành lập Ban thư ký
Cấu trúc thể chế	Số lượng lớn chính quyền ở cấp quốc gia/tỉnh/địa phương, cộng đồng địa phương, các tổ chức xã hội dân sự, thành phần tư nhân, tổ chức tài chính, Eskom, các bên liên quan đa bên trong nước (Xem hình 5)	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Tham chiếu đến các nhà tài trợ quốc gia (quốc tế) khác	Chưa có thông tin	“Ghi nhận việc thành lập một nền tảng quốc gia để quản lý một số quỹ liên quan đến chuyển dịch năng lượng khi cần thiết theo PT Sarana Multi Infrastructure (PT SMI), một Tổ chức Công vụ Đặc biệt (SMV) của Bộ Tài chính” ¹⁰¹ “Hỗ trợ Chương trình Tăng tốc Đầu tư Chuyển đổi Than của Quỹ Đầu tư Khí hậu và Cơ chế Chuyển đổi Năng lượng của Ngân hàng Phát triển Châu Á” ¹⁰²	Chưa có thông tin
Kết nối với NDC	“Tuyên bố chính trị dự kiến hỗ trợ đạt được tương lai các-bon thấp của Nam Phi phù hợp với viễn cảnh NDC tham vọng nhất có thể” - chỉ 350 triệu tấn CO ₂ tđ vào năm 2030	“Đỉnh phát thải của ngành điện vào năm 2030 ở giá trị tuyệt đối không quá 290 triệu tấn CO ₂ (giảm so với giá trị cơ sở năm 2030 là 357 triệu tấn CO ₂) và ngay sau đó giảm theo	Lùi các mức đỉnh phát thải trở về trước, từ 240 triệu tấn CO ₂ tđ năm 2035 xuống 170 triệu tấn CO ₂ tđ vào năm 2030

¹⁰¹ Tuyên bố Chung của Chính phủ Cộng hòa Indonesia và các thành viên Nhóm Đối tác Quốc tế về Kế hoạch Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Indonesia. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/statement_22_6892, đoạn 11.

¹⁰² Tuyên bố Chung của Chính phủ Cộng hòa Indonesia và các thành viên Nhóm Đối tác Quốc tế về Kế hoạch Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Indonesia. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/statement_22_6892, đoạn 17.

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Việt Nam
	{Liên hệ với NDC 2025 chưa rõ ràng}	quỹ đạo nhiều tham vọng và đạt được mức phát thải ròng bằng không trong lĩnh vực điện vào năm 2050, bao gồm cả việc gấp rút ngừng hoạt động các nhà máy than, với điều kiện có hỗ trợ quốc tế.” ¹⁰³ {chi tiết hơn nhiều so với Tuyên bố chính trị của Nam Phi}	{chi tiết hơn nhiều so với Tuyên bố chính trị của Nam Phi}
Kỳ vọng đỉnh phát thải - mục tiêu giảm phát thải ngành điện	“Đẩy nhanh quá trình khử các-bon trong hệ thống điện của Nam Phi để đạt được mục tiêu kỳ vọng nhất có thể trong phạm vi NDC của Nam Phi với nguồn lực sẵn có” ¹⁰⁴	“Đỉnh phát thải của ngành điện vào năm 2030 ở giá trị tuyệt đối không quá 290 triệu tấn CO ₂ (giảm so với giá trị cơ sở năm 2030 là 357 triệu tấn CO ₂) và ngay sau đó giảm theo quỹ đạo tham vọng hơn và đạt được mức phát thải ròng bằng không trong lĩnh vực điện vào năm 2050”	“Đẩy nhanh quá trình khử các-bon trong hệ thống điện từ mức cao nhất theo kế hoạch phát thải vào năm 2035 là 240 triệu tấn CO ₂ td với sự hỗ trợ quốc tế (giảm từ 280 triệu tấn CO ₂ td trước COP26) để đạt mức cao nhất không quá 170 triệu tấn CO ₂ td phát thải từ sản xuất điện vào năm 2030” ¹⁰⁵
Mục tiêu giảm điện than		Đóng băng đường hệ thống các nhà máy nhiệt điện than hiện có trên lưới (CFPPs) và khẳng định lại lệnh cấm hoàn toàn đối với mọi công suất điện than mới trên lưới	Giảm quy mô hệ thống các dự án phát điện than của Việt Nam, hiện đang ở đỉnh công suất dự kiến là 37 GW, hướng tới mức đỉnh 30,2 GW” ¹⁰⁶

¹⁰³ Tuyên bố Chung của Chính phủ Cộng hòa Indonesia và các thành viên Nhóm Đối tác Quốc tế về Kế hoạch Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Indonesia. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/statement_22_6892, một phần của “Dự định”, đoạn 3, phần i.

¹⁰⁴ Tuyên bố chính trị về việc thiết lập Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Nam Phi. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/it/ip_21_5768, đoạn 17, phần 1.

¹⁰⁵ Tuyên bố chính trị về thiết lập Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724, đoạn 24, phần b.

¹⁰⁶ Tuyên bố chính trị về thiết lập Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724, đoạn 24, phần c.

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Việt Nam
Mục tiêu về NLTT		“Đẩy nhanh việc triển khai NLTT để NLTT chiếm ít nhất 34% tổng sản lượng điện vào năm 2030.” ¹⁰⁷	“Giúp Việt Nam duy trì lưới điện an toàn và vượt xa con số theo kế hoạch hiện tại là 36%, hướng tới ít nhất 47% sản lượng điện đến từ NLTT bao gồm điện gió, điện mặt trời và thủy điện vào năm 2030, với sự hỗ trợ của quốc tế.” ¹⁰⁸
Các điểm khác trong JETP	“Thiết lập quan hệ đối tác dài hạn tham vọng để hỗ trợ hướng tới phát triển ít khí thải và thích ứng với biến đổi khí hậu của Nam Phi, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch công bằng và khử các-bon của hệ thống điện, đồng thời phát triển các cơ hội kinh tế mới như hydro xanh và xe điện cùng các biện pháp can thiệp khác để hỗ trợ sự thay đổi của Nam Phi hướng tới một tương lai carbon thấp.” ¹⁰⁹ <i>{Tuyên bố chính trị của Nam Phi và Việt Nam gần như giống nhau tại điều khoản này với mục đích chưa rõ}</i>	“Thiết lập JETP như một đối tác lâu dài để giúp Indonesia theo đuổi quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng một cách nhanh chóng và tham vọng, theo đó giữ cho giới hạn có thể đạt được của đường biểu thị nóng lên ở mức trên 1,5°C so với mức của thời kỳ tiền công nghiệp, đồng thời bao gồm lộ trình và chiến lược giảm phát thải ngành điện đầy tham vọng dựa trên việc mở rộng NLTT và cắt giảm dần sản xuất điện than trên lưới và ngoài lưới; và việc thực hiện các hành động cụ thể để đạt được chuyển dịch năng lượng công bằng	Thiết lập quan hệ đối tác về chuyển dịch năng lượng công bằng như một quan hệ lâu dài và nhiều tham vọng để hỗ trợ phát triển theo hướng phát thải thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu của Việt Nam, cũng như giúp Việt Nam đẩy nhanh quá trình chuyển dịch công bằng và khử các-bon của hệ thống điện đồng thời phát triển các cơ hội kinh tế mới hỗ trợ quá trình chuyển dịch hướng đến tương lai phát thải ròng bằng không.” ¹¹¹

¹⁰⁷ Tuyên bố chung của Chính phủ Cộng hòa Indonesia và các thành viên Nhóm Đối tác Quốc tế về Kế hoạch Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Indonesia. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/statement_22_6892, một phần của “Dự định”, đoạn 3, phần ii.

¹⁰⁸ Tuyên bố chính trị về thiết lập Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724, đoạn 24, phần d.

¹⁰⁹ Tuyên bố chính trị về việc thiết lập Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Nam Phi. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/it/ip_21_5768, đoạn 16.

¹¹¹ Tuyên bố chính trị về thiết lập Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724, đoạn 17.

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Việt Nam
	<i>ràng; Tuyên bố chính trị của Indonesia rõ ràng hơn}</i>	cho người lao động và các cộng đồng, đặc biệt là những người chịu tác động nhiều nhất bởi chuyển dịch năng lượng khỏi việc sử dụng than đá.” ¹¹⁰ <i>{rõ ràng hơn nhiều so với Tuyên bố chính trị của Nam Phi}</i>	Tham chiếu rõ ràng đến Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc “Kế hoạch huy động nguồn lực (RMP) đang được xây dựng giúp thể hiện mức kỳ vọng cao nhất và cân nhắc việc, nếu có thêm hỗ trợ tài chính từ các đối tác quốc tế, liệu Việt Nam có thể tiến xa hơn ngoài những gì đã nêu trong Đoạn 18 để phù hợp với việc giữ nhiệt độ ở mức 1,5°C” ¹¹² Các công cụ tài chính “không được làm chuyển hướng những hỗ trợ phát triển quan trọng ra khỏi nguồn vốn phát triển hiện có nhằm hỗ trợ nhu cầu chuyển dịch năng lượng công bằng của Việt Nam theo khuôn khổ quốc gia về quản lý nợ công và nợ nước ngoài.” ¹¹³ <i>{rõ ràng hơn Tuyên bố chính trị của Nam Phi}</i>

¹¹⁰ Tuyên bố chung của Chính phủ Cộng hòa Indonesia và các thành viên Nhóm Đối tác Quốc tế về Kế hoạch Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Indonesia. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/statement_22_6892, một phần của “Dự định”, đoạn 1.

¹¹² Tuyên bố chính trị về thiết lập Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724, đoạn 25.

¹¹³ Tuyên bố chính trị về thiết lập Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724, đoạn 18.

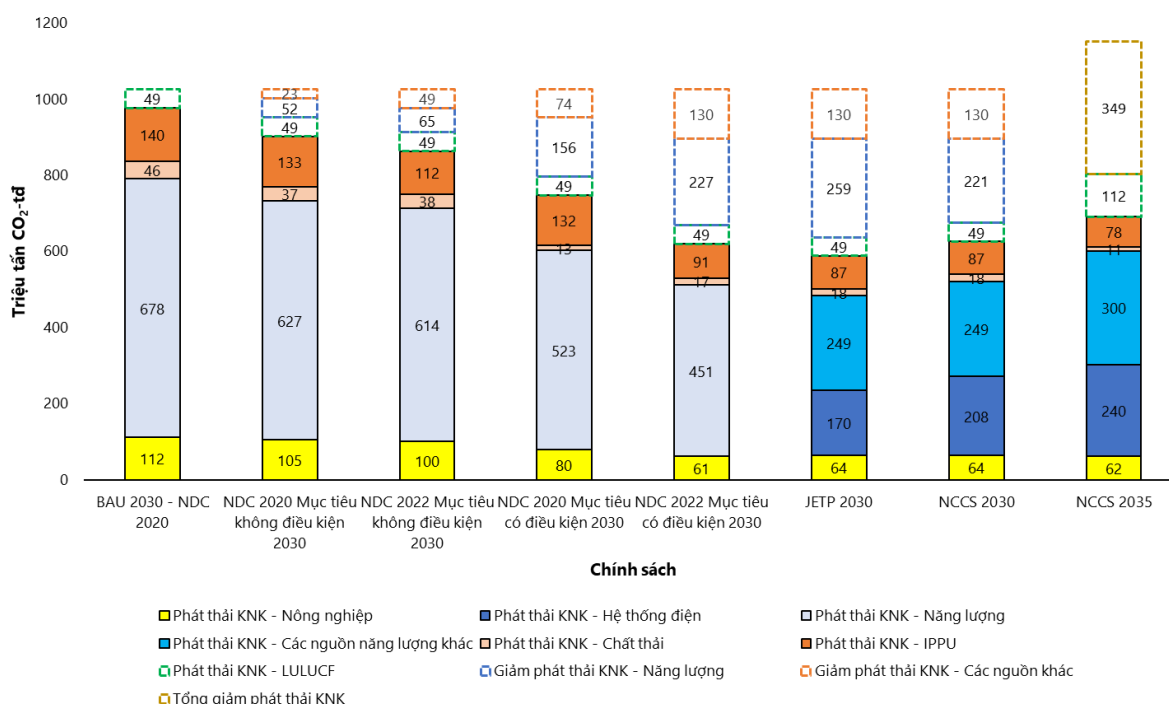
6 Kết luận và khuyến nghị cho Việt Nam

6.1 Ý nghĩa của việc tăng tham vọng về khử các-bon

Các mục tiêu JETP của Việt Nam được thể hiện trong các đoạn từ a) đến m) Đoạn 24 trong Tuyên bố chính trị công bố ngày 14 tháng 12 năm 2022¹¹⁴. Các yếu tố chính của JETP tại Việt Nam bao gồm đỉnh phát thải của ngành điện đạt 170 triệu tấn CO₂tđ vào năm 2030 và tỉ lệ 47% sản xuất NLTT vào thời điểm đó.

Tổng lượng phát thải đến năm 2030 đã được nêu trong Chiến lược quốc gia về biến đổi Khí hậu (NCCS) ban hành tháng 7 năm 2022, tuy nhiên lượng phát thải từ sản xuất điện đến năm 2030 chưa được nêu rõ trong NDC 2022 hay NCCS. Thông số đầu vào của NDC và NCCS là Dự thảo Quy hoạch phát triển điện VIII (PDP VIII); do vậy, báo cáo này ước tính sơ bộ lượng phát thải từ sản xuất điện năm 2030 trên cơ sở dự thảo PDP VIII với các giả định về hệ số phát thải cho từng nguồn điện vào năm 2030 dựa trên hệ số phát thải cho lưới điện quốc gia do Cục Biến đổi Khí hậu công bố¹¹⁵.

Dựa trên ước tính về lượng phát thải từ phát điện đến năm 2030 trong NCCS, đỉnh phát thải của kịch bản JETP vào năm 2030 đã được xây dựng. Hình dưới đây thể hiện các mức đỉnh trong các kịch bản khác nhau¹¹⁶:



Hình 14: Mục tiêu giảm phát thải GHG theo NDC 2022, NCCS và JETP¹¹⁷

¹¹⁴ Tuyên bố chính trị về thiết lập Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng với Việt Nam. Thông cáo báo chí. https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/es/statement_22_7724

¹¹⁵ Cục Biến đổi khí hậu. (2022). Nghiên cứu, xây dựng hệ thống phát thải (EF) của lưới điện Việt Nam năm 2021 (kèm CV 1278/BĐKH-TTBVTOD).

[http://www.dcc.gov.vn/van-ban-phap-luat/1102/Nghien-cuu-xay-dung-he-so-phat-thai-\(EF\)-cua-luoi-dien-Viet-nam-nam-2021-\(k%C3%A8m-CV-1278/BDKH-TTBVTOD\).html](http://www.dcc.gov.vn/van-ban-phap-luat/1102/Nghien-cuu-xay-dung-he-so-phat-thai-(EF)-cua-luoi-dien-Viet-nam-nam-2021-(k%C3%A8m-CV-1278/BDKH-TTBVTOD).html)

¹¹⁶ Đối với kịch bản NCCS 2035, do không có số liệu rõ ràng về mức giảm phát thải GHG của từng lĩnh vực (ngoại trừ LULUCF) nên chỉ thể hiện tổng mức giảm phát thải GHG.

¹¹⁷ Tổng hợp và ước tính bởi Tư vấn

Với cách tiếp cận và giả định trên, JETP sẽ giảm thêm 37,64 triệu tấn CO₂tđ từ sản xuất điện vào năm 2030 để đáp ứng mục tiêu là đạt 170 triệu tấn CO₂tđ vào năm 2030 như đã nêu trong Tuyên bố chính trị.

Hình trên cho thấy mục tiêu giảm thiểu KNK của Việt Nam ngày càng trở nên tham vọng hơn theo thời gian. Tuyên bố gần đây của JETP nhằm chuyển đỉnh phát thải từ năm 2035 sang năm 2030. Đỉnh phát thải này sẽ thấp hơn đỉnh phát thải được công bố trước đó của năm 2030 được nêu trong NDC 2022 và NCCS 2022. Trong NDC 2022 cập nhật, Việt Nam chỉ ra nhu cầu tài chính 60,6 tỷ USD cho đến năm 2030 để đạt được các mục tiêu giảm phát thải có điều kiện chỉ tính riêng trong lĩnh vực năng lượng, trong đó khoảng 46 tỷ USD đến từ hỗ trợ tài chính quốc tế. Do đó, khoản cam kết tài chính trị giá 15,5 tỷ USD trong JETP cần phải thực sự bổ sung cho nhu cầu tài chính ước tính trong NDC 2022 cập nhật để có thể đáp ứng cam kết giảm phát thải trong hệ thống điện tham vọng hơn những gì đã nêu trong NDC mới nhất.

6.2 Bài học chính và khuyến nghị cho Việt Nam

Việc xem xét kinh nghiệm của hai quốc gia đã mang lại những bài học và phát hiện ban đầu được phân loại dựa trên những tiêu chí khác nhau. Trên cơ sở những bài học và phát hiện này, các khuyến nghị cho Việt Nam được đưa ra và tổng hợp trong bảng dưới đây.

Bảng 4: Bài học từ Nam Phi và Indonesia và khuyến nghị cho Việt Nam

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
Đàm phán đối thoại	Kế hoạch đầu tư chi tiết chỉ được Chính phủ Nam Phi công bố một năm sau khi JETP được công bố tại COP26.	Mặc dù JETP Indonesia được thống nhất vào tháng 11 năm 2022 và có đề cập đến các giai đoạn sau 3 và 6 tháng tương ứng, nhưng chỉ đến giữa tháng 2 năm 2023 – khi Ban thư ký JETP được thành lập – mới được coi là điểm khởi đầu của các giai đoạn này.	Các cuộc đàm phán diễn ra chậm và tốn nhiều nguồn lực. - JETP là một cam kết rộng rãi đáp ứng một cơ hội chính trị cụ thể, nhưng cần có thời gian để làm rõ các đặc điểm cụ thể của các điều khoản tài trợ, kế hoạch cải cách, cơ cấu điều phối, v.v.. - Tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nguồn tài trợ khác nhau và thu hút họ tham gia vào giai đoạn đầu đàm phán là việc rất quan trọng để có thêm nguồn lực hỗ trợ cho Việt Nam trong giai đoạn này.
Điều phối quốc gia	PCC có 10 bộ trưởng và 21 thành viên đến từ các tổ chức về lao động, giới học thuật, vận động chính sách, xã hội dân sự, viện nghiên cứu, tổ chức thanh niên, doanh nghiệp và lãnh đạo truyền thống đã được thành lập vào năm 2020, thậm chí sớm hơn tuyên bố về JETP. Điều này cho thấy mức độ tham gia cao nhất và đã có hiệu quả cho đến nay. PCC đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền móng cho JETP Nam Phi thông qua quyền triệu tập và cho ra đời Khung chuyển dịch năng lượng công bằng - tài liệu tiền thân và quan trọng cung cấp thông tin cho JETP IP.	ETM-CP được thành lập vào năm 2022 là nền tảng nơi tất cả các bên liên quan ở cấp quốc gia tham gia vào nhằm thực hiện nỗ lực chuyển dịch năng lượng ở Indonesia với hai nhánh chính tập trung vào việc loại bỏ dần CFPP và phát triển NLTT. Cần thêm thời gian để thấy được hiệu quả của ETM-CP.	- Có một cơ quan tập trung cấp cao để điều phối và quản lý quá trình chuyển dịch công bằng là chìa khóa thành công của việc phát triển RMP. Sự tham gia đầy đủ của cấp chính quyền ở cấp cao nhất là rất quan trọng. - Cần thiết phải duy trì sự nhất trí và đồng thuận chính trị cao với các bộ ngành, chính quyền địa phương và các nhóm chịu tác động trong quá trình xây dựng và thực hiện RMP. - Cần có sự phối hợp và tham gia rộng rãi hơn để tránh các phương pháp tiếp cận theo ngành vốn cản trở việc đạt được mục tiêu của JETP do các chính sách

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	Sự thành công của PCC còn nhờ vào vị trí của nó - ở trong văn phòng của Tổng thống và có Tổng thống làm chủ tịch. Điều này cho phép PCC hoạt động trên tất cả các cơ quan chính phủ, đồng thời đẩy mạnh và nâng cao quá trình chuyển dịch công bằng.		không nhất quán và phản tác dụng cũng như cách tiếp cận “tách rời”. • Xây dựng cơ cấu quản trị nhiều bên với sự tham gia của các bên liên quan chính từ chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự, công đoàn và khu vực tư nhân, cùng hợp tác để hỗ trợ quá trình chuyển dịch công bằng và bình đẳng sang nền kinh tế các-bon thấp tại Việt Nam.
Môi trường pháp lý	Ở Nam Phi, nhiều văn bản pháp luật quan trọng đã có sẵn và là tiền thân quan trọng trong việc đặt nền móng cho JETP. Các chính sách liên quan đến khí hậu 1. Chính sách quốc gia về ứng phó với BĐKH năm 2011 – (i) giảm thiểu tác động của BĐKH; (ii) tăng cường đóng góp công bằng vào nỗ lực toàn cầu nhằm ổn định hàm lượng KNK trong khí quyển. 2. Chiến lược quốc gia về thích ứng với BĐKH: (i) giảm khả năng bị tổn thương của xã hội Nam Phi; (ii) giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế và môi trường; (iii) hỗ trợ tạo ra một nền kinh tế các-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu và một xã hội công bằng. 3. NDC (cập nhật năm 2021) - tham vọng liên quan đến biến đổi khí hậu với	Tại Indonesia, một số văn bản chính sách đã đề cập đến các vấn đề và nguyên tắc chuyển dịch năng lượng công bằng. Các chính sách liên quan đến khí hậu 1. NDC của Indonesia cập nhật năm 2021 2. NDC của Indonesia hoàn thiện năm 2022 3. Chiến lược Dài hạn tới năm 2050 về các-bon thấp và thích ứng với BĐKH 4. Phát triển các-bon thấp tại Indonesia Các chính sách liên quan đến điện 5. Đơn giản hóa quy trình mua điện 6. Giá điện mới Các chính sách liên quan đến chuyển dịch công bằng	Cho tới nay, hai chính sách được đề cập tới trong Tuyên bố chính trị về JETP của Việt Nam, bao gồm NDC và Chiến lược ứng phó với BĐKH quốc gia, không đề cập tới các vấn đề về chuyển dịch năng lượng công bằng. JETP yêu cầu phải có môi trường pháp lý phù hợp/hữu ích.

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	việc giảm thiểu, thích ứng và chuyển dịch công bằng một cách toàn diện. 4. Dự thảo luật về BĐKH - (i) phối hợp hiệu quả giữa: khu vực tư nhân, giới học thuật và xã hội dân sự; (ii) thiết lập các hệ thống để quản lý các chính sách và hành động giảm thiểu và thích ứng; (iii) hệ thống ngân sách các-bon; (iv) mục tiêu phát thải ngành trong toàn bộ nền kinh tế. 5. Khung chỉ tiêu phát thải ngành - hướng dẫn phân bổ và thực hiện các chỉ tiêu trên. Các chính sách liên quan đến điện 6. Kế hoạch Tích hợp Nguồn lực 2019: tầm nhìn dài hạn của ngành điện, phát điện kết hợp và hướng dẫn đầu tư vào công suất phát điện mới. 7. Chương trình mua điện từ các đơn vị sản xuất NLTT độc lập: đưa thêm MW vào hệ thống điện quốc gia thông qua đầu tư của khu vực tư nhân vào năng lượng gió, sinh khối và thủy điện nhỏ, trong số các nguồn khác. 8. Dự thảo luật sửa đổi Điều tiết Điện lực: hình thành thị trường điện cạnh tranh với sự tham gia của các nhà cung cấp tư nhân.	7. Nghị định Tổng thống số 112 năm 2022 – Tăng tốc Phát triển NLTT cho cung cấp điện nhằm xây dựng lộ trình thúc đẩy chấm dứt giai đoạn hoạt động của CFPP Các chính sách liên quan đến tài chính 8. Quy định Tổng thống số 112 năm 2022 – cho phép chính phủ Indonesia cung cấp ưu đãi cho các doanh nghiệp phát triển các nhà máy điện NLTT. 9. Nghị định Tổng thống số 98 năm 2021 và Quy định 21/2022 của MOEF; và Quy định 16/2022 của MEMR – định giá các-bon; Giấy chứng nhận giảm phát thải GHG; Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo PLN cho ba nhà máy điện tái tạo của mình. Các giấy chứng nhận năng lượng tái tạo này chỉ có thể mua được qua trang web của PLN Các chính sách liên quan đến công nghiệp 10. Dự thảo mới nhất của Dự luật NRE, ngày 30 tháng 5 năm 2022 - các quy định về lộ trình chuyển dịch năng lượng, các nguồn năng lượng mới và NLTT, các yêu cầu về cấp phép, sức khỏe, an toàn và môi trường đối với NRE, giá NRE, ưu đãi và tài trợ.	

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	9. Phụ mục 2 bản sửa đổi năm 2021 của Luật Điều tiết Điện lực: giải phóng các dự án khỏi các lĩnh vực khai thác mỏ và phát thải nặng; cho phép các nhà cung cấp tư nhân bán điện cho nhiều khách hàng. <i>Các chính sách liên quan đến chuyển dịch công bằng</i> 10. Ủy ban về Khí hậu của Tổng thống (PCC) - cơ quan bao gồm nhiều bên liên quan giúp xây dựng chiến lược quốc gia cho chuyển dịch công bằng. 11. Khung chuyển dịch công bằng 12. NDC (cập nhật năm 2021) - tham vọng biến đổi khí hậu về giảm thiểu, thích ứng và chuyển dịch công bằng một cách toàn diện <i>Các chính sách liên quan đến tài chính</i> 13. Thuế các-bon và khả năng bù trừ các-bon như là cơ chế chính. 14. Nguyên tắc Phân loại tài chính xanh của Nam Phi - phân loại 'tài sản xanh' để quản lý 'các hoạt động xanh'. <i>Các chính sách liên quan đến công nghiệp</i>		

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	15. Nền Kinh tế Hydro Xanh - một thành phần quan trọng của chuyển dịch công bằng. 16. Lộ trình của Hiệp hội Hydro - khử các-bon cho các cơ sở công nghiệp nặng của quốc gia. 17. Quy hoạch tổng thể NLTT - chuỗi giá trị cạnh tranh; ngành năng lượng bền vững. 18. Quy hoạch tổng thể ngành ô tô của Nam Phi đến 2035. 19. Chiến lược Giao thông Xanh giai đoạn 2018-2050 của Bộ Giao thông Vận tải. 20. Sách xanh của Bộ Thương mại, Công nghiệp và Cạnh tranh về NEV và thông báo gần đây về Lộ trình NEV.		
Gói tài chính, cơ cấu và phân bổ tài chính	Chính phủ Nam Phi đã mô hình hóa rằng hoạt động chuyển dịch công bằng sẽ chiếm 6,5% tổng nhu cầu tài chính cho quá trình chuyển dịch của đất nước. Tuy nhiên, nội dung chuyển dịch công bằng chỉ chiếm 0,6% trong tổng số hỗ trợ bởi IPG.	Hiện đang có thảo luận xung quanh vai trò của kế hoạch đầu tư của CIF trong JETP, về điều này, JETP còn chưa rõ ràng: “Hỗ trợ Chương trình Đầu tư Thúc đẩy Chuyển dịch khỏi Than của Quỹ Đầu tư Khí hậu và Cơ chế Chuyển dịch Năng lượng của Ngân hàng Phát triển Châu Á” ¹¹⁸ . Con số 500 triệu USD hứa hẹn cấp	Đàm phán về RMP và gói tài chính nên tập trung vào: JETP là một cơ chế mới và là sáng kiến hình thức hợp tác mới. Tài chính quốc tế đến từ sự kết hợp rộng rãi của các ngân hàng phát triển đa phương, song phương, tổ chức từ thiện, khu vực tư nhân... Thách thức là làm sao để đảm

¹¹⁸ Tuyên bố Chung của Chính phủ Cộng hòa Indonesia và các thành viên Nhóm Đối tác Quốc tế về Kế hoạch Chuyển dịch Năng lượng Công bằng của Indonesia. Thông cáo báo chí (*Joint Statement by the Government of the Republic of Indonesia and International Partners Group members on the Indonesia Just Energy Transition Plan. Press release*). https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/statement_22_6892, đoạn 17

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	Những điều IPG mang lại chủ yếu bao gồm các cơ chế phòng ngừa rủi ro và tài chính ưu đãi, điều này đặt ra câu hỏi liệu các điều khoản của thỏa thuận tài trợ có lợi hay không. Nhiều bên tham gia ở Nam Phi, bao gồm PCFTT lưu ý rằng IPG nên rõ ràng hơn về tài chính trước khi thảo luận về kế hoạch đầu tư.	cho Indonesia cho kế hoạch đầu tư theo Chương trình CIF-ACT có thể được tính vào tổng số 20 tỷ USD thay vì được bổ sung. Về tài chính tư nhân, cuộc họp đầu tiên với GFANZ được tổ chức trước khi Ban Thư ký JETP được thành lập và các rào cản hành chính vẫn còn – do các cam kết quốc tế – đối với việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng than ngừng hoạt động sớm.	bảo rằng tất cả các đối tác này đều thực hiện cam kết trong khoảng thời gian vài năm. Điều này cần phải được thể hiện trong các thỏa thuận mạnh mẽ không thể bị “trốn tránh” một khi tính mới của JTP mất dần. Cần tránh dán nhãn mới các nguồn tài chính truyền thống hiện nay và cần phải đàm phán để có khoản tài trợ đủ hoặc vay ưu đãi trong RMP. Thị trường các-bon cần được đưa vào. Các hoạt động chuyển dịch công bằng, ví dụ như đào tạo lại người lao động và trợ cấp sinh kế trong thời gian chuyển dịch, thường là những yếu tố khó đàm phán và tài trợ nhất. Mặt khác, không thể huy động vốn cho các hoạt động này từ các thị trường truyền thống, vì vậy các khoản tài trợ nên được ưu tiên dành cho các hoạt động này. Cần đánh giá các ngưỡng tài chính dựa trên kết quả và rủi ro nếu việc triển khai các dự án JETP sau này không đạt được mục tiêu đã thỏa thuận.
Các chiến lược và nghiên cứu dựa trên bằng chứng khoa học	Nhiều nghiên cứu đã được tiến hành trong nhiều năm để tạo bối cảnh cho quá trình chuyển dịch công bằng và xây dựng cơ sở thực chứng. Khu vực tư nhân cũng đã tham gia vào việc nghiên cứu về	Indonesia đã nghiên cứu về khả năng chi trả và sự công bằng cũng như các tác động kinh tế và xã hội của quá trình chuyển dịch năng lượng đối với người dân và cộng đồng từ trước.	JETP tại Việt Nam hiện được thiết kế như một cam kết chính trị cấp cao. Thuật ngữ “công bằng” chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng và phản ánh trong các chiến lược dựa trên bằng chứng khoa học.

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	chuyển dịch bền vững trong các lĩnh vực khác nhau.		• Cần xây dựng hệ thống dữ liệu đáng tin cậy và các chiến lược dựa trên bằng chứng khoa học cho quá trình chuyển dịch công bằng, điều này rất quan trọng để xây dựng lộ trình và chiến lược hiệu quả cho quá trình chuyển dịch công bằng, đo lường tiến độ và đánh giá hiệu quả của các chính sách và chương trình chuyển dịch. • Thực hiện nhiều nghiên cứu sâu hơn, nghiên cứu phạm vi để cung cấp cơ sở khoa học và chiến lược với sự tham gia rộng rãi của các chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau (học thuật, kinh doanh, lao động và các hiệp hội) để hỗ trợ cho việc phát triển và thực hiện RMP.
Thiết kế mô hình quản trị hiệu quả	Cơ cấu quản trị của Nam Phi có trung tâm là hệ thống hoạch định của chính phủ với vai trò lãnh đạo nhằm điều chỉnh tất cả các kế hoạch và chiến lược quốc gia phù hợp với quá trình chuyển dịch năng lượng và sự hợp tác chặt chẽ của các bộ, ngành khác. Chính quyền địa phương và các đối tác xã hội khác tham gia với vai trò điều phối và thực hiện chuyển dịch năng lượng ở cấp tỉnh và cấp dự án với những vai trò và nhiệm vụ xác định để hình thành các hành động tập thể.	Cấu trúc quản trị chi tiết của JETP Indonesia chưa được công khai, nhưng ít nhất là ở cấp quốc gia sẽ bao gồm các bên liên quan chính trong quá trình chuyển dịch năng lượng. Vai trò của các đối tác xã hội và địa phương cần được xác định cụ thể. Thông tin hiện tại còn lộn xộn, cho thấy những rủi ro quản trị nghiêm trọng đang xuất hiện.	• Quản lý và điều phối các nỗ lực một cách hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và minh bạch là chìa khóa đảm bảo sự công bằng và sự tham gia toàn diện, giảm thiểu các tác động kinh tế và chính trị tiêu cực, đồng thời bảo vệ cuộc sống và sinh kế của những đối tượng dễ bị tổn thương nhất. • Việc quản trị ở cấp quốc gia và cấp tỉnh để đạt được quá trình chuyển dịch công bằng và bình đẳng cần được thể hiện rõ ràng trong RMP.

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	Do đó, quản trị hiệu quả ở cấp quốc gia, tỉnh và thành phố sẽ là trọng tâm để đạt được chuyển dịch công bằng và bình đẳng ở Nam Phi.		
Thu hút sự tham gia rộng rãi của công chúng và các bên liên quan	Trước JETP, quá trình chuyển dịch công bằng cũng như các chính sách về biến đổi khí hậu (ví dụ thuế các-bon) đã có một lịch sử lâu dài về sự tham gia tích cực của công chúng và các bên liên quan chính. Khung chuyển dịch công bằng đã được tham vấn rộng rãi với người lao động, cộng đồng, doanh nghiệp nhỏ và các đối tác xã hội trong nước trước khi phù hợp với hướng dẫn về thực tiễn tốt nhất trên thế giới cho phép các nhóm chịu tác động thảo luận về lộ trình phát triển và sinh kế của chính họ để hình thành một cái nhìn toàn diện về các chủ đề chính trong khung khổ chuyển dịch công bằng. Mặc dù vậy, JETP ở Nam Phi và cụ thể là sự phát triển của JETP IP vẫn bị chỉ trích thiếu minh bạch dù có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan trong các hội nghị bàn tròn. a. Công chúng “không được tiếp cận các chi tiết của quan hệ đối tác, bao gồm thông tin về những gì có trong cam kết 8,5 tỷ USD và những hoạt động cụ thể	Hiện tại hầu như không có bất kỳ thông tin nào về quy trình JETP ở Indonesia được công khai và vẫn chưa có 'đối thoại chính sách toàn diện' nào diễn ra (có thể vào tháng 4 và tháng 5). Trên thực tế, tại một hội thảo trực tuyến gần đây của các đồng nghiệp từ Viện Phát triển Bền vững Quốc tế, một thành viên trong ủy ban của Hội đồng Năng lượng Quốc gia Cộng hòa Indonesia đã không chia sẻ bất kỳ thông tin mới nào.	JETP mang tính chính trị cao: Các cuộc đàm phán trực tiếp giữa Chính phủ Việt Nam và IPG là không thể thiếu để đảm bảo mức độ tham vọng cần thiết làm hài lòng cả hai bên. Bản chất tương đối khép kín của các cuộc đàm phán đó cũng rất quan trọng để hình thành mối quan hệ đối tác. Tuy nhiên, điều này có thể dẫn đến thiếu minh bạch và làm giảm sự hỗ trợ từ khu vực công, khu vực tư nhân..., thậm chí cả các cơ quan chính phủ quan trọng khác trong giai đoạn thực hiện RMP. • Cần có một nền tảng chính thức cho phép các bên liên quan khác nhau (và đặc biệt là các tổ chức xã hội) được tham gia, tham vấn, chia sẻ và tiếp nhận thông tin. Quy trình chính thức này là cần thiết để đảm bảo tính liên tục trong suốt quá trình triển khai RMP trên thực tế. • Các cuộc đối thoại công khai cần được tổ chức sớm trong quá trình chuẩn bị RMP và sau đó được lặp lại trong suốt quá trình chuyển dịch công bằng. Qua đó sẽ hỗ trợ một quy trình toàn diện hơn để

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
	mà phía Nam Phi dự định thực hiện với sự hỗ trợ”¹¹⁹. b. Ngoài ra, quá trình thiết kế kế hoạch đầu tư không trực tiếp có sự tham gia của đại diện người lao động hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng và thành viên của các nhóm công tác được giữ bí mật. c. Việc tham vấn được thực hiện quá muộn trong quá trình và dự thảo kế hoạch đầu tư vẫn chưa được chia sẻ rộng rãi với công chúng. d. Kế hoạch đầu tư chỉ được công khai sau khi được Nội các thông qua – vì vậy không có cơ hội cho sự tham gia rộng rãi hơn của công chúng, xã hội dân sự và các nhóm chịu tác động trước khi kế hoạch được hoàn thiện và phê duyệt.		Đạt được sự thỏa hiệp giữa các bên liên quan khác nhau và cân bằng được các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường hoặc các lợi ích cạnh tranh.
Hợp tác giữa các nước tiếp nhận	Nam Phi và Indonesia đi trước Việt Nam trong việc chuẩn bị và triển khai JETP. Kinh nghiệm và bài học rút ra từ hai nước sẽ rất có giá trị đối với Việt Nam và sẽ mang lại lợi ích cho Việt Nam trong các việc làm cần ưu tiên tới đây, chẳng hạn như thành lập Ban thư ký và đàm phán/soạn thảo RMP, huy động hỗ trợ từ các nhà tài trợ/nguồn khác nhau. Trao đổi thông tin và hợp tác với các quốc gia tiếp nhận khác có thể mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia cũng như nâng cao hiệu quả của JETP.		Chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hợp tác với Nam Phi và Indonesia nên được thực hiện càng sớm càng tốt để học hỏi về việc thành lập Ban thư ký, hệ thống quản trị và dự thảo RMP. Việc này có thể được thực hiện thông qua tổ chức hội thảo và khảo sát thực địa với các chuyên gia kỹ thuật và các quan chức cấp cao...).

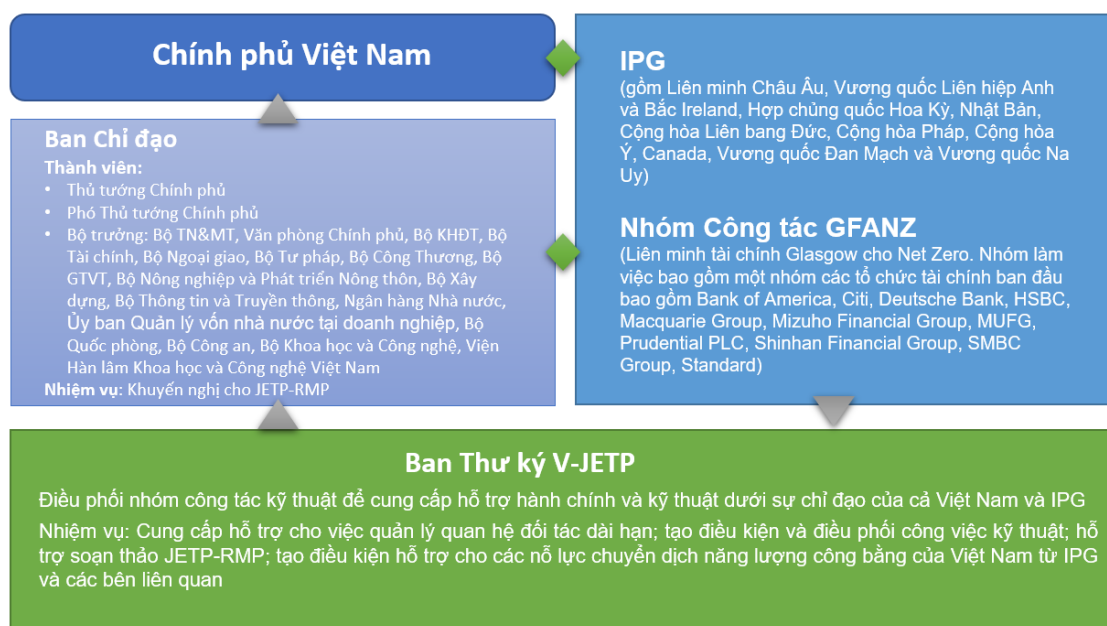
¹¹⁹ Amos Wemanya và Mohamed Adow. (2022) Thực hiện hợp tác chuyển dịch năng lượng công bằng ở Nam Phi (*Implementation of the just energy transition partnership in South Africa*). https://www.germanwatch.org/sites/default/files/g7-g20_track-2_just_energy_africa_policy_brief_rev-1_met_1.pdf. p11

Tiêu chí	Nam Phi	Indonesia	Bài học và khuyến nghị cho Việt Nam
			Về lâu dài, việc thiết lập một nền tảng hợp tác và trao đổi thông tin thường xuyên giữa các quốc gia tiếp nhận có thể giúp kết hợp hành động, tăng cường tiếng nói và sức mạnh đàm phán.

Liên quan đến sự tham gia của các bên liên quan khác nhau vào Ban Thư ký, một số đề xuất, khuyến nghị được đưa ra bổ sung như sau:

Theo quy định tại V-JETP, Ban thư ký V-JETP sẽ đảm nhiệm vai trò của các nhóm công tác kỹ thuật. Đây cũng là một thành tố của bộ máy quản trị V-JETP bởi thông qua các nhóm này, chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khác nhau có thể cùng tham gia xây dựng các khuyến nghị về mặt chính sách và hướng dẫn kỹ thuật đối với các lĩnh vực cụ thể của quá trình chuyển dịch năng lượng. Điều này cho thấy các hoạt động của quan hệ đối tác đều được xây dựng dựa trên nền tảng chuyên môn kỹ thuật và được cập nhật đầy đủ thông tin từ các bài nghiên cứu và phân tích mới nhất.

Bộ TN&MT có thể đảm nhận vai trò Ban Thư ký V-JETP, cùng với đó là sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ bên ngoài.



Hình 15: Dự thảo Mô hình quản trị của JETP Việt Nam

Nguồn: Tư vấn

Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2019-2030 cần được nâng cấp thành Ban Chỉ đạo JETP Cấp cao và được giao nhiệm vụ của Ban Thư ký. Ban Chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ Việt Nam làm Trưởng ban, được thành lập để giúp Thủ tướng giải quyết các vấn đề quan trọng, xuyên suốt liên quan đến Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 (Chương trình). Ban đầu Chương trình này được thành lập theo Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 và sau đó được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số Quyết định 1532/QĐ-TT ngày 15/09/2021 thay thế Quyết định số 1664/QĐ-TTg. Hoạt động và tổ chức của Ban Chỉ đạo được quản lý bởi Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo hiện nay đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ, bao gồm đề xuất phương hướng, giải pháp, giúp chỉ đạo, phối hợp giữa các cơ quan liên quan, đơn đốc giải quyết các vấn đề liên quan đến Chương trình. Ban Chỉ đạo cũng có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch công tác, quy chế và việc sử dụng ngân sách trung ương. Ngoài ra, Ban Chỉ đạo định kỳ báo cáo Thủ tướng

Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình. Một số chức năng chính của Ban Chỉ đạo bao gồm:

- (i) Thay mặt Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế, chính sách và giải quyết những vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến tổ chức, giám sát và thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình;
- (ii) Đề xuất điều chỉnh chính sách và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện Chương trình có hiệu quả. Chỉ đạo các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các quy hoạch, dự án đã được phê duyệt;
- (iii) Cử chuyên gia trong và ngoài nước có thời hạn để nghiên cứu, soạn thảo kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao;
- (iv) Hỗ trợ Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, dàn xếp, phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để giải quyết các vấn đề thuộc Chương trình. Bao gồm phê duyệt khung kế hoạch tổng thể 5 năm và triển khai các nhiệm vụ hàng năm của Chương trình;
- (v) Hỗ trợ Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giải quyết các vấn đề thuộc Chương trình.

Ban Chỉ đạo bao gồm các lãnh đạo cấp cao của Việt Nam, trong đó có Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ Trưởng, Thủ trưởng các bộ ngành, trong đó có Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), Văn phòng Chính phủ (OOG), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), Bộ Tài chính (MOF), Bộ Ngoại giao (MOFA), Bộ Tư pháp (MOJ), Bộ Công Thương (MOIT), Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), Bộ Xây dựng (MOC), Bộ Thông tin và Truyền thông (MIC), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV), Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước (CMSC), Bộ Quốc phòng (MOD), Bộ Công an (MPS), Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST) và Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST).

Dựa trên kinh nghiệm của Nam Phi và Indonesia và nhiệm vụ của các Bộ ngành của Việt Nam, chúng tôi khuyến nghị nhấn mạnh vai trò của MONRE, MOIT, MPI, MARD và MOF là đầu mối triển khai JETP.

BỘ TN&MT – Đầu mối quốc gia về BĐKH

BỘ TN&MT là cơ quan trực thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm về các lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, khảo sát và lập sơ đồ, quản lý biển và hải đảo tại Việt Nam. Cục Biến đổi Khí hậu (Cục BĐKH) thuộc BỘ TN&MT đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình chuyển dịch công bằng hướng tới một nền kinh tế các-bon thấp và bền vững. Trách nhiệm chính của Cục BĐKH trong lĩnh vực này bao gồm đề xuất chính sách và chiến lược phát triển bền vững cho BỘ TN&MT, thúc đẩy NLTT và sử dụng năng lượng hiệu quả, đảm bảo các biện pháp an toàn về mặt xã hội và môi trường nhằm bảo vệ các cộng đồng và hệ sinh thái chịu tác động bởi quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp và tạo điều kiện cho quá trình hợp tác và cộng tác quốc tế về các vấn đề liên quan tới biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Điều này đòi hỏi tham gia vào các cuộc đàm phán quốc tế, trao đổi thông tin và thực tiễn tốt nhất, đồng thời thúc đẩy quan hệ đối tác và sáng kiến trên toàn thế giới.

Với vai trò và chức năng như vậy, Bộ TN&MT được xác định là cơ quan đi đầu trong hỗ trợ Chính phủ Việt Nam triển khai V-JETP và đạt được mục tiêu chuyển dịch năng lượng công bằng.

Bộ Công Thương (MOIT)

Để triển khai JETP, cần có sự tham gia của cơ quan Nhà nước phụ trách phát và truyền tải điện. Tại Việt Nam, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và truyền tải điện thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Theo các quy định có liên quan của Việt Nam, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về năng lượng (bao gồm điện, than, xăng dầu, năng lượng mới, NLTT và các nguồn năng lượng khác, quản lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả), quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, lưới điện, sản xuất công nghiệp và các vấn đề thương mại khác. Cùng với Bộ TN&MT, Bộ Công Thương có trách nhiệm chính trong lĩnh vực này bao gồm đề xuất các chính sách và chiến lược nhằm thúc đẩy NLTT và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, chuyển dịch hướng tới nền kinh tế các-bon thấp và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác và cộng tác quốc tế về phát triển năng lượng. Điều này liên quan đến việc tham gia vào các cuộc đàm phán quốc tế, trao đổi thông tin và thực tiễn tốt nhất, đồng thời thúc đẩy quan hệ đối tác và sáng kiến quốc tế liên quan đến năng lượng nói riêng và thương mại nói chung. Hiện nay, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (QHĐ) giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2045 (QHĐ VIII). Vì vậy, sự tham gia của Bộ Công Thương trong việc triển khai V-JETP rất là quan trọng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT)

Tương tự như Nam Phi, Bộ Môi trường, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện JETP. Tại Việt Nam, các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và phát triển nông thôn (đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương) thuộc chức năng của Bộ NN&PTNT.

Bộ NN&PTNT là Bộ của Chính phủ, chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực như nông nghiệp, bảo vệ lâm nghiệp và phát triển nông thôn, đặc biệt là giảm nghèo ở khu vực nông thôn và miền núi. Do đó, Bộ NN&PTNT đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện chuyển dịch công bằng để bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là nhóm người nghèo, người dân tộc thiểu số tại vùng nông thôn và miền núi, chẳng hạn như chuẩn bị kế hoạch chuyển đổi việc làm cho các nhóm này. Bộ NN&PTNT cũng đóng vai trò quyết định việc sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp với mục đích khác nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong sử dụng đất cho người nông dân, nhất là trong bối cảnh phát triển sản xuất NLTT.

Bộ Tài chính (Bộ TC) - Quản lý Tài chính

Theo nghiên cứu, cơ cấu quản trị trong JETP tại Nam Phi và Indonesia đều có một cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm quản lý tài chính. Tại Indonesia, Bộ trưởng Bộ Tài chính Indonesia bổ nhiệm một giám đốc nền tảng quốc gia để giám sát quá trình hợp tác ở cấp độ dự án với tư cách là đầu mối liên hệ; trong khi tại Nam Phi, PCFTT là cơ quan tư vấn cho Nội các về cấu trúc gói tài chính và khả năng thu xếp tài chính, tuân thủ quy định, và điều phối các cơ quan chính phủ liên quan, cơ quan tài chính phát triển, cũng như khu vực tư nhân. PCFTT cũng giữ

vai trò giám sát xây dựng các cơ chế và cơ sở tài chính để hỗ trợ chuyển dịch công bằng của Nam Phi.

JETP tại Nam Phi, Indonesia và Việt Nam đều có chung nhóm hoạt các động đầu tư và các thỏa thuận nguồn yêu cầu có sự tham gia của cơ quan chính phủ trong quản lý tài chính. Việc xây dựng RMP đòi hỏi phải xác định những công cụ tài chính thích hợp không làm cho các khoản viện trợ phát triển thiết yếu bị chệch hướng khỏi các nguồn tài chính sẵn có được phát triển nhằm hỗ trợ chuyển dịch năng lượng công bằng. Ngoài ra, những công cụ này phải phù hợp với khuôn khổ quốc gia về quản lý nợ công và nợ nước ngoài.

Tại Việt Nam, Bộ TC chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về tài chính, quản lý ngân sách nhà nước, thuế, phí, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính quốc gia, đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp, tài chính hợp tác, kinh tế tập thể, tài sản công theo quy định của pháp luật, hải quan, kế toán, kiểm toán độc lập, bảo hiểm, giá, chứng khoán, và các dịch vụ tài chính khác. Bộ TC cũng thực hiện quyền sở hữu đối với vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định pháp luật liên quan.

Sự tham gia của Bộ Tài Chính vào quá trình triển khai V-JETP là hết sức quan trọng.

Ban chỉ đạo Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 nên được nâng cấp thành một Ban chỉ đạo JETP cấp cao. Ban chỉ đạo được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ Thủ tướng Chính phủ trong việc xác định các vấn đề quan trọng và xuyên suốt liên quan tới Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 (Chương trình). Ban chỉ đạo được thành lập ban đầu theo Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 19/11/2019, và sau đó được tái cơ cấu theo Quyết định số 1532/QĐ-TT ngày 15/9/2021, thay thế Quyết định số 1664 kể từ ngày ban hành. Hoạt động và tổ chức của Ban chỉ đạo được điều chỉnh bởi Quyết định số 461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 7/4/2020.

Hiện nay Ban chỉ đạo có nhiều nhiệm vụ khác nhau, trong đó bao gồm đề xuất định hướng và giải pháp, hỗ trợ chỉ đạo và điều phối các cơ quan liên quan, và thúc đẩy các bên giải quyết các vấn đề liên quan tới Chương trình. Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm thông qua các phương án công tác, quy định, và việc sử dụng các quỹ từ ngân sách trung ương. Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo cũng định kỳ báo cáo cho Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình. Một số chức năng chính của Ban Chỉ đạo gồm:

- (vi) Thay mặt Thủ tướng Chính phủ ra quyết định về cơ chế, chính sách, và giải quyết các vấn đề cụ thể trong phạm vi thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ liên quan tới tổ chức, giám sát và thi hành các nhiệm vụ trong Chương trình;
- (vii) Đề xuất thay đổi chính sách và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện Chương trình hiệu quả. Chỉ đạo các cơ quan liên quan thanh kiểm tra việc thực hiện các phương án và dự án đã phê duyệt;
- (viii) Tuyển chọn các chuyên gia trong và ngoài nước trong thời gian nhất định để thực hiện nghiên cứu và soạn thảo các phương án, dự án, văn bản pháp luật, và thực hiện những nhiệm vụ khác được giao;
- (ix) Hỗ trợ Thủ tướng Chính phủ thực hiện chỉ đạo, điều hoà và điều phối giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, và các cơ quan trực thuộc chính phủ nhằm giải quyết các vấn đề trong Chương trình, bao gồm phê duyệt khung kế hoạch tổng thể 5 năm và thực hiện các nhiệm vụ hàng năm của Chương trình.

(x) Hỗ trợ Thủ tướng Chính phủ thúc đẩy các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan trực thuộc Chính phủ giải quyết các vấn đề trong Chương trình.

Liên quan tới việc xây dựng RMP cho JETP, từ bài học của Nam Phi và Indonesia, có thể đi đến những đề xuất chính sách như sau:

Việt Nam nên xem xét xây dựng Khung chuyển dịch công bằng, tức là một quy trình nhằm mục tiêu đảm bảo chuyển dịch công bằng và bình đẳng hướng tới một nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường. Khung này cần có những biện pháp như chương trình đào tạo và dịch vụ thay thế công việc nhằm hỗ trợ những người lao động chịu tác động của quá trình chuyển dịch và hỗ trợ những cộng đồng còn phụ thuộc vào các ngành công nghiệp các-bon cao như khai thác than, nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hoá thạch để giúp họ đa dạng hoá. Việt Nam cũng cần thiết kế một Kế hoạch tổng thể về chuyển dịch năng lượng để bao quát tất cả các kế hoạch về BĐKH trên toàn quốc. Kế hoạch tổng thể về chuyển dịch năng lượng phải là một cơ chế toàn diện được thiết kế để quản lý mọi vấn đề có thể liên quan đến chuyển dịch tại Việt Nam. Như vậy, cần phát triển Khung mục tiêu phát thải ngành tương tự như khung được áp dụng tại Nam Phi, bao gồm các mục tiêu định lượng và định tính được xác định trên cơ sở chính sách và phương án phát triển ngành do chính các bộ trưởng chịu trách nhiệm quản lý các ngành liên quan thực hiện. Ngoài ra, Luật Điện lực hiện nay cũng cần được bổ sung cơ chế đấu giá điện theo đó các đơn vị phát điện sẽ đấu thầu để cung cấp điện trên lưới, với mức giá đấu thầu thấp nhất sẽ được chấp nhận. Điều này sẽ khuyến khích cạnh tranh giữa các đơn vị phát điện và có thể giúp giảm chi phí điện cho người dùng.

Thị trường các-bon toàn quốc và quốc tế cần được quản lý một cách công khai như là một phần của JET IP, với các hoạt động trong khuôn khổ JETP được khuyến khích tạo ra các tín chỉ phát thải. Cần xây dựng các quy định về tạo, cấp và mua bán tín chỉ các-bon cũng như khuyến khích các hoạt động xây dựng năng lực và tăng cường nhận thức về phát triển thị trường các-bon. Bên cạnh đó, Việt Nam có thể cân nhắc ban hành thuế các-bon như một công cụ hiệu quả để giảm phát thải KNK.

Chính phủ cần cấp bách rà soát và phê duyệt Quy hoạch Điện VIII một cách nhanh chóng, đặc biệt là những dự án lưới điện cung cấp điện cho miền Bắc Việt Nam. Cần lưu ý các dự án điện có thể mất rất nhiều thời gian để triển khai, trong đó các dự án lưới thường mất khoảng 2-3 năm và dự án điện thì mất 6-7 năm. Ví dụ, các dự án điện gió ngoài khơi có thể phải xây dựng trong từ 5 đến 11 năm, bao gồm giai đoạn khảo sát, cấp phép, xây dựng dự án, chuẩn bị, thi công... Với mục tiêu 7GW điện gió ngoài khơi vào năm 2030 của Việt Nam, thực sự thách thức để đạt được mục tiêu này cũng như các mục tiêu quy hoạch điện khác nếu Quy hoạch điện VIII không được phê duyệt kịp thời¹²⁰. Việt Nam nên cân nhắc ban hành Luật NLTT để cung cấp khung pháp lý cũng như những hướng dẫn rõ ràng cho việc phát triển, quản lý và sử dụng NLTT như mặt trời, gió (trên bờ và ngoài khơi), sinh khối, và thủy năng. Pháp luật cũng cần khuyến khích thúc đẩy đầu tư vào các dự án NLTT thông qua FIT và/hoặc đấu giá nhà sản xuất NLTT, đưa ra các hình thức ưu đãi cho các giải pháp phát triển NLTT và lưu trữ năng lượng.

¹²⁰ Thao, T. (2023). Bộ Công thương kiến nghị sớm xem xét phê duyệt Quy hoạch Điện VIII. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/bo-cong-thuong-kien-nghi-som-xem-xet-phe-duyet-quy-hoach-dien-viii-102650.htm>

Theo cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại COP26¹²¹, Bộ Công thương đề xuất không tiếp tục xây dựng các CFPP mới từ năm 2030. Các CFPP có trên 40 năm hoạt động sẽ được xem xét ngừng hoạt động hoặc chuyển đổi sang nhà máy điện sinh khối và amoniac trước 2050¹²². Trên cơ sở kinh nghiệm của Nam Phi, cần có một khung pháp lý rõ ràng cho NLTT tại Việt Nam nhằm góp phần thu hút đầu tư nước ngoài vào công nghiệp NLTT, tạo cơ hội việc làm mới và hỗ trợ khử các-bon đặc biệt là ngừng hoạt động và đóng cửa sớm các CFPP.

Các hoạt động phục hồi sau khai thác mỏ và chuyển đổi mục đích sử dụng các mỏ bị bỏ hoang, vô chủ, bỏ không và đóng cửa rất quan trọng. Các hoạt động sau khai thác mỏ có thể giúp trả lại đất cho cộng đồng và được sử dụng cho các mục đích khác. Tại Nam Phi, một trong những mục đích đó là dành cho nông nghiệp¹²³. Đối với Việt Nam, pháp luật hiện hành - Luật Đất đai 2013 đã có quy định về đất sử dụng cho nhiều mục đích nhưng chưa quy định tập trung tại một điều khoản. Trong Dự thảo Luật Đất đai mới nhất, đất sử dụng cho nhiều mục đích được quy định tại Điều 209 với những nội dung mới chưa có trong Luật Đất đai 2013. Điều này giúp hình thành cơ sở pháp lý và mang lại ưu đãi cho việc phát triển các dự án NLTT trong tương lai có sử dụng đất sử dụng cho nhiều mục đích, hệ thống tấm pin năng lượng mặt trời cũng có thể tạo ra bóng râm, giảm bức xạ mặt trời và tỉ lệ bốc hơi nước mặt. Do vậy, hệ thống tấm pin năng lượng mặt trời phù hợp với nhiều loại cây trồng ít nắng. Sửa đổi bổ sung Luật Đất đai đòi hỏi sự xem xét và đánh giá toàn diện tất cả các mối quan hệ về đất sử dụng cho nhiều mục đích hiện nay để hoàn thiện các quy định về đất sử dụng cho nhiều mục đích một cách cụ thể (ví dụ phát triển NLTT).

Thông qua học hỏi kinh nghiệm quốc tế từ Nam Phi và Indonesia, Việt Nam cần thiết xây dựng một cơ chế tham vấn chặt chẽ với các bên liên quan cho Kế hoạch huy động nguồn lực JETP (JETP RMP) và việc thực hiện JETP. Thủ tướng Chính phủ có thể cân nhắc thành lập một hội đồng/nhóm tư vấn bao gồm đại diện của các tổ chức xã hội khác nhau (được gọi là các tổ chức dân sự) chẳng hạn như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam, Hiệp hội Năng lượng Việt Nam và các tổ chức khác để hỗ trợ quá trình chuyển dịch công bằng và bình đẳng sang nền kinh tế các-bon thấp tại Việt Nam.

¹²¹ Bộ Công thương (2022). Công văn số 4329/BCT-DL báo cáo nội dung Quy hoạch Điện VIII. <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Thuong-mai/Cong-van-4329-BCT-DL-2022-bao-cao-noi-dung-Quy-hoach-dien-n-VIII-523637.aspx>

¹²² Bộ Công thương (2022). Công văn số 4329/BCT-DL báo cáo nội dung Quy hoạch Điện VIII. <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Thuong-mai/Cong-van-4329-BCT-DL-2022-bao-cao-noi-dung-Quy-hoach-dien-n-VIII-523637.aspx>

¹²³ Kauthen (2021). *Chuyển dịch Công bằng – Chuyển đổi mục đích các Khu Mỏ dành Cơ hội cho Phát triển Nông nghiệp (Just Transition – Repurposing Mine Sites for Agricultural Opportunities)*. <https://farmingfirst.org/2021/11/a-just-transition-repurposing-mine-sites-for-agricultural-opportunities/>